

TRƯỜNG LÃO NI KỆ

(Therīgāthā)



Dịch giả
Hòa thượng THÍCH MINH CHÂU

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU TRƯỞNG LÃO NI KỆ CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU

Quyển *Các bài kệ của Trưởng lão Ni (Therīgāthā)* ghi chép những bài kệ (*gāthā*) của 73 Tỷ-kheo-ni. Những bài kệ này được xem là do các Tỷ-kheo-ni nói lên, hoặc nói lên quả chứng của mình, hoặc nói lên sự sung sướng phấn khởi của mình khi chứng được đạo quả, hoặc nói lên những phương pháp tu hành mình đã tự thực hành để được giác ngộ, giải thoát. Bài kệ cũng nói lên những khó khăn đã được vượt qua, những khó khăn cần phải đối trị, để cuối cùng được giác ngộ, giải thoát. Bảy mươi ba vị Tỷ-kheo-ni này đều là những vị đã chứng quả A-la-hán do các nghiệp lành đời trước, do sự tinh tấn tu hành hiện tại, và đánh đổ thành kiến cho rằng nữ nhân không thể chứng được quả vị A-la-hán. Mỗi Tỷ-kheo-ni là một hình ảnh tích cực tu hành, tinh tấn, đối trị với những cám dỗ của dục lậu, hữu lậu, kiến lậu và vô minh lậu; đối trị với các thành kiến xã hội đè nặng lên giới nữ, làm nổi bật thành quả các nữ nhân vẫn có thể giác ngộ, giải thoát, nếu các vị này kiên trì tu hành, cương quyết đi theo con đường Giới - Định - Tuệ của đạo Phật.

Quyển *Trưởng lão Ni kệ* gồm có 16 chương, từ chương 1 kệ cho đến chương 40 kệ và con số các bài kệ lên đến 524 bài kệ tất cả.

Trong các bài kệ và sự tích, chúng tôi dịch chữ “nàng”, thực sự có gò ép, vì để chỉ các vị này khi còn là cư sĩ, khi còn trẻ, cho đến khi xuất gia, khi thành vị Tỷ-kheo-ni, khi thành Trưởng lão Ni.

Ngoài ra, con số 73 Trưởng lão Ni không nhất thiết là chỉ có 73 vị, vì khi nói đến Paṭācārā và các đệ tử của Paṭācārā lên đến hơn 500 vị, nhưng chỉ kể đơn vị đệ tử của Paṭācārā là một vị mà thôi.

(Lời Giới thiệu Trưởng lão Ni kệ, 1982)

DẪN LUẬN TRƯỞNG LÃO NI KỆ (*THERĪGĀTHĀ*)

Về từ ngữ và bản dịch

Trưởng lão Ni kệ (P. *Therīgāthā*, S. *Sthavirīgāthā*, H. 長老尼偈) là bản văn thứ 9 của *Kinh Tiểu bộ* (*Khuddaka Nikāya*, 小部經)¹ thuộc hệ thống Kinh tạng Pāli, là hợp tuyển thi ca gồm 524 bài thi kệ tu tập và chứng đắc của 73 Trưởng lão Ni. *Trưởng lão Ni kệ* được xem là tuyển tập thi ca bằng văn bản sớm nhất của cộng đồng phụ nữ Ấn Độ trong thời cổ đại.

Gọi là 73 Trưởng lão Ni chỉ là cách nói tượng trưng. Trên thực tế, số lượng các Trưởng lão Ni trong *Trưởng lão Ni kệ* có hơn 600 vị, vì có những kệ ngôn theo nhóm Tỷ-kheo-ni của nữ Tôn giả Paṭācārā 30 vị (*Thīg. V: 117-21*),² có nhóm 500 vị (*Thīg. VI: 127-32*). Có một số Trưởng lão Ni không rõ danh tánh, khác với *Trưởng lão Tăng kệ*, các kệ ngôn đều được xác định danh tánh của người nói.

Khái niệm “bài kệ” (偈集, kệ tập) trong văn học Pāli là “*gāthā*”, thường được dịch trong Hán Việt là “tụng thi” (頌詩), “kệ tụng” (偈頌), hoặc “kệ ngôn” (偈言). Theo cấu trúc thi ca trong văn học Pāli, mỗi bài kệ thường có 4 hoặc 6 câu (*pāda*). Mỗi câu có số âm tiết khác biệt, thông thường là 8, 9, 10, 11 hoặc 13 âm tiết.

Bản dịch tiếng Anh đầu tiên của *Trưởng lão Ni kệ* là *Psalms of the Early Buddhist*, I. *Psalms of the Sisters* (Thánh vịnh của Phật giáo nguyên thủy, Thánh vịnh của các vị Ni), do C. A. F. Rhys Davids dịch (London: PTS, 1909). Quyền thứ hai có tựa đề là *Elders' Verses: Therīgāthā* (Thi kệ của các Trưởng lão Ni), còn được gọi là “*Thi kệ của chư Ni Phật giáo Nguyên thủy*” (*Poems of Early Buddhist Nuns*), do K. R. Norman dịch (London: PTS, 1971). Quyền *The First Buddhist Women: Translations and Commentaries on the Therīgāthā* (Các phụ nữ Phật giáo đầu tiên: Các bản dịch và chú thích về Trưởng lão Ni kệ) do Susan Murcott dịch (Berkeley: Parallax press, 1991). Quyền *Selections from Songs of the Elder Sisters* (Đạo ca của các Trưởng lão Ni) do Francis Booth dịch, 2009.

¹ Tác phẩm tương tự bên Tăng đoàn là “*Trưởng lão kệ*” (*Theragāthā*, 長老偈) còn gọi là *Trưởng lão Tăng kệ* (長老僧偈).

² Cách ghi chú trong bản này là chương, sau đó là số thứ tự bài kệ. Ví dụ trên, chương VI, kệ 117 đến 121.

Bản dịch tiếng Anh của nhóm Access to Insight có tựa đề: *Therīgatha: Verses of the Elder Nuns* (*Therīgāthā: Các thi kệ của Trưởng lão Ni*), 2013.³ Quyển *Poems of the Elders: An Anthology from the Theragāthā & Therīgāthā* (*Thi ca của các Trưởng lão: Tuyển tập từ Trưởng lão Tăng kệ và Trưởng lão Ni kệ*) do Bhikkhu Thanissaro dịch năm 2015 thực chất chỉ tuyển chọn 32 kinh thơ của Trưởng lão Ni kệ và 88 kinh thơ của Trưởng lão Tăng kệ. Quyển *Therīgāthā: Poems of the First Buddhist Women* (*Trưởng lão Ni kệ: Thi ca của những phụ nữ Phật giáo đầu tiên*) do Charles Hallisey dịch (Cambridge, Massachusetts: Harvard University, 2015).

Quyển *Voices of Early Buddhist Nuns: A Dharmalogical Approach to the Therīgāthā* (*Tiếng nói của các Tỷ-kheo-ni đầu tiên: Tiếp cận từ pháp ngữ Trưởng lão Ni kệ*), Luận văn Thạc sĩ của Meg Doshin Gawler đệ trình tại Institute of Buddhist Studies, Berkeley-California, 2017. Quyển *Therīgāthāpāli - Book of Verses of Elder Bhikkhunis* (*Trưởng lão Ni kệ: Tập thơ của các Trưởng lão Ni*) do Anagarika Mahendra dịch (Roslindale, MA: Dhamma Publishers, 2017). Quyển *Verses of the Senior Nuns* (*Thi kệ của Trưởng lão Ni*) do Bhikkhu Sujato và Jessica Walton dịch, 2019.

Về bản dịch tiếng Việt, ngoài bản dịch thi ca của Hòa thượng Thích Minh Châu xuất bản năm 1982 có tựa đề *Trưởng lão Ni kệ*, được sử dụng chính trong *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, còn có bản dịch văn xuôi *Trưởng lão Ni kệ* của Tỳ-khuru Indacanda, 2011.⁴

Về tác giả và niên đại

Về tác giả, phần lớn các bài thi kệ trong *Trưởng lão Ni kệ* là của các Trưởng lão Ni trong thời đức Phật, bao gồm các vị Thánh đệ tử Tỷ-kheo-ni lớn từ thời đức Phật đến kỳ kết tập kinh điển lần thứ III dưới triều Vua Asoka. Bắt nguồn từ tiếng Magadhi bằng khẩu truyền, các kệ tụng xướng ngâm này phản ánh cuộc đời và kinh nghiệm tu học của Ni đoàn Phật giáo sớm nhất trong lịch sử văn minh nhân loại.

Trong số 10 vị Thánh Ni lớn của đức Phật, *Trưởng lão Ni kệ* chỉ có 9 vị, không đề cập nữ Tôn giả Yasodharā, mẹ của Tôn giả Rāhula. Nổi tiếng nhất giữa các Trưởng lão Ni có nữ Tôn giả Mahāpajāpatī Gotamī (*Thīg.* VI: 157-62), vốn là Hoàng hậu của Vua Suddhodana (Tịnh Phạn), mẹ kế của đức Phật, vị Tỷ-kheo-ni đầu tiên nhiều hạ lạc nhất trong Ni đoàn, là một bậc Thánh Ni gương mẫu. Nữ Tôn giả Khemā (*Thīg.* VI: 139-44) vốn là ái phi của Vua Bimbisāra (Tần-bà-sa-la) nước Magadha (Ma-kiệt-đà), nổi tiếng về trí tuệ đệ nhất như Ngài Sāriputta (Xá-lợi-phất). Nữ Tôn giả Uppalavannā (Liên Hoa Sắc) (*Thīg.* XI: 224-35) có nhan sắc tuyệt đẹp, khi xuất gia nổi tiếng về thần thông đệ nhất

³ Xem <https://www.accesstoinight.org/tipitaka/kn/thag/> (truy cập ngày 01/5/2021).

⁴ Xem http://tamtangpaliviet.net/VHoc/31b/Thig_00.htm (truy cập ngày 01/5/2021).

như Ngài Moggallāna (Mục-kiền-liên). Nữ Tôn giả Dhammadinnā (Pháp Lạc) vốn là người vợ xinh đẹp, hiền thực của Trưởng giả Visākha, khi xuất gia nổi tiếng về thuyết pháp đệ nhất (*Thīg. I: 12*) như Ngài Punṇa Mantāniputta (Phú-lâu-na). Nữ Tôn giả Paṭācārā (*Thīg. V: 112-16*) vốn là con gái của một thương gia phú hộ ở Sāvattthi, nước Kosala, khi xuất gia nổi tiếng về trì luật đệ nhất như Ngài Upāli, và thường an ủi, chia sẻ bằng cả tấm lòng đến với những phụ nữ có hoàn cảnh bi thương, bất hạnh. Nữ Tôn giả Kisā Gotamī là một người mẹ từng bị khổ đau khi con trai mất (*Thīg. X: 213-23*),⁵ sau khi xuất gia nổi tiếng về hạnh mặc thô y. Nữ Tôn giả Bhaddā Kuṇḍalakesā (*Thīg. V: 107-11*)⁶ nổi tiếng đệ nhất về thắng trí nhạy bén. Nữ Tôn giả Soṇā (*Thīg. V: 102-06*)⁷ vốn sanh trong gia đình quý tộc ở Sāvattthi, nữ Tôn giả có đến 10 người con, sau đó bị con cái hắt hủi, khinh rẻ, thất vọng, chán chường nên xuất gia, khi đi tu nổi tiếng về đệ nhất tinh tấn. Nữ Tôn giả Sundarī Nandā vốn là công chúa xinh đẹp của dòng họ Thích-ca, khi xuất gia nổi tiếng về thiền định đệ nhất (*Thīg. V: 82-6*).

Cũng có một vài bài kệ của các nữ Tôn giả do nghiệp lực đời quá khứ, trước khi đi tu từng sống bằng nghề kỹ nữ, nhưng khi xuất gia trở thành bậc Thánh Ni đặc đạo như nữ Tôn giả Aḍḍhakāsi (*Thīg. I: 25-6*), nữ Tôn giả Vimalā (*Thīg. V: 72-6*), nữ Tôn giả Ambapālī (*Thīg. XIII: 252-70*).

Trong *Trưởng lão Ni kệ* có một vài nữ Tôn giả nói lên những kệ ngôn giống nhau như kệ 19 của nữ Tôn giả Abhirūpa Nandā giống với kệ 82 của nữ Tôn giả Sundarī Nandā; kệ 21 của nữ Tôn giả Jentā giống với kệ 45 của nữ Tôn giả Uttamā khác; kệ 22 của nữ Tôn giả Jentā giống với kệ 160 của nữ Tôn giả Mahāpajāpatī Gotamī; kệ 42 của nữ Tôn giả Uttamā giống với kệ 169 của nữ Tôn giả Vijayā; hai kệ 52, 53 của nữ Tôn giả Ubbirī giống với kệ 131, 132 của 500 nữ Tôn giả dưới sự dẫn dắt của nữ Tôn giả Paṭācārā; hai kệ 58, 59 của nữ Tôn giả Selā giống với kệ 141, 142 của nữ Tôn giả Khemā và kệ 234, 235 của nữ Tôn giả Paṭācārā; các kệ 59, 62, 142, 235 của các nữ Tôn giả Selā, Somā, Khemā, Uppalavaṇṇā giống nhau; các kệ 188, 195, 203 của các nữ Tôn giả Cālā, Upacālā, Sīsapacālā giống nhau và ba nữ Tôn giả còn có 3 kệ khác giống nhau là 187, 194, 202; kệ 117 của 30 nữ Tôn giả dưới sự lãnh đạo của nữ Tôn giả Paṭācārā giống với kệ 175 của nữ Tôn giả Uttarā; kệ 186 của nữ Tôn giả Cālā giống với kệ 193 của nữ Tôn giả Upacālā. Có nhiều bài kệ khá giống nhau, chỉ khác nhau 1 hoặc 2 từ trong câu; hoặc có những bài kệ có nội dung giống với câu kệ trên một ít, hoặc giống câu kệ dưới một ít.

Cũng có nhiều nữ Tôn giả trùng tên nói các bài kệ khác nhau như các nữ Tôn giả Muttā, Tissā, Punṇā, Sāmā, Uttamā, Subhā. Một số kệ ngôn là lời dạy của đức Phật đối với các nữ Tôn giả, được các vị Trưởng lão Ni thường đọc lại,

⁵ Xem *Dh. v. 278*.

⁶ Xem *A. I. 25*.

⁷ Xem *Dh. v. 115*.

lấy đó làm pháp tu của riêng mình (*Thīg. I: 1-6, 8-10, 14, 16; Thīg. II: 19-20, 35-6; Thīg. III: 51; Thīg. IV: 82-5; Thīg. VI: 163-8; Thīg. XIII: 364-6*). Có một số bài kệ là lời của thiên nhân tán thán hạnh thuyết pháp tuyệt diệu của nữ Tôn giả Sukkā (*Thīg. III: 54-5*). Cũng có một số bài kệ (*Thīg. III: 57, 60; Thīg. VI: 139; Thīg. VII: 183, 190; Thīg. VIII: 197; Thīg. XI: 230*) do Ác ma nói với các Trưởng lão Ni vì muốn ngăn chặn, chống phá sự tu tập của các vị và một số kệ là lời giáo hóa của các vị Trưởng lão Ni cho Ác ma (*Thīg. III: 58, 59, 61, 62; Thīg. VI: 140-4; Thīg. VII: 184-8, 191-5; Thīg. VII: 198-203; Thīg. XI: 231-5*). Có những bài kệ diễn tả cuộc đối thoại giữa nữ Tôn giả Subhā và thanh niên ăn chơi vì say mê sắc đẹp của vị Thánh Ni nên chặn đường trên ghẹo (*Thīg. XIV: 368-401*).

Trong *Trưởng lão Ni kệ*, dù không nhiều nhưng cũng có một vài bài kệ với xuất xứ khá đặc biệt, như bài kệ do Trưởng lão Tăng Abhaya thuyết pháp cho mẹ và bà xuất gia, chứng Thánh quả, sau đó được nữ Tôn giả thuật lại (*Thīg. II: 33*). Hay như những bài kệ là lời khiển trách của người mẹ đã chứng Thánh quả khi người con trai đến tinh xá thăm mẹ, và người con trai sau đó cũng chứng Thánh quả, đến gặp mẹ và nói lên những lời kệ tán thán mẹ mình (*Thīg. IX: 204-12*). Cũng có những bài kệ là lời đối đáp của một nữ nô lệ và ông chủ Bà-la-môn, nhờ khuyên ông chủ Bà-la-môn của mình tin theo Chánh pháp, quy y với đức Phật nên sau đó được thoát khỏi kiếp nô lệ, được ông chủ cho đi xuất gia, thành tựu tam minh, chứng quả A-la-hán, còn ông chủ sau này cũng xuất gia và thành tựu được tam minh (*Thīg. XII: 236-51*). Có những bài kệ là lời của đôi vợ chồng Upaka và Cāpā trước và sau khi đi xuất gia (*Thīg. XIII: 292-312*). Có những bài kệ do các nữ Tôn giả thuật lại lời nói trước kia của cha, của mẹ, của vị hôn phu, trong đó, có người cũng đã xuất gia và chứng đắc Thánh quả, nhưng cũng có người còn sống đời tại gia (*Thīg. XIII: 271-3, 286-7, 289-91*), (*Thīg. XIII: 313-4, 317, 320-38*), (*Thīg. XVI: 464-6, 485-6*). Có những bài kệ được các vị kết tập sáng tác để giới thiệu thêm về tiểu sử của Trưởng lão Ni, nêu duyên khởi của thi kệ được ra đời (*Thīg. XV: 402-4*), và còn có bài kệ do các vị Tỷ-kheo thêm vào để tán dương Thiên chủ Sakka đã đến đánh lễ nữ Tôn giả Subhā, con người thợ vàng (*Thīg. XIII: 367*).

Có thể khẳng định rằng *Trưởng lão Ni kệ* được biên tập và bổ sung suốt 300 năm kể từ khi đức Phật nhập Vô dư Niết-bàn, nên các nữ Tôn giả trong tác phẩm bao gồm các Thánh Ni thời đức Phật cho đến thời Đại đế Asoka.

Một số bài thi kệ trong *Trưởng lão Ni kệ* xuất hiện trong phần thứ 5 của *Kinh Tương ưng bộ*, cụ thể là phần “Các bài kinh có liên hệ Tỷ-kheo-ni (*Bhikkhunī Saṃyutta*)”. Một số bài thi kệ khác xuất hiện trong tác phẩm *Thánh nhân ký sự* (*Apadāna*) thuộc *Kinh Tiểu bộ*, theo đó, phần viết về nữ Tôn giả *Therīapadāna* (*Trưởng lão Ni ký sự*) chứa các bài kệ của 40 Tỷ-kheo-ni kể về các câu chuyện kiếp trước. *Phẩm Người tối thắng* (*Etadaggavagga*) trong

Kinh Tăng chi bộ (Anguttara Nikāya) cũng có nêu công hạnh nổi bật của 13 Tôn giả Tỷ-kheo-ni.

Về số lượng và nội dung của các bài thi kệ

Cũng giống với cấu trúc của *Trường lão Tăng kệ*, các bài kệ trong *Trường lão Ni kệ* được sắp xếp thành các nhóm có cùng số lượng. Với 524 bài kệ được phân bố trong 16 chương, mỗi chương có số lượng bài kệ khác nhau.

Các nữ Tôn giả chỉ có 1 thi kệ được xếp trong chương I. Tương tự, các nữ Tôn giả có 2 thi kệ được xếp trong chương II; cứ như thế, 3 thi kệ xếp trong chương III, cho đến 9 thi kệ được xếp trong chương IX. Không có nhóm 10 kệ, 13 kệ, 14 kệ, 15 kệ, cho nên, chương X là nhóm 11 thi kệ, chương XI là nhóm 12 thi kệ, chương XII là nhóm 16 thi kệ. Chương XIII là nhóm 20 thi kệ, chương XIV là nhóm 30 thi kệ, chương XV là nhóm 40 thi kệ. Lưu ý, đối với các nhóm 20, 30, 40 thi kệ chỉ có tính tương đối và gộp chung là chính yếu, không nhất thiết tương ứng với số lượng các thi kệ trực thuộc trong nhóm đó. Chương XVI có 75 kệ, đây là nhóm lớn có nhiều thi kệ nhất.

Về nội dung, giống với *Kinh Pháp cú*, *Kinh Phật thuyết như vậy*, *Kinh tập*, *Trường lão Tăng kệ*, các bài kệ trong *Trường lão Ni kệ* được xem là những giáo lý Phật giáo ít bị biên tập nhất, phản ánh trung thành với triết học ứng dụng của đức Phật nhất.

Về thể giới quan, một số bài kệ nói về thuyết duyên khởi, tương quan, tương duyên, tương thuộc, không có nguyên nhân đầu tiên. Về nhân sinh quan, một số bài kệ nói về tầm quan trọng của việc làm người, con người chịu trách nhiệm về những gì mình đã làm, đang làm và sẽ làm.

Về xã hội quan, các thi kệ thể hiện chủ trương công bằng, dân chủ, bình đẳng giai cấp và bình đẳng giới. Về đạo đức quan, một số bài kệ dạy về cách ngăn ngừa và từ bỏ điều ác, phát triển điều thiện, giữ tâm ý thanh tịnh, tinh thần vị tha.

Về giải thoát quan, các thi kệ trình bày kinh nghiệm tu tập hóa giải khổ đau, giác ngộ, giải thoát của các nữ Tôn giả, chứng đắc quả Thánh A-la-hán như các vị Trường lão Tăng.

Trường lão Ni kệ còn phản ánh nỗi khổ đau của con người, đặc biệt là người phụ nữ trước sự sanh lão bệnh tử của kiếp con người. Khi vô thường đến, mất đi những người thân yêu của mình, họ đau khổ, tuyệt vọng đến điên loạn. Song, nhờ thiện nghiệp đã gieo trồng từ nhiều kiếp trước nên họ gặp được Phật pháp, xuất gia và sau khi trở thành các vị Tỷ-kheo-ni thì nỗi khổ đau đó chấm dứt. Họ trở nên năng động trong học Phật, tu Phật, làm Phật sự và giáo hóa nhân sinh.

Đọc *Trường lão Ni kệ* giúp chúng ta tôn trọng tiềm năng và năng lực tâm linh cũng như những đóng góp to lớn của Ni đoàn nói chung và phụ nữ Phật

giáo nói riêng. *Trưởng lão Ni kệ* là minh chứng hùng hồn về chủ trương bình đẳng giới của đức Phật, góp phần giải phóng phụ nữ ra khỏi văn hóa “trọng nam khinh nữ” trong tôn giáo và xã hội Ấn Độ cổ đại.

Mỗi vị trong tổng số 73 vị Trưởng lão Ni là tấm gương chói sáng về trải nghiệm tâm linh và kinh nghiệm tu tập. Các vị đã làm chủ và vượt qua bản thân, dứt trừ nỗi khổ niềm đau, tu luyện và phát triển trọn vẹn ba giá trị cao quý (trí tuệ, đạo đức và thiên định). Nhờ đó, người nữ trở về và sống với nhân phẩm cao quý của mình, góp phần mang lại hạnh phúc cũng như đóng góp to lớn cho gia đình, cộng đồng, xã hội, quốc gia, châu lục và toàn cầu.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 6 năm 2021

TT. TS. Thích Nhật Từ

(Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam)



CHƯƠNG I

MỘT KỆ

(*EKAKANIPĀTA*)

§1. KỆ NGÔN CỦA MỘT TRƯỞNG LÃO NI KHÔNG BIẾT TÊN (*Aññatarātherīgāthā*)¹ (*Thīg.* 123; *ThīgA.* 1)

1. Hãy ngủ trong an lạc, Hỡi cô thân đầy đà,
 Đắp phủ trong tấm y, Chính mình tự làm lấy,
 Lòng tham cô lắng dịu, Như ghè khô trong lò.

Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh trong một gia đình ở Vesālī (Tỳ-xá-ly). Vì thân hình đầy đà, cô được gọi là “nàng đầy đà.” Cô trở thành người vợ trung thành của một người quý tộc. Khi bậc Đạo sư đến Vesālī, cô tin tưởng giáo pháp của đức Phật và trở thành một nữ cư sĩ. Khi cô nghe Trưởng lão Ni Mahāpajāpatī Gotamī thuyết pháp, cô muốn xuất gia và thưa với chồng ý nguyện của cô. Người chồng không cho nên cô tiếp tục làm tròn bổn phận, suy tư đến những lời dạy vi diệu của giáo pháp và chú tâm đến thiền quán. Rồi một ngày kia, khi đang ở trong bếp và nấu món ăn, một ngọn lửa mạnh bùng cháy và thiêu tất cả món ăn với những tiếng cháy xèo xèo, cô lấy đó làm đề mục để thiền quán về tánh vô thường của sự vật và chứng được quả Bất lai. Rồi cô không đeo các đồ trang sức nữa. Người chồng hỏi duyên cớ, cô trả lời rằng cô không thể sống trong gia đình được nữa. Người chồng đưa cô đến Trưởng lão Ni Mahāpajāpatī Gotamī và bằng lòng để cô xuất gia. Mahāpajāpatī làm lễ xuất gia cho cô và đưa cô đến yết kiến đức Phật. Bậc Đạo sư giải thích về đề mục thiền quán của cô và nói lên bài kệ này.

Khi chứng quả A-la-hán, cô lập lại bài kệ này và bài kệ trở thành bài kệ của mình.

§2. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI MUTTĀ (*Muttātherīgāthā*)² (*Thīg.* 123; *ThīgA.* 8)

Bài kệ này Thế Tôn thường nói lên để khích lệ Muttā khi cô còn đang học tập:

2. Hỡi này giải thoát Ni, Hãy giải thoát các ách,
 Như mặt trăng thoát khỏi, Miệng hàm của Rāhu,

¹ Xem *Ap.* II. 514, *Maṇḍapadāyikātherīpadāna* (Ký sự về Trưởng lão Ni *Maṇḍapadāyika*).

² Xem *Ap.* II. 514, *Saṅkamanatthātherīpadāna* (Ký sự về Trưởng lão Ni *Saṅkamanatthā*).

Với tâm tư giải thoát,
Hãy thọ hưởng món ăn,

Khỏi nợ nần trôi buộc,
Do khát thực đem lại.

Đây là bài kệ của Giới học nữ Muttā. Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh làm con gái của một Bà-la-môn có danh vọng ở Sāvatti. Đến năm hai mươi tuổi, các điều kiện đã chín muồi, cô xuất gia dưới sự hướng dẫn của Mahāpajāpatī Gotamī và học tập thiền quán. Một hôm, sau khi khát thực và đã làm các phận sự đối với các Trưởng lão Ni xong, cô tìm một chỗ thanh vắng để ngồi thiền, tập trung tư tưởng vào nội tâm. Rồi bậc Đạo sư ngồi trong hương phòng ở tinh xá phóng ra hào quang, xuất hiện trước mặt cô và nói lên bài kệ trên. Còn cô vững tin với lời giáo giới ấy, không bao lâu sau chứng được quả A-la-hán và khi chứng quả nói lên lại bài kệ này. Sau khi tu hành thành đạt, được đề nghị lên hàng giáo phẩm và cô đã đọc bài kệ này khi sắp sửa mạng chung.

§3. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI PUNṆĀ

(*Punṇātherīgāthā*) (*Thīg.* 123; *ThīgA.* 9)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh làm con một gia đình trưởng giả ở Sāvatti và tên là Punṇā. Khi cô đến hai mươi tuổi và nghiệp duyên thuần thực, cô nghe Mahāpajāpatī thuyết pháp và xuất gia. Sau khi trở thành một Giới học nữ, cô bắt đầu tu tập thiền quán, và bậc Đạo sư từ nơi hương phòng của Ngài phóng hào quang và nói lên bài kệ này:

- | | | |
|----|---|---|
| 3. | Hồi này thành mãn Ni,
Như mặt trăng tròn đầy,
Hãy tràn đầy trí tuệ, | Hãy tràn đầy Chánh pháp,
Trong ngày rằm trăng tròn,
Phá tan khối si ám. |
|----|---|---|

Sau khi nghe bài kệ này, thiền quán được tăng trưởng và cô chứng quả A-la-hán. Bài kệ này nói lên lòng phấn khởi và xác chứng chánh trí của cô.

§4. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI TISSĀ

(*Tissātherīgāthā*) (*Thīg.* 123; *ThīgA.* 11)

Bài kệ sau này là của Tissā, một Giới học nữ trải qua nhiều thời đức Phật đã tích lũy các công đức; và trong thời đức Phật hiện tại, cô được tái sanh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) trong gia đình quý tộc Thích-ca, được tuyển vào nội cung của Bồ-tát. Cô cùng với Mahāpajāpatī xuất gia và tu tập thiền quán. Bậc Đạo sư hiện ra trước cô và nói lên bài kệ:

- | | | |
|----|--|---|
| 4. | Tissā, hãy học tập,
Chớ để cho các ách,
Hãy sống không liên hệ,
Sống giữa thế giới này, | Học trong những học pháp,
Vượt khỏi chi phối cô.
Mọi ách không trôi buộc,
Không có các lậu hoặc. |
|----|--|---|

Và cô nghe bài kệ này, được tăng trưởng thiền quán và chứng quả A-la-hán. Sau đó cô thường đọc lên bài kệ này.

§5. KỆ NGÔN CỦA MỘT TRƯỞNG LÃO NI TISSĀ KHÁC*(Aññatarātissātherīgāthā)³ (Thīg. 123; ThīgA. 12)*

- | | | |
|----|--|--|
| 5. | Tissā, hãy cột tâm,
Chớ để từng sát-na,
Những sát-na đã qua,
Khi họ bị rơi vào, | Tập trung trên các pháp,
Uổng phí vượt khỏi cô.
Họ sâu muộn, đau khổ,
Trong cảnh giới địa ngục. |
|----|--|--|

§6. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI DHĪRĀ*(Dhīrātherīgāthā) (Thīg. 124; ThīgA. 12)*

- | | | |
|----|--|---|
| 6. | Dhīrā, hãy cảm xúc,
Tĩnh chỉ các vọng tưởng,
Hãy thuận hướng Niết-bàn, | Những cảm chứng đoạn diệt,
Là chơn chánh an lạc,
Ách an ổn vô thượng. |
|----|--|---|

§7. KỆ NGÔN CỦA MỘT TRƯỞNG LÃO NI DHĪRĀ KHÁC*(Aññatadhīrātherīgāthā)⁴ (Thīg. 124; ThīgA. 13)*

- | | | |
|----|---|---|
| 7. | Dhīrā, hãy kiên trì,
Hỡi này Tỷ-kheo-ni,
Hãy mang cái thân này,
Sau khi đã chiến thắng,
Sau khi đã chiến thắng, | Nắm giữ các thiện pháp,
Các căn đượ tu tập.
Là cái thân cuối cùng,
Ác ma nữ quân lực,
Ác ma với quân lực. |
|----|---|---|

§8. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI MITTĀ*(Mittātherīgāthā) (Thīg. 124; ThīgA. 13)*

- | | | |
|----|---|---|
| 8. | Hỡi này Mittā bạn,
Hãy tu tập rèn luyện,
Hãy tu tập rèn luyện,
Cố gắng đạt cho được, | Với lòng tin xuất gia,
Hân hoan với bạn lành,
Trong các pháp hiền thiện,
An ổn khỏi ách nạn. |
|----|---|---|

§9. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI BHADRĀ*(Bhadrātherīgāthā) (Thīg. 124; ThīgA. 13)*

- | | | |
|----|---|--|
| 9. | Hỡi Bhadrā hiền thiện,
Hãy sống vui hoan hỷ,
Hãy tu tập rèn luyện,
Cố gắng đạt cho được, | Với lòng tin xuất gia,
Trong các pháp hiền thiện.
Trong các pháp chí thiện,
An ổn khỏi ách nạn. |
|----|---|--|

³ Từ kệ 5-10, xem ThīgA. 12. Tham chiếu: Thag. v. 981; Dh. v. 315; Pháp cú kinh “Địa ngục phẩm” 法句經地獄品 (T.04. 0210.30. 0570a05); Xuất diệu kinh “Niệm phẩm” 出曜經念品 (T.04. 0212.6. 0649a06); Pháp tập yếu tụng kinh “Ái lạc phẩm” 法集要頌經愛樂品 (T.04. 0213.5. 0779c23).

⁴ Bản CST viết *Vīrātherīgāthā*. Bản PTS viết *Aññatadhīrā*.

§10. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI UPASAMĀ (*Upasamātherīgāthā*) (*Thīg.* 124; *ThīgA.* 13)

- | | | |
|-----|-------------------------|--------------------------|
| 10. | Hỡi Upasamā, | Hãy vượt dòng nước mạnh, |
| | Dòng nước khó vượt qua, | Bị thân chết chi phối. |
| | Hãy mang cái thân này, | Là cái thân cuối cùng, |
| | Sau khi đã chiến thắng, | Ác ma với quân lực. |

Sáu Tỷ-kheo-ni này, câu chuyện giống như Tissā (§4) trừ Dhīrā, được gọi là một Dhīrā khác. Cô không được bài kệ nào đọc cho cô, nhưng cô cảm thấy dao động khi được nghe lời Phật dạy. Dựa trên những lời dạy này, cô tinh tấn thiền quán, và khi chứng được quả A-la-hán, cô nói lên niềm hoan hỷ của mình. Các Tỷ-kheo-ni khác cũng tương tự như vậy.

§11. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI MUTTĀ (*Muttātherīgāthā*) (*Thīg.* 123; *ThīgA.* 13)

Nhờ tích lũy các thiện nghiệp dưới thời các đức Phật khác, Muttā được sanh ở Kosala, con gái của một Bà-la-môn nghèo tên là Oghātaka. Khi đến tuổi trưởng thành, cô phải làm vợ một người Bà-la-môn còm, nhưng cô thưa với chồng rằng cô không thể sống trong gia đình và được chồng bằng lòng cho xuất gia. Trong khi tu tập thiền quán, tâm tư cô vẫn chạy theo các đối tượng ở ngoài. Do vậy, cô kiên trì tự chế ngự và đọc lên bài kệ của mình. Cô tinh tấn thiền quán cho đến khi chứng được quả A-la-hán. Rồi hân hoan, cô lặp lại bài kệ:

- | | | |
|-----|--------------------------|---------------------------|
| 11. | Lành thay giải thoát Ni! | Ta thật khéo giải thoát, |
| | Giải thoát ra khỏi được, | Ba vật còm và cong, |
| | Thoát côi xay, cái chày, | Thoát ông chồng lưng còm. |
| | Hỡi này, giải thoát Ni! | Ta thoát được sống chết, |
| | Những gì dẫn tái sanh, | Được nhỏ lên tận gốc. |

§12. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI DHAMMADINNĀ (*Dhammadinnātherīgāthā*)⁵ (*Thīg.* 124; *ThīgA.* 15)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh trong một gia đình ở Rājagaha (Vương Xá) và trở thành vợ của Visākha, một người có địa vị trong xã hội. Một ngày kia, chồng cô đi nghe đức Phật thuyết pháp, chứng được quả Bất lai. Khi Visākha về, Dhammadinnā đưa tay ra đỡ chồng lên gác nhưng người chồng không nắm tay và không nói gì với cô trong bữa ăn chiều. Cô hỏi chồng duyên cớ, người chồng nói không phải vì lỗi của cô, nhưng nay vì đã hiểu được Chánh pháp nên không còn những cử chỉ như trước nữa. Người chồng trả quyền tự do cho cô, một là ở lại gia đình chồng, hai là lấy tiền bạc rồi về lại gia đình cha mẹ; nhưng cô không chịu và xin được xuất gia. Visākha đưa cô

⁵ Xem *Ap.* II. 567, *Dhammadinnātherīapadāna* (Ký sự về Trưởng lão Ni Dhammadinnā).

đền chỗ các Tỷ-kheo-ni trong một chiếc kiệu vàng. Được cho phép xuất gia, cô xin sống nhập thất, không muốn sống chung đụng ồn ào và đi đến một tỉnh xá ở làng. Tại đây, nhờ những thiện nghiệp quá khứ, cô chế ngự thân, miệng, ý, chứng được quả A-la-hán với tứ vô ngại giải: Nghĩa vô ngại giải, pháp vô ngại giải, từ vô ngại giải, biện tài vô ngại giải.

Rồi cô đi về Rājagaha (Vương Xá) với các Tỷ-kheo-ni. Visākha, chồng cũ của cô đến hỏi pháp cô như đã được diễn tả trong *Tiểu kinh Phương quảng*,⁶ cô trả lời rất rõ ràng, đúng đắn các câu hỏi của Visākha và được đức Phật tán thán. Cô trở thành vị Thuyết pháp đệ nhất trong hàng Tỷ-kheo-ni. Chính trong khi cô ở lại một tỉnh xá trong làng và cô nói lên bài kệ này:

- | | | |
|-----|---|--|
| 12. | Trong ai lòng ước muốn,
Được sanh khởi tỏa rộng,
Tâm không bị trôi buộc,
Vị ấy được tên gọi, | Đạt được quả Vô sanh,
Đầy tràn cả tâm ý,
Trong các dục chi phối,
Là bậc Vào dòng trên. ⁷ |
|-----|---|--|

§13. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI VISĀKHĀ

(*Visākhātherīgāthā*) (Thīg. 124; ThīgA. 20)

Câu chuyện của Visākhā cũng giống như câu chuyện của Dhīrā. Sau khi chứng quả A-la-hán, cô suy tư trên lục giải thoát và nói lên chánh trí của mình đã chứng được để khuyến khích bạn đồng tu.

- | | | |
|-----|---|--|
| 13. | Hãy làm, hãy thực hành,
Và sau khi làm xong,
Hãy gấp rửa chân sạch, | Đúng theo lời Phật dạy,
Không có lòng ăn năn,
Và ngồi xuống một bên. |
|-----|---|--|

§14. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI SUMANĀ

(*Sumanātherīgāthā*) (Thīg. 124; ThīgA. 20)

Câu chuyện của cô giống như chuyện của Tissā. Đức Phật phóng hào quang, hiện ra ngồi trước mặt cô và nói lên bài kệ này:

- | | | |
|-----|--|--|
| 14. | Sau khi thấy các giới,
Chớ có đi trở lại,
Hãy từ bỏ, xả ly,
Sống đời sống hành trì, | Với cái nhìn đau khổ,
Vào con đường tái sanh.
Lòng dục trong sanh hữu,
Ta mát lạnh tịch tịnh. |
|-----|--|--|

§15. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI UTTARĀ

(*Uttarātherīgāthā*) (Thīg. 125; ThīgA. 21)

Câu chuyện của Uttarā cũng giống như câu chuyện của Tissā (§4). Và khi cô chứng quả A-la-hán, cô nói lên bài kệ này:

⁶ Xem M. I. 299, *Cūḷavedallasutta* (*Tiểu kinh Phương quảng*), số 45.

⁷ Những vị đã đoạn tận 5 hạ phần kiết sử, được hóa sanh vào các tầng trời cao hơn cho đến khi lên được Sắc Cứu Cánh thiên rồi từ đây nhập Niết-bàn.

15. Ta đã chế ngự được, Thân, miệng và tâm tư,
Ta chinh phục khát ái, Cho đến tận gốc rễ,
Ta sống được mát lạnh, Trong tịch tịnh, an lặng.

§16. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI SUMANĀ XUẤT GIA KHI TUỔI GIÀ (*Vuddhapabbajitasumanātherīgāthā*) (Thīg. 125; ThīgA. 22)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô sanh ở Sāvatthi, là chị của vua xứ Kosala. Sau khi nghe đức Phật thuyết pháp, bắt đầu với bốn chữ: “Có bốn loại trẻ tuổi không nên khinh thường...”,⁸ cô khởi lên lòng tin, thọ tam quy và ngũ giới. Vì mắc hầu hạ bà ngoại, cô không xuất gia được. Sau khi bà ngoại mất, cô cùng đi với vua tới tinh xá, đem theo nhiều màn, nhiều vải cúng dường Giáo hội. Nghe bậc Đạo sư thuyết pháp, cô chứng được quả Bất hoàn và xin được xuất gia. Thế Tôn thấy được sự trưởng thành trong trí tuệ của cô nên nói lên bài kệ này:

16. Hỡi này, lão Ni kia, Hãy an lạc nằm nghỉ,
Đắp phủ trong tâm y, Chính tự mình làm lấy,
Lòng tham người an tịnh, Người mát lạnh tịch tịnh.

Khi đức Phật nói xong, cô chứng được quả A-la-hán với thấu triệt pháp, thấu triệt nghĩa. Trong sự sung sướng nội tâm, cô lập lại những câu kệ này và chúng trở thành lời tuyên bố chánh trí của cô. Rồi cô được xuất gia ngay.

§17. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI DHAMMĀ (*Dhammātherīgāthā*) (Thīg. 125; ThīgA. 23)

Sau khi chắt chứa công đức trong nhiều đời, cô được sanh trong một gia đình quyền quý dưới thời đức Phật hiện tại. Sau khi lấy chồng, cô được cảm hóa theo đạo Phật, xin xuất gia nhưng người chồng không bằng lòng. Cô chờ cho đến khi người chồng mất mới xuất gia. Một hôm, sau khi khát thực, trên con đường về tinh xá, cô mất thăng bằng bị ngã. Dùng sự kiện ấy đề thiên quán, cô chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ. Trong sự vui sướng, cô nói lên bài kệ:

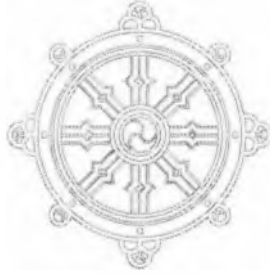
17. Sau khi khát thực xong, Yếu sức, chống trên gậy,
Với chân tay run rẩy, Ta ngã trên mặt đất,
Thấy nguy hiểm của thân, Tâm ta được giải thoát.

§18. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI SANGHĀ (*Saṅghātherīgāthā*) (Thīg. 125; ThīgA. 24)

Cuộc đời của cô giống như cuộc đời của Tỷ-kheo-ni Dhīrā, nhưng bài kệ của cô như sau:

⁸ Xem S. I. 68.

18. Bỏ gia đình xuất gia,
 Từ bỏ gia súc quý,
 Còn đối với vô minh,
 Sau khi chinh phục được,
 Ta được sống mát lạnh,
- Ta từ bỏ con cái,
 Từ bỏ tham và sân,
 Ta sống hạnh viễn ly.
 Tận gốc cả tham ái,
 Tịch tịnh và an lặng.



CHƯƠNG II

HAI KỆ

(*DUKANIPĀṬA*)

§19. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI ABHIRŪPA NANDĀ (*Abhirūpanandātherīgāthā*)¹ (*Thīg.* 125; *ThīgA.* 24)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh ở Kapilavatthu, con gái vợ chính của Vua Khemaka, dòng họ Thích-ca (Sakya), tên là Nandā. Vì cô rất đẹp nên được tên là Abhirūpa Nandā (Nandā đẹp). Ngày cô lựa Carabhūta làm chồng, thời Carabhūta mạng chung và cha mẹ cưỡng bức cô xuất gia. Sau khi đã xuất gia, cô vẫn tự kiêu với sắc đẹp của mình, và sợ bậc Đạo sư quở trách, cô lần tránh Ngài. Thế Tôn biết được hạnh cô đã thuận thực nên bảo Mahāpajāpatī quy tụ mọi Tỷ-kheo-ni lại để Ngài dạy bảo, cô nhờ người khác đi thế. Đức Phật không chấp nhận nên cô phải đến dự. Đức Phật hóa sanh một nữ nhân rất đẹp, nhưng dần dần bị già nua, yếu hèn và cô bị xúc động mạnh. Rồi đức Phật nói với cô những bài kệ như sau:

- | | | |
|-----|--|--|
| 19. | Này Nandā, hãy nhìn,
Nhiều bệnh hoạn, bất tịnh,
Tâm cô hãy tu tập,
Đạt cho được nhất tâm, | Tám thân chỗ quy tụ,
Đầy hôi hám, thối nát,
Quán tri tánh bất tịnh,
Tâm tư khéo thiền định. |
| 20. | Hãy tu tập vô tướng,
Do thắng tri được mạn, | Hãy bỏ mạn, tùy miên, ²
Cô sẽ sống an tịnh. |

Khi Thế Tôn nói xong, cô chứng quả A-la-hán. Ngài nói lại cho cô những bài kệ này, cô xem các bài kệ là lời tuyên bố chánh trí của mình.

§20. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI JENTĀ (*Jentātherīgāthā*) (*Thīg.* 125; *ThīgA.* 27)

Câu chuyện về đời sống quá khứ và hiện tại của cô giống như câu chuyện của Nandā xinh đẹp nhưng cô sanh ở Vesālī, trong một gia đình hoàng tộc Licchavi. Cô chứng quả A-la-hán khi nghe bậc Đạo sư thuyết pháp. Và khi suy nghĩ đến sự biến đổi trên tự thân, cô sung sướng nói lên bài kệ này:

¹ Xem *Thīg.* v. 82; *Ap.* II. 543, 608.

² Có 7 tùy miên: Tham, sân, kiển, nghi, mạn, hữu ái, vô minh.

- | | |
|---|---|
| <p>21. Chính bảy giác chi³ này,
Tất cả, ta tu tập,</p> <p>22. Ta thấy được Thế Tôn,
Vòng sanh tử đoạn tận,</p> | <p>Là đường đạt Niết-bàn,
Như lời đức Phật dạy.⁴</p> <p>Đây thân ta cuối cùng,
Nay không còn tái sanh.⁵</p> |
|---|---|

§21. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI MẸ CỦA SUMAṄGALA (*Sumaṅgalamātātherīgāthā*) (Thīg. 126; ThīgA. 28)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh vào một gia đình nghèo và được gả lấy một người đàn ông làm chồng. Cô sanh được một người con trai tên Sumaṅgala, sau trở thành bậc Trưởng lão và chứng quả A-la-hán. Cô không được biết tên và được gọi là một Trưởng lão Ni không có tên hay mẹ của Sumaṅgala. Cô trở thành một Tỷ-kheo-ni và một hôm, nghĩ đến sự đau khổ khi còn là cư sĩ, cô cảm thấy xúc động; và với thiền quán được phát triển, cô chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ, cô nói lên bài kệ như sau:

- | | |
|--|---|
| <p>23. Hỡi thiện giải thoát Ni,
Ta được khéo giải thoát,
Ta không còn xấu hổ,
Với xoong chảo nấu ăn,</p> <p>24. Chặt đứt được tham sân,
Ta đi đến gốc cây,</p> | <p>Lành thay khéo giải thoát!
Khỏi cái chày giã gạo,
Với ông chồng đàn dừ,
Với nghèo đói tồi tàn.</p> <p>Ta sống không tham sân,
Ôi, an lạc ta thiện!</p> |
|--|---|

§22. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI AḌḌHAKĀSĪ (*Aḍḍhakāsītherīgāthā*)⁶ (Thīg. 126; ThīgA. 30)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh ở xứ Kāsi, con của một công dân giàu có và danh tiếng. Nhưng vì ảnh hưởng khẩu nghiệp của đời trước, cô trở thành một kỹ nữ. Về sau, cô xuất gia và được làm lễ xuất gia với một vị đại diện đặc biệt, được ghi trong tập *Cūlavagga* (Tiểu phẩm).

Cô muốn đi đến Sāvatti để được xuất gia nhưng bị dân ăn chơi ở Benares chặn đường không cho cô đi. Cô cho người đến hỏi ý kiến Thế Tôn và Thế Tôn cho phép cô được xuất gia với một vị đại diện đặc biệt. Rồi cô nhứt tâm quán tưởng và không bao lâu chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Rồi cô nói lên bài kệ như sau:

- | | |
|--|--|
| <p>25. Tiền lạc thú của ta,
Sau khi so sánh giá,</p> | <p>Không thua thuế Kāsi,
Thôn trưởng định giá vậy.</p> |
|--|--|

³ Bảy giác chi: Niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, xả giác chi.

⁴ Xem Thīg. v. 45.

⁵ Xem Thīg. v. 160.

⁶ Xem Ap. II. 610, *Aḍḍhakāsītherīapadāna* (Ký sự về Trưởng lão Ni Aḍḍhakāsī).

- | | | |
|-----|--|--|
| 26. | Nay ta lại nhàm chán,
Ta chán ngấy sắc ấy,
Ta không còn liên tục,
Ba minh ⁷ ta chứng được, | Chính sắc đẹp của ta,
Ta không còn luyện tiếc.
Chạy theo vòng luân hồi,
Thành tựu lời Phật dạy. |
|-----|--|--|

§23. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI CITTĀ (*Cittātherīgāthā*)⁸ (Thīg. 126; ThīgA. 33)

Cô được sanh vào một gia đình ưu tú ở Rājagaha (Vương Xá). Khi đến tuổi trưởng thành, cô nghe bậc Đạo sư thuyết pháp ở cửa thành Rājagaha, trở thành một tín nữ và được Mahāpajāpatī cho xuất gia. Sau khi cô về già, trong khi leo núi Linh Thứu, với thiền quán được phát triển, cô chứng quả A-la-hán. Suy nghĩ đến kết quả này, cô nói lên bài kệ:

- | | | |
|-----|--|--|
| 27. | Dầu ta có mỗi mọt,
Dựa trên gậy, ta đi, | Bệnh hoạn, quá yếu đuối,
Ta leo lên đỉnh núi. |
| 28. | Với đại y vắt ngang,
Ta dựa mình tảng đá, | Với bình bát lộn ngược,
Phá tan khỏi si ám. |

§24. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI METTIKĀ (*Mettikātherīgāthā*)⁹ (Thīg. 126; ThīgA. 35)

Cô được sanh làm con một gia đình Bà-la-môn quyền quý ở Rājagaha. Đời cô cũng giống như đời của Cittā, chỉ khác là cô leo một ngọn núi khác, đối diện với núi Linh Thứu. Suy tư trên quả chứng của mình, cô nói lên bài kệ:

- | | | |
|-----|--|---|
| 29. | Dầu ta có đau đớn,
Dựa trên gậy, ta đi, | Sức yếu, tuổi trẻ qua,
Ta leo lên đỉnh núi. |
| 30. | Với đại y vắt ngang,
Ta ngồi trên tảng đá,
Ba minh chứng đạt được, | Với bình bát lộn ngược,
Tâm ta được giải thoát,
Thành tựu lời Phật dạy. |

§25. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI MITTĀ (*Mittātherīgāthā*)¹⁰ (Thīg. 126; ThīgA. 36)

Cô được sanh ra trong gia đình Công chúa Sakya (Thích-ca) ở Kapilavatthu, từ bỏ gia đình, xuất gia cùng với Mahāpajāpatī. Rồi sau những năm tháng tu

⁷ Túc mạng minh: Nhớ lại các đời trước; Thiên nhãn minh: Thấy được sự sống chết của chúng sanh; Lậu tận minh: Đoạn tận lậu hoặc.

⁸ Xem Ap. II. 515, *Naḷamālikātherīpadāna* (Ký sự về Trưởng lão Ni Naḷamālikā).

⁹ Xem Ap. II. 513, *Mekhalādāyikātherīpadāna* (Ký sự về Trưởng lão Ni Mekhalādāyikā).

¹⁰ Xem S. I. 209, *Sāmusutta* (Kinh Sānu); A. I. 142, *Catumahārājasutta* (Kinh Bốn bậc Đại vương); A. I. 143, *Dutiyacatumahārājasutta* (Kinh thứ hai về bốn bậc Đại vương); Vv. 15, 23, 26, 28, 29, 30, 54, 77; Pv. 83, *Revatīpetavatthu* (Chuyện ngạ quỷ Revatī); Ap. II. 515, *Ēkaṇḍapātadāyikātherīpadāna* (Ký sự về Trưởng lão Ni Ēkaṇḍapātadāyikā); J. IV. 97, 139.

hành cần mẫn, cô chứng được quả A-la-hán. Nghĩ đến thành quả của mình, cô hoan hỷ nói lên những bài kệ này:

- | | |
|--|--|
| <p>31. Ngày mười bốn, ngày rằm,
Ngày thần túc nguyệt phân,</p> <p>32. Ta gìn giữ trai giới,
Mỗi ngày ăn một bữa,
Ta đâu muốn thiên giới,</p> | <p>Ngày tám mỗi nửa tháng,
Ta thọ trì tám giới.</p> <p>Khiến chư thiên hoan hỷ,
Cạo đầu, đắp đại y,
Ta nhiếp phục tâm khổ.</p> |
|--|--|

§26. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI MẸ CỦA ABHAYĀ (*Abhayāmātuthērīgāthā*)¹¹ (Thīg. 127; ThīgA. 39)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh làm một hoa khôi ở Ujjenī, tên là Padumavatī. Vua Bimbisāra ở Magadha nghe tiếng và muốn gặp cô. Với sự giúp đỡ của vị giáo sĩ của vua, vua được gặp cô và cô có thai với vua. Vua bảo khi nào đứa trẻ lớn thì đưa vào cung. Cô sinh được một đứa con trai, đặt tên là Abhayā (Vô Úy). Khi được bảy tuổi, cô gửi con trai đến Vua Bimbisāra; vua thương yêu và nuôi dưỡng đứa trẻ với các người con khác của vua. Sau này đứa trẻ lớn lên tin theo đạo Phật, xuất gia như đã được tường trình trong *Trưởng lão Tăng kệ*. Về sau, mẹ của Abhayā nghe Abhayā thuyết pháp, cũng xin xuất gia và sau một thời gian tu hành, chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ. Cô nhớ lại những câu kệ do con cô giảng cho cô và thêm vào những bài kệ của chính cô:

- | | |
|--|---|
| <p>33. Hỡi thân mẫu thân yêu!
Từ đầu tóc trở xuống,
Thân này thật bất tịnh,</p> <p>34. Ta an trú như vậy,
Nhiệt não được đoạn trừ,</p> | <p>Từ bàn chân trở lên,
Hãy quán sát thân này,
Thật hôi hám thối tha.</p> <p>Mọi tham dục nhỏ sạch,
Ta mát lạnh, tịch tịnh.</p> |
|--|---|

§27. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI ABHAYĀ (*Abhayātherīgāthā*)¹² (Thīg. 127; ThīgA. 41)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh ở Ujjenī, tại một gia đình quyền quý và trở thành bạn thân với mẹ của Abhayā. Khi nghe mẹ của Abhayā xuất gia, Abhayā vì thương quý bà của cô nên cùng xuất gia theo, cùng ở tại Rājagaha (Vương Xá). Một hôm, cô đi đến một khu vườn để quán bất tịnh. Bậc Đạo sư ở tại hương phòng, Ngài hiện cho cô thấy đối tượng cô muốn thiên quán. Thấy hình ảnh ấy, cô hốt hoảng. Bậc Đạo sư phóng hào quang hiện ra như ngời trước mặt cô và nói lên bài kệ:

¹¹ Xem Ap. II. 516, *Kaṭaccubhikkhādāyikātherīpadāna* (Ký sự về Trưởng lão Ni Kaṭaccubhikkhādāyikā).

¹² Xem Ap. II. 517, *Sattuppalamālikātherīpadāna* (Ký sự về Trưởng lão Ni Sattuppalamālikā).

35. Hỡi này Vô Úy Ni! Thân này thật mỏng manh,
 Chính ở đây phàm phu, Ưa thích, thường tham đắm.
 Ta sẽ bỏ thân này, Tỉnh giác và chánh niệm,
36. Chú tâm không phóng dật, Ta gắng thoát pháp khổ,
 Ái diệt, ta chứng đạt, Thành tựu lời Phật dạy.

Khi bậc Đạo sư nói xong, cô chứng quả A-la-hán; hoan hỷ, cô hướng các bài kệ về nội tâm như là những bài kệ nói lên cho mình.

§28. KỆ NGÔN CỦA TRƯỜNG LÃO NI SĀMĀ (*Sāmaṭherīgāthā*) (*Thīg.* 127; *ThīgA.* 44)

Do làm các thiện sự trong các đời trước, nên trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh ở Kosambī, trong một gia đình có danh vọng. Khi Sāmavātī, bạn thân của cô chết, vì quá đau khổ cô xuất gia. Nhưng vì không nhiếp phục được nỗi đau khổ đối với cái chết của bạn, cô không hiểu rõ được con đường Thánh đạo. Một hôm, khi ngồi nghe Tôn giả Ānanda thuyết pháp, cô chứng được pháp nhãn và bảy ngày sau cô chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ.

Suy tư đến quả chứng của mình, cô nói lên những bài kệ này:

37. Bốn lần và năm lần, Ta ra khỏi tình xá,
 Nhưng tâm không an tịnh, Không nhiếp phục được tâm.¹³
38. Nhưng đến đêm mừng tám, Ái được ta nhỏ sạch,
 Chú tâm không phóng dật, Ta gắng thoát pháp khổ,
 Ái diệt, ta chứng đạt, Thành tựu lời Phật dạy.



¹³ Xem *Thīg.* v. 42, 169.

CHƯƠNG III

BA KỆ

(TIKANIPĀTA)

§29. KỆ NGÔN CỦA MỘT TRƯỞNG LÃO NI SĀMĀ KHÁC (*Aparāsāmātherīgāthā*)¹ (Thīg. 127; ThīgA. 45)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh trong một gia đình quý tộc ở Kosambī, cô cũng trở thành người bạn của Sāmāvatī; khi Sāmāvatī chết đi, vì quá đau khổ cô xuất gia. Trong hai mươi lăm năm, cô không nhiếp phục được tâm cô, cho đến khi trở về già, cô nghe được một bài thuyết pháp, tu tập thiền quán, chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ. Suy tư đến quả chứng này, cô nói lên bài kệ:

- | | | |
|-----|---|---|
| 39. | Đã được hăm lăm năm,
Ta không thắng tri tâm, | Từ khi ta xuất gia,
Không được tâm thăng bằng. |
| 40. | Tâm không được an tịnh,
Do vậy ta dao động, | Không nhiếp phục được tâm,
Nhớ đến lời Phật dạy. |
| 41. | Chú tâm không phóng dật,
Ái diệt, ta chứng đạt,
Hôm nay đêm mừng bảy, | Ta gắng thoát pháp khổ,
Thành tựu lời Phật dạy,
Khát ái được khô cạn. |

§30. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI UTTAMĀ (*Uttamātherīgāthā*)² (Thīg. 128; ThīgA. 46)

Sau nhiều đời làm việc lành, cô được sanh trong nhà một triệu phú ở Sāvatthi, trong thời đức Phật hiện tại. Khi lớn tuổi, cô nghe Paṭācārā thuyết pháp và xin xuất gia. Cô rất nỗ lực nhưng chưa chứng được quả vị thiền quán. Paṭācārā biết được tâm trạng của cô, nên thuyết giảng cho cô và nhờ vậy cô chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ. Suy tư trên quả chứng, cô nói lên sự hoan hỷ của cô.

- | | | |
|-----|---|--|
| 42. | Bốn lần và năm lần,
Nhưng tâm không an tịnh, | Ta ra khỏi tình xá,
Không nhiếp phục được tâm. ³ |
|-----|---|--|

¹ Xem *Ap.* II. 524, *Salalappupphikātherīapadāna* (Ký sự về Trưởng lão Ni *Salalappupphikā*).

² Xem *Ap.* II. 522, *Ekūposathikātherīapadāna* (Ký sự về Trưởng lão Ni *Ekuposathikā*).

³ Xem *Thīg.* v. 37, 169.

- | | | |
|-----|--|--|
| 43. | Ta đến Tỷ-kheo-ni,
Cô thuyết pháp cho ta, | Với ta đồng tín nữ,
Với uân, xứ và giới. |
| 44. | Nghe xong pháp cô thuyết,
Bảy ngày ngồi kiết-già,
Mừng tám ta đuổi chân, | Như cô đã dạy ta,
Ta thọ hưởng hỷ lạc,
Phá tan khỏi si ám. |
- Bài kệ trở thành lời tuyên bố về chánh trí của cô.

§31. KỆ NGÔN CỦA MỘT TRƯỞNG LÃO NI UTTAMĀ KHÁC (*Aparāuttamātherīgāthā*)⁴ (*Thīg.* 128; *ThīgA.* 49)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh vào gia đình Bà-la-môn có danh tiếng ở Kosala. Đến tuổi trưởng thành, khi đang đi ở làng quê, cô nghe bậc Đạo sư thuyết pháp, cô xuất gia chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ. Suy tư trên quả chứng, cô nói lên bài kệ:

- | | | |
|-----|---|---|
| 45. | Bảy pháp giác chi này,
Tất cả, ta tu tập, | Con đường đạt Niết-bàn,
Như lời đức Phật dạy. ⁵ |
| 46. | Do quán không, vô tướng,
Ta thành con gái Phật,
Luôn luôn ta hoan hỷ, | Ta đạt quả mong muốn,
Sanh ra từ miệng Ngài,
Trong an lạc Niết-bàn. |
| 47. | Mọi dục được đoạn diệt,
Vòng sanh hữu đoạn tận, | Dục trời và dục người,
Nay không còn tái sanh. |

§32. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI DANTIĀ (*Dantikātherīgāthā*)⁶ (*Thīg.* 128; *ThīgA.* 51)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh ở Sāvatti, trong gia đình vị giáo sĩ nhà vua. Khi đến tuổi trưởng thành, cô trở thành tín nữ ở Jetavana (Kỳ Viên) và về sau xuất gia, dưới sự chỉ đạo của Mahāpajāpatī. Một thời, khi đang ở Rājagaha (Vương Xá), cô leo lên núi Linh Thứu; và sau buổi ăn, khi đang còn ngồi nghỉ, cô thấy một người nài điều khiển một con voi, và nhờ vậy cô chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ. Về sau, vô cùng hân hoan với quả chứng của mình, cô nói lên bài kệ như sau:

- | | | |
|-----|--|---|
| 48. | Ra khỏi ngôi tinh xá,
Trên đỉnh núi Linh Thứu,
Dầm nước xong đi lên, | Đề nghị trưa ban ngày,
Ta thấy một con voi,
Trên bờ một con sông. |
| 49. | Một người cầm cái móc,
Con voi đuổi chân ra, | Yêu cầu đưa chân lên,
Và người leo lên voi. |

⁴ Xem *Ap.* II. 525, *Modakadāyikātherīpadāna* (Ký sự về Trưởng lão Ni Modakadāyikā).

⁵ Xem *Thīg.* v. 21.

⁶ Xem *Ap.* II. 528, *Naḷamālikātherīpadāna* (Ký sự về Trưởng lão Ni Naḷamālikā).

- | | |
|---|---|
| 50. Thấy voi chưa nhiếp phục,
Ta thấy nó vâng chịu,
Như vậy ta định tâm, | Đi đến được nhiếp phục,
Theo quyền lực của người,
Đi vào trong rừng ấy. |
|---|---|

§33. KỆ NGÔN CỦA TRƯỜNG LÃO NI UBBIRĪ

(*Ubbiritherīgāthā*)⁷ (*Thīg.* 129; *ThīgA.* 53)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh ở Sāvattthi, trong một gia đình khá giả quyền quý. Cô rất đẹp và sanh được người con gái cũng rất đẹp, đặt tên là Jivā. Vua thấy đứa con gái, rất lấy làm hài lòng và đưa cô lên làm hoàng hậu. Nhưng rồi đứa con gái Jivā bị chết, và bà mẹ ngày nào cũng đi đến nghĩa địa để than khóc. Một hôm, cô đi đến yết kiến bậc Đạo sư, nhưng rồi cô đi ra bờ sông Aciravatī và đứng than khóc. Bậc Đạo sư thấy vậy liền đến với cô và hỏi:

– Tại sao cô khóc?

Cô đáp:

– Bạch Thế Tôn, con khóc đứa con gái của con.

Thế Tôn nói:

– Tại nghĩa địa này có đến tám vạn bốn ngàn con gái của cô bị thiêu. Vậy cô khóc than cho ai!

Rồi chỉ cho cô thấy chỗ đất các người bị chết, Thế Tôn nói lên bài kệ:

- | | |
|---|---|
| 51. Hỡi cô Ubbirī,
Khóc than: “Ôi Jivā,
Hãy tự mình hồi tỉnh,
Trong bãi đốt thân này,
Người đồng tên Jivā, | Cô khóc trong rừng sâu,
Con gái thân của tôi!”
Hỡi này Ubbirī!
Tất cả tám vạn tư,
Cô khóc Jivā nào? |
|---|---|

Cô suy tư với trí tuệ trên pháp bậc Đạo sư dạy. Nhờ thiện quán được tác động từ những lời dạy tốt đẹp của bậc Đạo sư và tự mình đạt được những điều kiện cần thiết, cô chứng được quả cao nhất, quả A-la-hán và trình bày quả vị tối thượng đạt được, cô nói lên bài kệ sau:

- | | |
|--|---|
| 52. Mũi tên khó nhìn thấy,
Chắc chắn đã được Ngài,
Sầu muộn vì con gái, | Đâm dính nơi tâm ta,
Nhỏ lên khỏi tâm ta,
Đã được chấm dứt hẳn. ⁸ |
| 53. Nay mũi tên được nhỏ,
Ta đi đến quy y,
Quy y Ba ngôi báu, | Mọi ham muốn lắng dịu,
Bậc Mâu-ni Ân Sĩ,
Phật, Pháp và chúng Tăng. ⁹ |

⁷ Xem *Ap.* II. 525, *Ekāsanadāyikātherīapadāna* (Ký sự về Trường lão Ni *Naṭamālikā*).

⁸ Xem *Thīg.* v. 131.

⁹ Xem *Thīg.* v. 132.

§34. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI SUKKĀ*(Sukkātherīgāthā)¹⁰ (Thīg. 129; ThīgA. 57)*

Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh vào một gia đình quyền quý ở Rājagaha (Vương Xá) và được đặt tên là Sukkā (Sáng Suốt). Khi đến tuổi trưởng thành, cô phát tâm tin Phật ở trong gia đình của cô và trở thành một tín nữ. Về sau, cô được nghe Dhammadinnā thuyết pháp và quá cảm xúc bởi bài thuyết pháp, cô xuất gia với Dhammadinnā. Sau khi tu thiền quán, cô chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ.

Hướng dẫn cho năm trăm Tỷ-kheo-ni bên cạnh tu học, cô trở thành một vị thuyết pháp giỏi. Một ngày kia, sau khi đi vào Vương Xá khát thực, ăn xong, toàn thể Ni chúng trở về tinh xá của Tỷ-kheo-ni. Tại đây, Sukkā thuyết pháp cho toàn thể Ni chúng, thuyết hay đến nỗi các Tỷ-kheo-ni như cảm thấy được nhận từ cô những lời pháp mật ngọt thấm nhuần với nước bất tử. Tất cả đều ngồi nghe, hoàn toàn im lặng, nhiệt tâm tín thành. Rồi một vị thần cây, đứng ở cuối sân nghe pháp, quá xúc động bởi lời thuyết giảng, nên đi ra khỏi Vương Xá, vừa đi vừa tán thán hạnh thuyết pháp tuyệt diệu của cô và nói như sau:

- | | | |
|-----|--|--|
| 54. | Hỡi này người Vương Xá,
Giống như người nằm mê,
Các người không hầu hạ, | Các người đã làm gì,
Bị say vì uống mật,
Sukkā thuyết lời Phật. |
| 55. | Chúng tôi nghĩ bậc trí,
Dòng nước thật thuần tịnh,
Chẳng khác kẻ đi đường, | Uống được nước cam lồ,
Không gì chướng ngại nổi,
Đón nhận nước trời mưa. |

Khi nghe thần cây nói vậy, dân chúng lấy làm phấn khởi và đi đến chăm chú nghe cô thuyết pháp. Sau một thời gian vào cuối cuộc đời, khi đang sửa soạn từ giã cuộc đời, cô muốn nói lên pháp môn cô dạy đưa đến giải thoát như thế nào, cô tuyên bố như sau về chánh trí của cô:

- | | | |
|-----|---|---|
| 56. | Hỡi này cô Sukkā,
Được ly tham, định tĩnh,
Mang thân này cuối cùng, | Người con của ánh sáng!
Nhờ ánh sáng Chánh pháp,
Sau khi thắng ma quân. |
|-----|---|---|

§35. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI SELĀ*(Selātherīgāthā)¹¹ (Thīg. 129; ThīgA. 61)*

Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh làm công chúa con vua nước Ālavī, tên là Selā. Cô cũng được biết với tên là Ālavikā (người nước Ālavī). Khi đến tuổi trưởng thành, bậc Đạo sư cảm hóa được vua cha, làm lễ xuất gia cho vua và

¹⁰ Xem S. I. 212, *Paṭhamasukkāśutta* (Kinh thứ nhất về Sukkā); Ap. II. 605, *Sukkātherīapadāna* (Ký sự về Trưởng lão Ni Sukkā).

¹¹ Xem Ap. II. 527, *Pañcadīpikātherīapadāna* (Ký sự về Trưởng lão Ni Pañcadīpikā).

cùng đi đến Ālavī. Selā chưa lập gia đình, cùng đi với phụ vương nghe thuyết pháp và trở thành một tín nữ. Về sau cô xuất gia, chuyên tu thiền quán và cuối cùng nhờ thiện duyên tốt đẹp, nhờ trí tuệ được triển khai, cô nhiếp phục được thân hành, khẩu hành, ý hành và chứng được quả A-la-hán.

Về sau trở thành một Trường lão Ni, cô ở Sāvatti. Một hôm, cô đi ra khỏi Sāvatti để nghỉ ban ngày tại Andhavana và ngồi dưới một gốc cây. Ác ma muốn phá sự an tịnh độc cư của cô, dưới hình thức là một người lạ mặt, đến với cô và nói như sau:

- | | | |
|-----|--|---|
| 57. | Cô sẽ không thoát khỏi,
Như vậy hạnh viễn ly,
Hãy thọ hưởng dục lạc, | Thoát ly khỏi đời này,
Cô dùng để làm gì?
Chớ bút rút về sau. |
|-----|--|---|

Rồi cô suy nghĩ: “Đây là Ác ma muốn ngăn chặn ta không được hưởng Niết-bàn. Nó không biết ta đã chứng quả A-la-hán. Vậy nay ta hãy làm cho nó mở mắt” và cô nói lên bài kệ:

- | | | |
|-----|--|---|
| 58. | Các dục giống gương giáo,
Những dục mà người gọi, | Chém nát các uẩn ta,
Là lạc thú cuộc đời. |
| 59. | Ngày nay dục lạc ấy,
Ở tất cả mọi nơi,
Khỏi tôi tắm mù ám,
Hỡi này kẻ Ác ma!
Người chính là Ác ma, | Vớ ta không hấp dẫn, ¹²
Hỷ lạc được đoạn tận,
Đã bị làm tan nát.
Người hãy biết như vậy,
Người đã bị bại trận. ¹³ |

§36. KỆ NGÔN CỦA TRƯỜNG LÃO NI SOMĀ

(*Somātherīgāthā*)¹⁴ (*Thīg.* 129; *ThīgA.* 66)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô sanh ra là con gái vị giáo sĩ của Vua Bimbisāra (Bình-sa) và được đặt tên là Somā. Khi đến tuổi trưởng thành, cô trở thành một tín nữ, về sau cô xuất gia, và nhờ triển khai thiền quán, cô chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ.

Ở tại Sāvatti, một ngày kia, cô đi vào rừng Andhavana để nghỉ ban ngày và ngồi dưới một gốc cây. Ác ma đến và muốn phá sự an tịnh độc cư của cô, tàng hình không cho cô thấy và nói lên như sau:

- | | | |
|-----|--|---|
| 60. | Địa vị khó chứng đạt,
Trí nữ nhân hai ngón, ¹⁵ | Chỉ Thánh nhân chứng đạt,
Sao hy vọng chứng đạt. |
|-----|--|---|

Rồi cô quở trách Ác ma:

¹² Xem *Thīg.* v. 141, 234.

¹³ Xem *Thīg.* v. 61-2, 142, 188, 195, 203, 235.

¹⁴ Xem *S.* I. 129, *Somāsutta* (*Kinh Somā*).

¹⁵ Nữ nhân lúc nấu cơm và muốn biết cơm chín hay chưa, liền lấy hai ngón tay bóp hột cơm, nên ở đây dùng từ “hai ngón” theo nghĩa này vậy.

61-62. Nữ tánh chướng ngại gì,
Khi trí tuệ triển khai,
Ở tất cả mọi nơi,
Khỏi tối tăm mù mịt,
Hỡi này kẻ Ác ma!
Ngươi chính là Ác ma,

Khi tâm khéo thiền định,
Chánh quán pháp vi diệu,
Hỷ lạc được đoạn tận,
Đã bị làm tan nát.
Ngươi hãy biết như vậy,
Ngươi đã bị bại trận.¹⁶



¹⁶ Kệ 61-2, xem *Thīg.* v. 59, 142, 188, 195, 203, 235.

CHƯƠNG IV

BỐN KỆ

(CATUKKANIPĀṬA)

§37. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI BHADDĀ KĀPILĀNĪ (*Bhaddākāpilānītherīgāthā*)¹ (*Thīg.* 130; *ThīgA.* 67)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh trong gia đình Bà-la-môn, dòng họ Kosiya, ở Sāgala.² Sống trong giàu sang, lớn lên cô được gả làm vợ một nhà quý tộc tên là Pippali, ở làng Mahātittha. Khi người chồng xuất gia, cô cũng giao lại tài sản cho bà con rồi đi xuất gia. Cô trú tại Titthiyārāma năm năm, sau đó được Mahāpajāpatī cho thọ Đại giới. Nhờ triển khai thiền quán, cô chứng được quả A-la-hán. Về sau, cô trở thành một vị Ni có trí tuệ đặc biệt nhớ về các đời sống quá khứ do có hạnh nguyện trong quá khứ. Trong khi bậc Đạo sư ở Jetavana (Kỳ Viên) ấn chứng cho các Tỷ-kheo-ni, cô được Ngài tán thán là vị Ni có biệt tài đệ nhất nhớ biết về đời sống quá khứ. Một ngày kia, cô nói lên những bài kệ về kinh nghiệm quá khứ và tán thán công hạnh của Trưởng lão Kassapa:

- | | | |
|-----|--|---|
| 63. | Con được thừa tự Phật,
Biết được đời quá khứ, | Ca-diếp ³ khéo thiền định,
Thấy cõi trời, đọa xứ. |
| 64. | Ấn sĩ đoạn diệt sanh,
Cùng với Ba minh này, | Thắng trí được thành tựu,
Là Phạm chí Ba minh. |
| 65. | Cũng vậy cô Bhaddā,
Cô là bậc Ba minh,
Mang thân này cuối cùng, | Người xứ Kapila,
Đã đoạn được sự chết,
Sau khi thắng ma quân. |
| 66. | Thấy nguy hại ở đời,
Chúng tôi chế ngự được,
Cảm xúc thành mát lạnh, | Hai chúng tôi xuất gia.
Đoạn tận các lậu hoặc,
Được tịch tịnh giải thoát. |

¹ Xem M. II. 133, *Brahmāyusutta* (Kinh *Brahmāyu*), số 91; M. II. 196, *Vāseṭṭhasutta* (Kinh *Vāseṭṭha*), số 98; S. I. 166, *Aggikāsutta* (Kinh *Người thờ lửa*); S. I. 173, *Devahitasutta* (Kinh *Devahita*); A. I. 163, *Tikannasutta* (Kinh *Tikanna*); Dh. v. 423; It. 98, *Tevijjasutta* (Kinh *Ba minh*); Sn. 115, *Vāseṭṭhasutta* (Kinh *Vāseṭṭha*); Ap. II. 578, *Bhaddakāpilānītheriāpadāna* (Ký sự về Trưởng lão Ni Bhadda Kāpilānī); *Pháp cú kinh* “Phạm chí phẩm” 法句經梵志品 (T.04. 0210.35. 0572b20); *Xuất diệu kinh* “Phạm chí phẩm” 出曜經梵志品 (T.04. 0212.34. 0768c14); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Phạm chí phẩm” 法集要頌經梵志品 (T.04. 0213.33. 0798a01).

² Sāgala, đây là kinh đô của dân tộc Maddā.

³ Theo tập *Apadāna*, Mahākassapa tức là Pippali chồng cô và cũng là chồng luôn trong ba đời nên cô mới đề cập đến Kassapa trong bài kệ của cô.

CHƯƠNG V

NĂM KỆ

(PAÑCAKANIPĀTA)

§38. KỆ NGÔN CỦA MỘT TRƯỞNG LÃO KHÔNG BIẾT TÊN (*Aññatarātherīgāthā*)¹ (*Thīg.* 130; *ThīgA.* 75)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô sanh ở Devadaha và trở thành người nữ điều dưỡng cho Mahāpajāpatī. Cô tên là Vāddhesi nhưng tên gia tộc cô không được biết đến. Khi chủ cô xuất gia, cô cũng xin xuất gia theo. Nhưng trong hai mươi lăm năm, cô bị các dục chi phối ám ảnh, không thiền định được dầu cho đến một sát-na. Cô than vãn tình trạng của cô cho đến khi cô được nghe Dhammadinnā thuyết pháp. Rồi tâm cô xa lánh các dục, cô tu tập thiền định và cuối cùng chứng được Sáu thắng trí. Suy tư trên quả chứng của mình, cô nói lên bài kệ:

- | | | |
|-----|---|--|
| 67. | Đã được hai lăm năm,
Cho đến búng ngón tay, | Từ khi ta xuất gia,
Tâm ta không lắng dịu. |
| 68. | Tâm không được an tịnh,
Ta gơ tay khóc than, | Vì đây ứ dục tham,
Ta đi vào tình xá. |
| 69. | Ta đến vị Ni ấy,
Cô thuyết pháp cho ta, | Đồng tín nữ với ta,
Về uân, xứ và giới. |
| 70. | Nghe pháp cô giảng dạy,
Ta biết đời quá khứ,
Vớ trí biết tâm người, | Ta ngồi vào một bên,
Thiên nhãn được thanh tịnh,
Lỗi tai được thanh tịnh. ² |
| 71. | Ta chứng Thần túc thông,
Sáu thắng trí ta chứng, | Ta đạt được Lưu tận,
Lời Phật dạy đã làm. |

§39. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI VIMALĀ (*Vimalātherīgāthā*) (*Thīg.* 131; *ThīgA.* 76)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh ở Vesālī, làm con gái một người bán sắc đẹp sinh sống. Cô được đặt tên là Vimalā. Khi cô lớn lên, suy tư với

¹ Xem *Thag.* v. 405.

² Kệ 70-1, xem *Thīg.* v. 227-28.

những tư tưởng uế nhiễm, cô thấy Tôn giả Mahāmoggallāna đang đi khát thực ở Vesālī, cô cảm thấy thương yêu Tôn giả và đi theo về tinh xá để cảm dỗ. Có người nói cô được các ngoại đạo xúi giục nên làm như vậy. (Tôn giả chỉ trích hành động không tốt đẹp của cô và thuyết pháp cho cô như đã được ghi trong *Trường lão Tăng kệ*,³ cô cảm thấy xấu hổ và trở thành một tín nữ). Về sau, cô xuất gia, tinh tấn tu tập và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Nghĩ đến quả chứng của mình, cô phấn khởi nói lên bài kệ:

- | | | |
|-----|--|---|
| 72. | Say mê với giai cấp,
Với danh xưng, danh vọng,
Đối với những người khác, | Với dung sắc tuổi xuân,
Ta ý lại tuổi trẻ,
Ta khinh bỉ, khinh thường. |
| 73. | Thân này ta trang điểm,
Ta đứng trong khung cửa,
Như thợ săn ác độc, | Ta kêu gọi kẻ ngu,
Tại cửa hàng buôn sắc,
Đang gieo đặt bẫy mồi. |
| 74. | Ta khoa trương trang sức,
Để châm biếm nhiều người, | Phô bày nhiều chỗ kín,
Ta làm nhiều ảo thuật. |
| 75. | Hôm nay ta khát thực,
Ta ngồi dưới gốc cây, | Đầu trọc, đắp đại y,
Ta chứng định Không tâm. |
| 76. | Mọi khổ ách đoạn tận,
Quảng bỏ mọi lậu hoặc, | Cả cõi trời, cõi người,
Ta mát lạnh, tịch tịnh. |

§40. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI SĪHĀ

(*Sīhātherīgāthā*) (*Thīg.* 131; *ThīgA.* 78)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh ở Vesālī, con gái một người chị của võ tướng Sīha. Do vậy, cô được đặt tên là Sīhā, như tên người cậu của cô. Khi đến tuổi trưởng thành, cô nghe bậc Đạo sư thuyết pháp cho người cậu Sīhā, trở thành một tín nữ và được phép cha mẹ cho xuất gia. Khi cô tu tập thiền quán, cô không thể chặn đứng tâm tư cô chạy theo những ngoại vật khả ý. Bảy năm bị giày vò, cô kết luận: “Làm sao ta thoát khỏi nếp sống uế nhiễm này! Ta hãy chết tốt hơn!” Rồi cô cột sợi dây trên cây, đưa cổ vào thòng lọng để thắt cổ chết. Trong giây phút cuối cùng, với tất cả kết quả tích lũy từ những nỗ lực từ trước cho đến nay, cô tập trung triển khai thiền quán. Đối với cô, đời sống hiện tại thật sự là đời sống cuối cùng. Trong giờ phút cuối cùng, trí tuệ cô được viên mãn và với nội tâm thiền quán, cô chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ. Mở thòng lọng ra, cô trở về lại tinh xá. Được thành một vị A-la-hán, cô sung sướng phấn khởi nói lên bài kệ:

- | | | |
|-----|--|--|
| 77. | Không như lý tác ý,
Ta trước bị dao động, | Bị dục tham ám ảnh,
Không chế ngự được tâm. |
|-----|--|--|

³ Xem *Thag.* v. 1150-57.

- | | |
|--|---|
| 78. Bị phiền não chi phối,
Tâm ta không thẳng bằng, | Lạc tướng ngự trị ta,
Bị tham tâm chi phối. |
| 79. Bảy năm sống ốm yếu,
Đêm ngày không an lạc, | Vàng da, dung sắc xấu,
Ta sống chịu khổ đau. |
| 80. Do vậy ta lấy dây,
Tốt hơn, ta treo cổ, | Đi vào giữa khu rừng,
Còn hơn sống hạ liệt. |
| 81. Làm chắc dây thông lọng,
Quàng thông lọng quanh cổ, | Ta cột ở cành cây,
Tâm ta liền giải thoát. |

§41. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI SUNDARĪ NANDĀ (*Sundarīnandātherīgāthā*)⁴ (*Thīg.* 132; *ThīgA.* 80)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh trong một gia đình quý tộc thuộc dòng họ Thích-ca, được đặt tên là Nandā. Cô còn có danh xưng là Nandā hoa khôi. Khi đức Thế Tôn giác ngộ, Ngài trở về Kapilavatthu độ cho Nanda và Rāhula xuất gia. Lại khi Vua Suddhodana (Tịnh Phạn) mạng chung, bà Mahāpajāpatī xuất gia, Nandā tự nghĩ: “Anh trưởng của ta đã chối từ, không thừa tự quốc độ, xuất gia và trở thành đấng Thế Tôn, một bậc Siêu Nhân. Con của Ngài là Rāhula cũng xuất gia. Anh của ta là Vua Nanda cũng xuất gia. Mẹ của ta, Mahāpajāpatī và chị của ta, mẹ Rāhula cũng xuất gia. Vậy ta ở nhà làm gì? Ta hãy xuất gia!” Như vậy, cô xuất gia không phải vì lòng tin mà chính vì lòng thương yêu bà con trong gia đình. Cô xuất gia như vậy và sau khi từ bỏ gia đình, cô vẫn tự kiêu với sắc đẹp của mình, không chịu đến yết kiến đức Phật vì sợ đức Phật quở trách cô. Trường hợp của cô cũng giống như trường hợp với Tỷ-kheo-ni Abhirūpa Nandā⁵ nhưng với sự sai khác là khi cô thấy hóa thân của một nữ nhân do đức Phật hiện ra, nữ nhân ấy dần dần trở thành già xấu, tâm của cô dựa trên tánh vô thường và đau khổ, hướng đến thiên định.

Rồi đức Phật thuyết pháp cho cô như sau:

- | | |
|--|---|
| 82. Nandā, hãy nhìn thân!
Hãy tu tâm bất tịnh, | Bệnh bất tịnh, hôi thối,
Nhất tâm khéo định tĩnh. |
| 83. Như thân này thân ấy,
Hôi thối và rửa nát, | Như thân ấy thân này,
Chỉ kẻ ngu thích thú. |
| 84. Như vậy quán thân này,
Với trí tuệ của con,
Với trí tuệ của con,
Và người si nhìn thấy, | Ngày đêm không mệt mỏi,
Do vậy hãy thoát ly,
Thoát khỏi kiêu sắc đẹp,
Với cái nhìn như thật. |

⁴ Xem *Thīg.* v. 19, *Abhirūpanandātherīgāthā* (Kệ ngôn của Trưởng lão Ni Abhirūpa Nandā); *Ap.* II. 572, *Nandātherīpadāna* (Ký sự về Trưởng lão Ni Nandā).

⁵ Như trên.

Rồi cô nghe theo lời dạy, với trí tuệ an trú vững chắc trên quả thứ nhất. Muốn giúp cô đạt được những quả vị cao hơn, Thế Tôn dạy thêm cho cô: “Này Nandā, trong cái thân này không có một chút gì là tinh túy, chỉ là một đồng xương và thịt bị già chết chi phối.” Như đã được nói trong *Kinh Pháp cú*:

85. Thành này làm bằng xương, Quét tô bằng máu thịt,
Ở đây già và chết, Mạn, lừa đảo chất chứa.⁶

Khi đức Phật nói xong, cô liền chứng quả A-la-hán. Và nghĩ đến sự chiến thắng của mình, cô sung sướng với lời dạy của đức Bôn Sư và nói thêm:

86. Với tâm không phóng dật, Như lý quán thân ấy,
Tánh như thật thân này, Được thấy trong và ngoài.
Ta nhàm chán thân thể, Nội tâm được ly tham,
Không phóng dật, ly hệ, Ta an bình tịch tịnh.

§42. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI NANDUTTARĀ

(*Nanduttarātherīgāthā*) (Thīg. 132; ThīgA. 87)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô sanh trong một gia đình Bà-la-môn, nước Kuru, thành Kammāsadamma. Sau khi học hỏi ngoại đạo, cô xuất gia theo phái Ni-kiền-tử và vì cô thuyết pháp giỏi, cô cầm cành cây Diêm-phù và đi khắp xứ Ấn Độ như cô Bhaddā.⁷ Cô gặp Tôn giả Mahāmoggallāna và bị Ngài chiến thắng trong cuộc tranh luận. Cô nghe theo lời dạy của Tôn giả Moggallāna, xuất gia trong giáo pháp đức Bôn Sư và không bao lâu chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ. Suy tư trên chiến thắng của mình, cô sung sướng nói lên bài kệ:

87. Trước ta đánh lễ lửa, Trắng, mặt trời, chư thiên,
Ta đi đến bên sông, Ta xuống nước, lễ tắm.
88. Chấp nhận nhiều giới cấm, Ta chỉ cạo nửa đầu,
Ta nằm ngủ dưới đất, Cơm tối ta không ăn.
89. Thích trang điểm trang sức, Ưa tắm rửa, xoa bóp,
Thân này ta cung dưỡng, Thỏa mãn các dục tham.
90. Từ khi được lòng tin, Không nhà, ta xuất gia,
Ta thấy thân như Phật, Nhờ sạch các dục tham.
91. Mọi sanh hữu chặt đứt, Cả ham muốn hy cầu,
Mọi ách nạn giải tỏa, Ta đạt tâm an tịnh.

⁶ Xem *Dh.* v. 150.

⁷ Xem Thīg. 134, (46) *Bhaddākuṇḍalakesātherīgāthā* (Kệ ngôn của Trưởng lão Ni Bhadda Kuṇḍalakesa).

§43. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI MITTAKĀLĪ (*Mittākālītherīgāthā*) (*Thīg.* 132; *ThīgA.* 89)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở xứ dân chúng Kuru, tại thành Kammāsadamma. Khi đến tuổi trưởng thành, cô được nghe giảng về bốn niệm xứ và xuất gia làm Tỷ-kheo-ni. Trong bảy năm, cô ưa thích được cúng dường, được trọng vọng và thường hay gây lộn cãi vã; về sau, cô biết như lý tác ý triển khai thiền quán và chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ. Nghĩ đến sự chiến thắng của mình, cô nói lên sự phấn khởi của cô như sau:

- | | | |
|-----|---|--|
| 92. | Vì lòng tin, xuất gia,
Ta sống tâm hướng mạnh, | Bỏ nhà, sống không nhà,
Theo lợi dưỡng cung kính. |
| 93. | Từ bỏ đích tối thượng,
Bị phiền não ngự trị, | Phục vụ đích hạ liệt,
Bỏ đích Sa-môn hạnh. |
| 94. | Ngồi trong phòng tinh xá,
Ta đi vào tà đạo, | Ta cảm bị dao động,
Khát ái ngự trị ta. |
| 95. | Ngắn ngủi sinh mạng ta,
Trước khi thân hủy diệt, | Già, bệnh đang đè nặng,
Giờ phóng dật không còn. |
| 96. | Như thật ta quán sát,
Tâm giải thoát, ta chứng, | Sinh diệt của các uẩn,
Lời Phật dạy làm xong. |

§44. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI SAKULĀ (*Sakulātherīgāthā*)⁸ (*Thīg.* 133; *ThīgA.* 91)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh làm Bà-la-môn ở Sāvatti, tên là Sakulā. Khi đức Phật nhận tinh xá Jetavana, cô trở thành người tín nữ, và về sau được nghe một vị A-la-hán thuyết pháp, cô phát nguyện xuất gia, tinh cần triển khai thiền quán và cuối cùng chứng quả A-la-hán. Về sau tùy theo lời phát nguyện, cô được Thế Tôn tán thán là Thiên nhãn đệ nhất. Sau khi suy tư đến quả chứng của mình, cô phấn khởi hoan hỷ và nói lên bài kệ:

- | | | |
|------|---|--|
| 97. | Khi sống ở gia đình,
Ta thấy pháp vô uế, | Nghe Tỷ-kheo thuyết pháp,
Đạo Niết-bàn bất tử. |
| 98. | Từ bỏ con trai, gái,
Cạo tóc ta xuất gia, | Cả tài sản lúa gạo,
Sống đời sống không nhà. |
| 99. | Ta làm người Học nữ,
Đoạn tận tham và sân, | Tu tập con đường chánh,
Đoạn từng lậu hoặc một. |
| 100. | Thọ giới Tỷ-kheo-ni,
Thiên nhãn ta thanh tịnh, | Ta nhớ đời quá khứ,
Không uế, khéo tu tập. |

⁸ Xem *Ap.* II. 570, *Sakulātherīpadāna* (Ký sự về Trưởng lão Ni Sakulā).

101. Thấy các hàng ngoại diện, Do nhân sanh biến hoại,
Ta đoạn mọi lậu hoặc, Ta mát lạnh, tịch tịnh.

§45. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI SONĀ

(*Soṇātherīgāthā*) (*Thīg.* 133; *ThīgA.* 95)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh trong một gia đình quý tộc ở Sāvattthi. Sau khi lập gia đình, cô sanh được mười người con trai, con gái và được biệt danh là “người nhiều con.” Khi người chồng xuất gia, cô giao lại cho các con trai, con gái cai quản gia đình và giao cả gia sản cho các con trai, không giữ gì cho thân mình. Các con trai và con dâu nuôi dưỡng cô, không bao lâu trở mặt khinh rẻ cô. Cô buồn cho thái độ các dâu con, xuất gia trở thành Tỷ-kheo-ni. Cô suy nghĩ, cô đã lớn tuổi mới xuất gia, nên hết sức tinh cần, tinh tấn. Trong khi hầu hạ các Trưởng lão Ni, cô thức đêm tu học, cô kiên trì học tập, không biếng nhác, không xao nhãng, như người chụp nắm các cột trong mái hiên, hay chụp nắm cành cây trong đêm tối để tránh đầu khỏi va chạm. Hạnh tinh tấn của cô được mọi người biết, và bậc Đạo sư biết được trí tuệ của cô đã chín muồi nên phóng hào quang hóa hiện trước mặt cô và nói lên bài kệ:

Ai sống một trăm năm,
Tốt hơn, sống một ngày,
Không thấy câu bất tử,
Thấy được câu bất tử.⁹

Khi đức Phật nói câu này xong, cô chứng được quả A-la-hán. Thế Tôn tán thán là Tỷ-kheo-ni Tinh tấn đệ nhất. Một hôm, suy tư đến quả chứng của mình, cô phấn khởi nói lên những bài kệ:

- | | | |
|------|--|--|
| 102. | Ta sanh được mười con,
Do vậy ta già yếu, | Trong thân chất chứa này,
Ta đến Tỷ-kheo-ni. |
| 103. | Cô thuyết pháp cho ta,
Nghe pháp cô thuyết giảng, | Về uẩn, xứ và giới,
Cắt tóc, ta xuất gia. |
| 104. | Ta học lời cô dạy,
Ta biết các đời trước, | Thiên nhãn ta thanh tịnh,
Chỗ ta sống đời trước. ¹⁰ |
| 105. | Ta tu pháp vô tướng,
Tức thời ta giải thoát, | Nhất tâm khéo thiên tịnh,
Không chấp thủ, tịch tịnh. |
| 106. | Năm uẩn được liễu tri,
Tham dục, ta không có,
Từ nay ta không còn, | Đứng lại, gốc bị cắt,
Căn cứ địa kiên trì,
Vấn đề phải tái sanh. |

⁹ Xem *Dh.* v. 114.

¹⁰ Xem *Thīg.* v. 331.

§46. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI BHADDĀ KUṆḌALAKESĀ
(*Bhaddākuṇḍalakesātherīgāthā*)¹¹ (Thīg. 134; ThīgA. 99)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô sanh ra ở Rājagaha (Vương Xá), trong gia đình vị thủ khổ của nhà vua và được đặt tên là Bhaddā. Từ nhỏ đến lớn lên, cô luôn luôn có người hầu hạ. Một hôm, ngang qua khe cửa, cô thấy Satthuka, con vị giáo sĩ của vua, một kẻ cướp bị dẫn đi hành hình theo lệnh của vua. Cô bỗng yêu Satthuka và nằm trên giường cô nói: “Nếu ta không có được chàng, ta sẽ chết.” Người cha vì thương cô nên hối lộ cho những người lính và đưa Satthuka đến gặp cô. Satthuka khởi lòng tham đồ trang sức của cô nên nói với cô: “Bhaddā, khi ta bị dẫn đi ngang “hòn núi của kẻ trộm”, ta có nguyện rằng nếu ta được tha, ta sẽ làm lễ cúng tạ ơn. Cô có sẵn lòng giúp ta việc này chăng?” Muốn được Satthuka bằng lòng, cô vâng theo ý muốn của anh ta, tự trang điểm với các đồ trang sức, lên xe với Satthuka và cùng đi đến “hòn núi của kẻ trộm.” Satthuka không cho người hầu đi theo, lấy đồ trang sức cúng dường và leo lên núi một mình với cô, nhưng không nói lời thân ái với cô. Do thái độ của Satthuka, cô nhận ra được mưu kế của anh ta. Rồi Satthuka bảo cô cởi áo ngoài ra, dùng áo gói đồ trang sức cô đang mang theo, cô hỏi Satthuka rằng cô có làm điều gì sai chăng, và Satthuka trả lời: “Cô thật ngu si, ta đến đây có phải để làm lễ cúng dường đâu! Ta chỉ đến đây để lấy đồ trang sức của cô.” Cô nói: “Này anh yêu, các đồ trang sức này của ai, và đồ trang sức nào thuộc của em.” Satthuka nói: “Ta không biết gì về sự phân chia này.” Cô nói: “Thôi được, anh thân yêu, nhưng anh cho em một ước nguyện, cho em mang đồ trang sức và được hôn anh!” Satthuka bằng lòng và cô ôm hôn anh đằng trước, rồi ôm hôn đằng sau và trong khi ấy xô anh ta ngã xuống vực núi. Một thiên nhân ở trên núi thấy cô làm vậy liền khen rằng:

Không phải là lúc nào,	Đàn ông cũng khôn hơn!
Nữ nhân khi lạnh lẽ,	Cũng tỏ khôn ngoan hơn,
Không phải là lúc nào,	Đàn ông cũng khôn hơn.
Nữ nhân cũng khôn ngoan,	Chỉ nghĩ một phút giây!

Rồi Bhaddā suy nghĩ: “Nay ta không thể về nhà được khi sự việc đã xảy ra như vậy. Vậy từ đây ta sẽ xuất gia.” Rồi cô xuất gia theo phái Ni-kiền-tử. Họ hỏi cô: “Cô ưng xuất gia đến mức độ nào?” Cô trả lời: “Tôi muốn xuất gia vào hạng tối thượng!” Rồi họ nhổ tóc của cô và khi tóc cô dài và quăn lại, cô được gọi là Bhaddā tóc quăn. Nhưng trong khi cô tập sự học hỏi giáo lý của phái Ni-kiền-tử, cô biết rằng giáo lý ấy không có gì đặc biệt. Cô từ giã chúng Ni-kiền-tử, tìm học những bậc minh sư có danh tiếng và cuối cùng không ai có thể tranh luận với cô. Cô vun lên một đồng cát gần cửa đi vào làng, trồng lên một nhánh cây Diêm-phù, bảo mấy đứa con nít xem ai nhổ lên nhánh cây ấy. Sau một tuần, không có ai nhổ lên cành cây, cô liền đem cành cây ấy đi một nơi khác.

¹¹ Xem Ap. II. 560, *Kuṇḍalakesātherīapadāna* (Ký sự về Trường lão Ni Kuṇḍalakesā).

Thế Tôn trong khi đi thuyết giảng, đến tinh xá Jetavana gần Sāvattthi, đúng lúc Bhaddā tóc quần trồng nhánh cây ấy tại cửa thành Sāvattthi. Tôn giả Sāriputta vào thành, thấy cành cây ấy, muốn nhiếp phục cô, bảo các đũa con nít giẫm lên cành cây ấy. Mở đầu cuộc tranh luận, cô nghĩ rằng cuộc tranh luận sẽ không có kết quả nếu không có quần chúng đỡ đầu, vì vậy cô quy tụ một số đông quần chúng đến chứng kiến cuộc tranh luận giữa cô và Tôn giả Sāriputta. Trước hết Tôn giả Sāriputta đề cho cô hỏi và Tôn giả trả lời, cho đến khi cô không còn gì để hỏi nữa và ngồi im lặng.

Rồi Tôn giả hỏi cô: “Thế nào gọi là một?” Cô Bhaddā tóc quần thú nhận không thể trả lời được. Tôn giả nói: “Một chút như vậy mà cô không trả lời được thì cô có thể biết thêm được gì?” Rồi Tôn giả giáo giới cho cô và cô xin quy y Tôn giả. Tôn giả Sāriputta khuyên nên quy y Thế Tôn, bậc Đạo sư loài trời và người. Cô vâng lời, chiều lại đi đến yết kiến Thế Tôn khi Ngài đang thuyết pháp. Sau khi đánh lễ, cô đứng một bên, Thế Tôn thấy căn cơ cô đã thuần thực liền nói:

Dầu nói ngàn câu kệ,	Nhưng không chút lợi ích,
Tốt hơn nói một câu,	Nghe xong được tịnh lạc. ¹²

Khi đức Phật nói xong bài kệ này, cô chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Cô xuất gia, thọ giới với quả A-la-hán và chính đức Phật trao Đại giới cho cô. Rồi cô đi đến tinh xá Tỷ-kheo-ni, sống an lạc hạnh phúc. Cô sung sướng phấn khởi nói lên những bài kệ:

- | | | |
|------|--|--|
| 107. | Trước ta sống một y,
Không lỗi, xem có lỗi, | Tóc cạo, thân mang bùn,
Có lỗi, xem là không. |
| 108. | Ban ngày rời tinh xá,
Ta thấy Phật vô ướ, | Trên ngọn núi Linh Thứu,
Dẫn đầu chúng Tỷ-kheo. |
| 109. | Quỳ gối ta đánh lễ,
“Hãy đến, này Bhaddā!” | Đối diện ta chấp tay,
Ta được thọ Đại giới. |
| 110. | Ta đi khắp Aṅga,
Quốc độ Kosala,
Ăn đồ ăn quốc độ. | Magadha, Vajjī,
Mười lăm năm không nợ, |
| 111. | Làm được nhiều công đức,
Cho Bhaddā chiếc y, | Tín nam này có tuệ,
Thoát khỏi mọi triền phược. |

§47. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI PAṬĀCĀRĀ (*Paṭācārātherīgāthā*)¹³ (*Thīg.* 134; *ThīgA.* 108)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô sanh trong gia đình vị thủ ngân khố nhà vua ở Sāvattthi. Khi đến tuổi trưởng thành, cô giao du với một người đầy tớ trong

¹² Xem *Dh.* v. 101.

¹³ Xem *Ap.* II. 557, *Paṭācārātherīapadāna* (Ký sự về Trưởng lão Ni Paṭācārā).

nhà. Khi cha mẹ cô định ngày gả cô cho một chàng trai xứng đôi, cô trốn đi với người tình nhân và sống tại một ngôi làng nhỏ. Khi cô sắp sanh, cô bảo chồng đưa cô về nhà cha mẹ, vì ở đây không có ai săn sóc cô, nhưng chồng cô cứ hên lần hên hồi cho đến khi cô biết chồng cô không muốn đi về. Cô liền chờ chồng đi vắng, sắp đặt công việc, tin cho người láng giềng biết rồi cô bỏ về nhà cha mẹ. Khi người chồng về, người chồng liền đuổi theo, sợ cô không có người săn sóc. Chồng cô bắt gặp cô và giữa đường cô sinh được người con, rồi hai vợ chồng lại đi trở về làng.

Đến kỳ sinh nở thứ hai, sự việc xảy ra như lần trước, nhưng có điểm khác biệt như sau: Giữa đường mưa to gió lớn nổi lên, người chồng tìm lá và cây làm cái chòi cho cô tránh mưa, nhưng bị con rắn từ gò mồi bò ra cắn chồng cô chết tại chỗ. Trong cơn đau khổ chờ đợi chồng, cô bồng đứa con trên ngực và giữa mưa to gió lớn, cô nằm phục xuống đất để che chở cho hai đứa con, trải qua một đêm như vậy cho đến sáng. Đến sáng, cô đi tìm chồng và thấy chồng bị rắn cắn chết rồi, cô khóc than suốt đêm. Vì mưa to, nước sông dâng lên đến đầu gối, cô lại quá yếu nên không thể bồng hai đứa con lội qua sông, cô để đứa lớn ở bờ bên này và bồng đứa nhỏ lội qua sông. Rồi cô đặt đứa nhỏ nằm trên khăn trùm đầu, dùng cành cây che lại để nó trên bờ, còn cô lội qua sông lại để đem đứa lớn qua. Nhưng đến giữa dòng, quay mình trở lại thì thấy một con điều hâu, tưởng đứa con nít là một miếng thịt, nên bay xuống tha đứa nhỏ đi. Dầu cho người mẹ có xua đuổi và la lên nhưng vì quá xa nên không làm gì được. Còn đứa lớn bên bờ bên này, nghe tiếng mẹ la tưởng là mẹ kêu, liền lội xuống nước đi qua và bị nước cuốn trôi. Thế là hai đứa con và cả người chồng bị chết. Cô vừa khóc vừa đi về thành Sāvattthi, lại được tin hồi hôm mưa to gió lớn làm sụp đổ căn nhà của cha mẹ cô, giết chết cả cha mẹ và em cô, lễ hỏa táng vừa làm xong. Trong cơn đau khổ khủng khiếp chồng chết, cô hóa điên dại, ăn mặc hờ hang, cô vừa khóc vừa than:

Hai con ta đã chết,	Chồng ta cũng chết luôn,
Rồi trên giàn hỏa táng,	Cha ta và mẹ ta,
Cùng đứa em trai ta,	Vừa làm lễ thiêu đốt.

Rồi cô đi lang thang đây đó, khóc than nỗi đau khổ của cô, và vì cô mang xiêm áo tả tơi, cô được gọi là Paṭācārā (kẻ mang xiêm áo). Người đi đường thấy cô, gọi cô là người điên, có kẻ ném đá, có người thì quăng đồ nhớp bụi bặm trên cô.

Bậc Đạo sư ở Jetavana đang thuyết pháp, thấy cô đi lang thang như vậy và biết căn cơ trí tuệ của cô đã chín muồi, ngăn cản không cho người ta xua đuổi cô và cho phép lại gần, khiến cô hồi tỉnh lại, và cảm thấy xấu hổ với cách ăn mặc của mình, cô nằm phục xuống đất. Một người quăng cho cô một tấm y, cô quấn y vào mình và thỉnh Phật cứu độ cho cô, và cô kể lại thân phận của cô: “Thế Tôn hãy cứu độ cho con! Một đứa con bị chim điều hâu mang đi; một đứa con bị nước cuốn trôi; còn chồng con bị rắn cắn chết; cha mẹ, em con bị căn nhà sụp đổ giết chết và bị hỏa táng.”

Đức Phật nói: “Này Paṭācārā, đừng nghĩ rằng cô đến với một người có thể cứu độ cho cô. Như nay cô than khóc vì con chết, v.v... Cũng vậy, cô đã khóc than kiếp luân hồi của cô vì rằng con bị chết, v.v... còn nhiều hơn nước sông bốn biển.”

Nước bốn biển ít hơn,	Nước mắt của loài người,
Khóc than vì đau khổ,	Vậy sao cô hủy hoại,
Sanh mạng của chính mình,	Trong khóc than sâu khổ!

Nghe Thế Tôn dạy về con đường không thể diệt khổ, nỗi đau khổ của cô được nhẹ dần. Rồi đức Phật khuyên thêm: “Ôi Paṭācārā, một người mạng chung thì con cháu, bà con không có thể làm chỗ nương tựa. Cho đến hiện tại, họ cũng không giúp đỡ được gì. Do vậy, người có trí sống đời sống giới đức thanh tịnh, thành tựu con đường hướng đến Niết-bàn.” Rồi đức Phật dạy:

Các con, cha, bà con,	Không phải chỗ nương tựa,
Khi thân hoại mạng chung,	Bà con huyết thống cô,
Không thể che chở cô,	Thấy được sự thật này,
Kẻ trí sống giới đức,	Và mau chóng thành tựu,
Con đường hướng Niết-bàn.	

Khi bậc Đạo sư nói xong, cô chứng quả Dự lưu và xin được xuất gia. Đức Phật đưa cô đến chúng Tỷ-kheo-ni và cho phép cô được xuất gia.

Rồi cô tinh tấn tu hành, cố gắng thành đạt những quả vị cao hơn. Một hôm lấy nước trong bát rửa chân, khi cô đổ nước, thời nước chảy đến một khoảng đường ngắn rồi biến mất. Cô đổ thêm nước, con đường nước chảy dài hơn và lần thứ ba, cô lại đổ nước, con đường nước chảy còn dài hơn trước khi biến mất. Dựa trên sự kiện này làm nền tảng suy tư, cô nghĩ: “Cũng vậy là loài người, chết trẻ, chết nửa chừng và chết già.” Và đức Phật ở tại hương phòng của Ngài phóng hào quang, hiện ra trước mặt cô và dạy rằng: “Hỡi cô Paṭācārā, như vậy là cuộc sống của loài người, cuối cùng cũng phải mạng chung. Vậy tốt hơn là sống như thế nào để thấy sự sanh diệt của năm uẩn, dầu cho chỉ thấy được một ngày hay chỉ một sát-na, còn hơn sống một trăm năm mà không thấy được sự thật ấy.”

Người sống một trăm năm,	Không thấy pháp sanh diệt,
Tốt hơn, sống một ngày,	Thấy được pháp sanh diệt. ¹⁴

Khi Thế Tôn nói xong, Paṭācārā chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Suy tư đến quả chứng của mình, khi còn là một Học nữ, cô tán thán sự kiện đã giúp cô chứng được quả vị cao hơn và cô nói lên bài kệ:

- | | | |
|-------------|---------------------------|-----------------------------|
| 112. | Với roi, cày, ruộng đất, | Gieo hạt giống trên đất, |
| | Loài người được tài sản, | Nuôi dưỡng vợ và con. |
| 113. | Sao ta, giới đầy đủ, | Làm theo Đạo sư dạy, |
| | Lại không chứng Niết-bàn, | Không nhác, không dao động. |

¹⁴ Xem *Dh.* v. 113.

- | | |
|--|---|
| <p>114. Khi ta đang rửa chân,
Thấy được nước rửa chân,
Nhờ vậy tâm được định,</p> <p>115. Rồi ta cầm cây đèn,
Nằm trên chiếc giường nhỏ,</p> <p>116. Rồi lấy cây kim nhỏ,
Thấy cây đèn Niết-bàn,</p> | <p>Làm cho dòng nước chảy,
Từ cao chảy xuống thấp,
Như ngựa hiền khéo luyện.</p> <p>Bước vào ngôi tinh xá,
Ta nhìn quán ngọn đèn.</p> <p>Đim tim đèn xuống dần,
Tâm ta được giải thoát.</p> |
|--|---|

§48. KỆ NGÔN CỦA BA MƯƠI TRƯỞNG LÃO NI DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA PAṬĀCĀRĀ (*Timsamattātherīgāthā*) (Thīg. 135; ThīgA. 118)

Trong thời đức Phật hiện tại, họ được sanh trong nhiều gia đình khác nhau, khi nghe Paṭācārā thuyết pháp, trở thành tín nữ và cuối cùng xuất gia. Trong khi họ làm trọn những phận sự của mình và sống đầy đủ giới hạnh, cô thuyết cho họ lời giáo huấn như sau:

- | | |
|--|---|
| <p>117. Loài người trong tuổi trẻ,
Loài người được tài sản,</p> <p>118. Hãy hành lời Phật dạy,
Rửa chân thật mau lẹ,
Chú tâm tu tâm chỉ,</p> | <p>Cầm chày giã lúa gạo,
Nuôi dưỡng vợ và con.¹⁵</p> <p>Không làm gì nhiệt nảo,
Hãy ngồi xuống một bên,
Làm theo lời Phật dạy.</p> |
|--|---|

Rồi các Tỷ-kheo-ni ấy nghe theo lời dạy của Paṭācārā, an trú trên thiên quán, tu tập trí tuệ cho đến khi căn cơ thuần thực, chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Rồi suy nghĩ trên quả chứng, họ phấn khởi sung sướng và họ thêm vào các bài kệ của Paṭācārā với những bài kệ của mình:

- | | |
|---|---|
| <p>119. Sau khi nghe lời dạy,
Sau khi rửa chân xong,
Chú tâm tu tịnh chỉ,</p> <p>120. Trong đêm canh thứ nhất,
Trong đêm canh chạng giữa,
Trong đêm canh cuối cùng,</p> <p>121. Đứng dậy, họ lễ chân,
Như chư thiên Băm Ba,
Vị Không bị đánh bại,
Đặt Paṭācārā,
Chúng tôi sẽ được sống,</p> | <p>Lời Paṭācārā,
Họ vào ngồi một bên,
Làm theo lời Phật dạy.</p> <p>Họ nhớ đời quá khứ,
Thiên nhân được thanh tịnh,
Khỏi si ám phá tan.¹⁶</p> <p>Vị giáo giới cho họ,
Đánh lễ vị Sakka,
Ở lại chỗ chiến trường.
Vào hàng bậc Lãnh đạo,
Ba minh, không lậu hoặc.¹⁷</p> |
|---|---|

¹⁵ Xem Thīg. v. 175.

¹⁶ Xem Thīg. v. 172-73, 179-80.

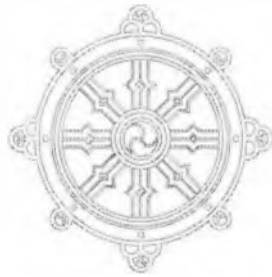
¹⁷ Xem Thīg. v. 181.

§49. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI CANDĀ (*Candātherīgāthā*) (*Thīg.* 135; *ThīgA.* 120)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô làm con của một vị Bà-la-môn ít được người biết đến, tại một làng Bà-la-môn. Từ lúc nhỏ, gia đình bị mất hết tài sản và cô lớn lên trong điều kiện rất thiếu thốn.

Trong gia đình, một bệnh thời khí phát ra giết hại cả nhà và cô phải đi xin nhà này qua nhà khác với một cái bát vỡ. Một ngày kia, cô đến chỗ Tỷ-kheo-ni Paṭācārā khi vị này vừa ăn xong. Các Tỷ-kheo-ni thấy cô trong tình cảnh đáng thương hại, tiếp cô với lòng từ mẫn và cho cô ăn. Sung sướng được thấy hạnh phúc tốt đẹp của các Tỷ-kheo-ni, cô đến gần Paṭācārā đánh lễ, cô ngồi xuống một bên để nghe pháp. Cô nghe với tâm hồn phấn khởi, và lo lắng vì kiếp sống luân hồi, cô xuất gia. Cô theo lời giáo giới của các vị Tỷ-kheo-ni, cô an trú thiền quán, nhiệt tâm tinh cần; rồi với nghị lực, lời phát nguyện và sự chín muồi của trí tuệ, không bao lâu cô chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Suy tư đến quả chứng của mình, cô phấn khởi nói lên bài kệ:

- | | | |
|------|---|---|
| 122. | Trước ta sống bất hạnh,
Không bè bạn, bà con, | Không chồng và không con,
Không có cơm có áo. |
| 123. | Ta cầm gậy bình bát,
Bị lạnh nóng đầy đọa, | Đi ăn xin từng nhà,
Bảy năm ta sông vạ. |
| 124. | Thấy được Tỷ-kheo-ni,
Sau khi đến, ta xin, | Ta nhận đồ ăn uống,
Được xuất gia, không nhà. |
| 125. | Cô Paṭācārā,
Rồi giảng dạy cho ta, | Thương ta cho xuất gia,
Hướng dẫn đến chơn đế. |
| 126. | Nghe xong lời người giảng,
Lời giảng bậc Tôn Ni,
Ta chứng được Ba minh, | Ta làm theo lời dạy,
Không phải lời trống không,
Ta không còn lậu hoặc. |



CHƯƠNG VI

SÁU KỆ

(CHAKKANIPĀṬA)

§50. KỆ NGÔN CỦA NĂM TRĂM TRƯỞNG LÃO NI DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA PAṬĀCĀRĀ

(*Pañcasatamattātherīgāthā*) (*Thīg.* 136; *ThīgA.* 122)

Trong thời đức Phật hiện tại, các cô gái đến tuổi trưởng thành trong những gia đình khá giả tại nhiều chỗ khác nhau, lấy chồng, có con, sống lo việc bếp núc trong gia đình. Họ đều chịu sự đau khổ khi con của họ bị chết. Rồi họ đi tìm đến Paṭācārā, đánh lễ cô, ngồi xuống một bên và nói cho cô biết nỗi đau khổ của họ. Paṭācārā, làm cho họ vơi bớt sự đau khổ, nói lên những bài kệ như sau:

- | | | |
|------|---|---|
| 127. | Cô không biết con đường,
Từ đâu hữu tình đến, | Nó đến hay nó đi,
Cô lại khóc: “Con tôi.” |
| 128. | Và khi biết con đường,
Cô khóc nó làm gì, | Nó đến hay nó đi,
Pháp hữu tình là vậy! |
| 129. | Không có ai yêu cầu,
Không có ai cho phép,
Từ đâu, nó đến đây, | Từ chỗ kia, nó đến,
Từ chỗ này, nó đi,
Được sống bấy nhiêu ngày! |
| 130. | Từ chỗ này, nó đến,
Nó đến một con đường,
Mạng chung, hình sắc người,
Đến vậy, đi như kia, | Từ chỗ kia, nó đi,
Nó đi một con đường,
Luân hồi, nó sẽ đi.
Ở đây, khóc than gì? |

Sau khi nghe cô giảng, họ đều cảm thấy dao động và xin xuất gia dưới sự hướng dẫn của Paṭācārā. Sau khi tinh cần triển khai thiền quán, họ chứng đạt được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Suy tư trên quả chứng của mình, các vị ấy lập lại bài kệ giáo hóa của Paṭācārā và cộng thêm những bài kệ của chính mình như sau:

- | | | |
|------|---|--|
| 131. | Cây tên khó thấy được,
Cô diệt sâu vì con, | Từ tim ta nhỏ lên,
Sâu ấy ám ảnh ta. ¹ |
|------|---|--|

¹ Xem *Thīg.* v. 52.

132. Nay cây tên được nhỏ, Không dục cầu, tịch tịnh,
Ta quy y Ân sĩ, Phật, Pháp và chúng Tăng.²

Về sau, năm trăm Tỷ-kheo-ni này rất giỏi về lời dạy của Paṭācārā, nên họ được gọi theo tên của Paṭācārā.

§51. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI VĀSETTHĪ (*Vāsetthūtherīgāthā*) (*Thīg.* 136; *ThīgA.* 124)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh làm con của một nhà quyền quý ở Vesālī. Lớn lên, cô được gả cho một người chồng tương xứng và cô sống vui vẻ với người chồng. Khi có được đứa con vừa mới tập chạy, nó chết đi và cô quá đau khổ. Trong lúc các người bà con chữa bệnh cho chồng, cô bỏ trốn và lang thang khắp đó đây, cho đến khi cô đến Mithilā. Tại đây, cô thấy đức Phật đang đi trên đường, tự tại, tự điều phục, làm chủ các căn. Nhìn thấy bậc Đạo sư và nhờ Phật lực, cô lấy lại được sự bình tĩnh rồi bậc Đạo sư thuyết pháp vắn tắt cho cô, cô xin được xuất gia và bậc Đạo sư chấp nhận. Rồi sau khi làm tắt cả các bốn phần của mình, cô an trú vào thiền quán; và với sự cố gắng vượt bậc, với trí tuệ chín muồi, cô chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Suy tư trên quả chứng, cô sung sướng nói lên niềm hân hoan của mình:

133. Ta sầu muộn vì con, Khổ, tâm cuồng tưởng loạn,
Lõa thể, tóc rối ren, Đời sống vậy, ta sống.
134. Lang thang đường, đông rác, Nghĩa địa, đường xe đi,
Ba năm ta đã sống, Kham khổ, chịu đói khát.
135. Rồi ta thấy Thiện Thệ, Đến thành Mithilā,
Điều ngự kẻ chưa điều, Bậc Giác Ngộ Vô Úy.
136. Lấy lại tâm bình tĩnh, Ta đến gần, đánh lễ,
Thương ta, Gotama, Ngài thuyết pháp cho ta.
137. Nghe Ngài thuyết pháp xong, Ta xuất gia, không nhà,
Tùy hành lời Đạo sư, Ta chứng đạo an ổn.
138. Mọi sầu muộn chặt đứt, Đoạn tận được chấm dứt,
Ta liễu tri nền gốc, Từ đây sầu muộn sanh.

§52. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI KHEMĀ (*Khemātherīgāthā*)³ (*Thīg.* 137; *ThīgA.* 126)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh tại nước Magadha (Ma-kiệt-đà) ở Sāgala, thuộc gia đình hoàng tộc, tên là Khemā. Nhan sắc đẹp đẽ, với làn da như vàng, cô trở thành Hoàng hậu của Vua Bimbisāra. Khi Thế Tôn ở

² Xem *Thīg.* v. 53.

³ Xem *Ap.* II. 543, *Khemātherīapadāna* (Ký sự về Trưởng lão Ni Khemā).

tại Veluvana (Trúc Lâm), cô không đi đến yết kiến đức Phật vì sợ Thế Tôn chỉ trích lỗi của mình. Vua muốn cô đi thăm Trúc Lâm nên nhờ người tán thán ngôi vườn này, và cuối cùng cô bằng lòng cùng vua đi đến tinh xá, không thấy Thế Tôn, nhưng vua muốn cô thấy cho được Thế Tôn, dầu phải bắt cô ở lại. Khi cô sắp sửa từ giã tinh xá mà chưa gặp được Thế Tôn, các người hầu cận giữ cô ở lại và đưa cô đến gặp đức Thế Tôn một cách miễn cưỡng. Đức Thế Tôn dùng thần lực hóa hiện một tiên nữ rất đẹp đang đứng quạt cho Ngài, sắc đẹp thắng xa sắc đẹp của cô rất nhiều. Rồi trước mắt cô, nữ nhân được hóa hiện ấy lớn lên, trở thành già yếu, răng rụng, tóc bạc, da nhăn và ngã xuống đất với chiếc quạt. Khemā thấy vậy, tự hỏi không biết thân mình có chịu hoàn cảnh tương tự hay không. Thế Tôn biết được tâm trạng của cô bèn nói lên bài kệ:

Người đắm say các dục,	Tự lao mình xuống dòng,
Như nhện sa lưới dệt,	Người trí cắt trừ nó,
Bỏ mọi khổ, không màng. ⁴	

Chú giải ghi chép, khi bậc Đạo sư nói xong, cô chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ. Nhưng theo tập *Apadāna*, cô chỉ mới chứng quả Dự lưu và sau khi được phép vua cho xuất gia, cô xuất gia và trở thành A-la-hán.

Sau đó, cô tu tập thiền quán, có danh tiếng về pháp tu này, và đức Phật khi ở Jetavana (Kỳ Viên) đã tán thán cô là vị Ni Thiền quán đệ nhất.

Một ngày kia, cô ngồi nghỉ trưa dưới một gốc cây, Ác ma hiện lên dưới hình thức một thanh niên và cám dỗ cô với lòng dục như sau:

- | | | |
|-------------|--|---|
| 139. | Cô vừa trẻ vừa đẹp,
Với cung đàn năm điệu, | Ta vừa trẻ vừa xuân,
Hãy vui hưởng, Khemā! |
| Cô trả lời: | | |
| 140. | Với thân hôi thối này,
Ta nhàm chán ghét bỏ, | Bệnh hoạn và mong manh,
Dục ái đã nhỏ lên. |
| 141. | Dục ví như gươm giáo,
Điều người nói dục lạc, | Các uẩn đoạn đầu đài,
Nay ta đã xa lìa. ⁵ |
| 142. | Mọi nơi, hỷ duyệt đoạn,
Hãy biết vậy, Ác ma! | Khổ si ám tan tành,
Người bị hại, Ma vương. ⁶ |
| 143. | Người đánh lừa vàng sao,
Người không biết như thật, | Người thờ lửa rừng sâu,
Kẻ ngu nghĩ rằng tịnh. |
| 144. | Còn ta, ta đánh lừa,
Giải thoát mọi khổ đau, | Bậc Giác Ngộ, Thượng Nhân,
Hành lời Đạo sư dạy. |

⁴ Xem *Dh.* v. 347.

⁵ Xem *Thīg.* v. 58, 234.

⁶ Xem *Thīg.* v. 59, 61-2, 188, 195, 203, 235.

§53. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI SUJĀTĀ*(Sujātātherīgāthā) (Thīg. 137; ThīgA. 136)*

Trong thời đức Phật hiện tại, cô sanh ở Sāketa, trong gia đình thủ khổ của nhà vua. Được gả chồng là con vị thủ khổ tương xứng với gia đình, cô sống hạnh phúc với chồng. Một hôm, sau khi đi dự lễ Sao, cô đi về với những người hầu hạ và thấy bậc Đạo sư ở vườn Ājñjana. Cô cảm thấy bị hấp dẫn, đến gần đánh lễ Ngài và nghe Ngài thuyết pháp. Bậc Đạo sư biết căn cơ cô đã chín muồi nên đặc biệt thuyết pháp cho cô, và thuyết pháp xong, cô chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ. Đánh lễ bậc Đạo sư, về nhà cô được chồng và cha mẹ chấp thuận, và với sự đồng ý của bậc Đạo sư, cô được xuất gia làm Tỷ-kheo-ni. Suy tư đến quả chứng của mình, cô sung sướng nói lên như sau:

- | | | |
|------|--|--|
| 145. | Trang sức, mặc áo đẹp,
Đeo mọi loại nữ trang, | Vòng hoa, xúc chiêm-đàn,
Dẫn đầu chúng nữ tỳ. |
| 146. | Mang theo đồ ăn uống,
Từ nhà ta đi ra, | Nhiều món ăn cứng mềm,
Đi đến vườn thương ngoạn. |
| 147. | Tại đây ta vui chơi,
Ta thấy ngôi tinh xá,
Rừng tên Ājñjana, | Rồi ta đi về nhà,
Khi ta bước vào rừng,
Tại xứ Sāketa. |
| 148. | Thấy Hào Quang Thế Giới,
Thương ta, bậc Pháp Nhãn, | Đánh lễ, ta tới gần,
Ngài thuyết pháp cho ta. |
| 149. | Nghe xong bậc Đại Tiên,
Tại đây ta chứng Pháp, | Ta thể nhập chân lý,
Ly trần tạo bất tử. |
| 150. | Do liễu tri Diệu pháp,
Ba minh ta đạt được, | Ta xuất gia, không nhà,
Không trống rỗng lời Phật. |

§54. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI ANOPAMĀ*(Anopamātherīgāthā) (Thīg. 138; ThīgA. 138)*

Trong thời đức Phật hiện tại, cô sanh ở Sāketa, trong gia đình của vị thủ kho Majjha. Vì cô rất đẹp, nên cô được tên là Anopamā (không ai sánh nổi). Khi cô đến tuổi trưởng thành, nhiều con nhà giàu, các quan chức nhà vua, các hoàng tử cử các sứ giả đến xin cưới cô. Nghe tin vậy, cô lại có tâm nguyện khác, cô muốn sống đời sống không có gì hết, nên cô tìm đến bậc Đạo sư, nghe Ngài thuyết pháp, nhờ trí tuệ chín muồi, nhờ nhớ đến lời Ngài dạy, nhờ nhiệt tâm thiền quán, cô chứng được quả thứ ba, quả Bất lai. Xin phép bậc Đạo sư cho xuất gia, cô được nhận làm Tỷ-kheo-ni. Và đến ngày thứ bảy, cô chứng được quả A-la-hán. Suy tư trên quả chứng, cô sung sướng nói lên sự phấn khởi của mình:

- | | | |
|------|--|--|
| 151. | Sanh gia đình cao quý,
Đầy đủ dung sắc đẹp, | Nhiều châu báu, tài sản,
Con gái cung Majjha. |
|------|--|--|

- | | |
|---|---|
| 152. Được con vua cầu hôn,
Sứ giả đến cha ta, | Con phú gia xin cưới,
Cho tôi Anopamā. |
| 153. Công chúa, con gái ngài,
Tôi sẽ tặng tám lần, | Cân nặng như thế nào,
Bằng vàng ròng châu báu. |
| 154. Ta thấy đáng Giác Ngộ,
Ta đánh lễ chân Ngài, | Bạc Thế Tôn Vô Thượng,
Đến gần, ngồi một bên. |
| 155. Thương ta, Gotama,
Ngay tại chỗ ngồi ấy, | Ngài thuyết pháp cho ta,
Ta chứng quả thứ ba. |
| 156. Rồi ta cạo bỏ tóc,
Hôm nay đêm thứ bảy, | Xuất gia, sống không nhà,
Khát ái được gột sạch. |

§55. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI MAHĀPAJĀPATĪ GOTAMĪ (*Mahāpajāpatigotamūtherīgāthā*)⁷ (*Thīg.* 138; *ThīgA.* 140)

Trước khi bậc Đạo sư ra đời, cô được sanh ở Devadaha, trong gia đình Mahāsuppabuddha. Tên gia đình của cô là Gotama và cô là em gái của Mahāmāyā. Các thầy đoán tướng tiên đoán rằng các người con của hai chị em sẽ là vị Chuyển Luân Vương. Vua Suddhodana, khi đến tuổi trưởng thành cưới cả hai chị em. Sau đó, bậc Đạo sư đản sanh, và trong khi chuyển pháp luân, Ngài du hóa đến Vesālī, phụ vương của Ngài chứng được quả A-la-hán trước khi mạng chung.

Rồi Mahāpajāpatī muốn xuất gia, xin phép bậc Đạo sư nhưng không được chấp nhận. Cô tự cắt tóc, đắp y, và sau thời giảng kinh về sự tinh cần nỗ lực, cô ra đi với năm trăm Thích-ca nữ mà các người chồng đã xuất gia, đi đến Vesālī và xin bậc Đạo sư cho xuất gia. Với sự thỉnh cầu của Tôn giả Ānanda, bậc Đạo sư chấp nhận và dạy tám kinh pháp cho các Tỷ-kheo-ni.

Sau khi xuất gia, Mahāpajāpatī đến yết kiến đức Phật và đứng một bên; Ngài thuyết pháp cho cô, và cô tinh cần tinh tấn chứng được quả A-la-hán với trí tuệ trực giác và phân tích. Năm trăm Tỷ-kheo-ni, sau khi nghe Tôn giả Nandaka giáo giới, chứng được Sáu thắng trí.

Một ngày kia, khi bậc Đạo sư ngồi giữa Thánh chúng tại tịnh xá Jetavana (Kỳ Viên), Ngài ấn chứng Mahāpajāpatī là vị Ni Kinh nghiệm đệ nhất, sống hưởng thọ an lạc giải thoát, Niết-bàn. Để nói lên lòng biết ơn của mình, Mahāpajāpatī tuyên bố chánh trí của mình trước mặt Thế Tôn, tán thán hạnh đức của Ngài đã giúp đỡ hộ trì cho cô mà trước đây cô không được gặp:

- | | |
|---|--|
| 157. Bậc Giác Ngộ, Anh Hùng!
Ngài là bậc Tối Thượng,
Ngài giải khổ cho con, | Con xin đánh lễ Ngài,
Giữa mọi loài chúng sanh,
Cùng rất nhiều người khác. |
|---|--|

⁷ Xem *Thag.* v. 350, *Vakkalitttheragāthā* (Kệ ngôn của Trưởng lão Vakkali); *Ap.* II. 529, *Mahāpajāpatigotamūtheriāpadāna* (Ký sự về Trưởng lão Ni Mahāpajāpatī Gotamī).

- | | | |
|------|--|---|
| 158. | Liễu tri mọi đau khổ,
Con đường Thánh tám ngành, | Gột sạch nhân khát ái,
Đoạn diệt, ta chứng ngộ. |
| 159. | Trước, ta sống là mẹ,
Là ông nội, ông ngoại,
Không rõ biết như thật, | Là con, là cha, anh,
Đời sống trước là vậy,
Luân hồi tìm không gặp. |
| 160. | Nay ta thấy Thế Tôn,
Sanh tử được đoạn tận, | Thân này thân tối hậu,
Nay không còn tái sanh. ⁸ |
| 161. | Siêng tinh cần nỗ lực,
Hãy thắng, đệ tử Phật, | Thường kiên trì tinh tấn,
Hòa hợp, đánh lễ Ngài. |
| 162. | Vì hạnh phúc nhiều người,
Giải tỏa khỏi khổ đau, | Mâyā sanh Cù-đàm,
Cho người bị bệnh, chết. |

§56. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI GUTTĀ

(*Guttātherīgāthā*)⁹ (*Thīg.* 139; *ThīgA.* 157)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh ở Sāvatti trong một gia đình Bà-la-môn và tên là Guttā. Khi đến tuổi trưởng thành, cô nhàm chán đời sống gia đình và được phép gia đình cho xuất gia dưới sự lãnh đạo của Mahāpajāpatī. Sau đó, dầu cô hành trì với tín tâm, nhưng tâm của cô cứ chạy theo ngoại cảnh và do vậy cô không thiền định được. Rồi bậc Đạo sư muốn khích lệ cô, phóng hào quang, hiện ra trước mặt cô và nói lên bài kệ như sau:

- | | | |
|------|---|--|
| 163. | Vì mục đích tối thượng,
Từ bỏ cả con cái,
Hãy nhiệt tâm hành trì, | Guttā, người xuất gia,
Cho đến bản thân mình,
Chớ để tâm chi phối. |
| 164. | Tâm lừa đảo chúng sanh,
Luân hồi nhiều đời sống, | Ưa Ác ma lãnh địa,
Chúng rong ruổi, si mê. |
| 165. | Dục vọng và sân hận,
Cộng thêm giới cấm thủ, | Kê cả với thân kiến,
Với nghi hoặc thứ năm. |
| 166. | Hỡi này, Tỷ-kheo-ni,
Là hạ phần kiết sử, | Từ bỏ kiết sử này,
Ngươi hết lại đời này. |
| 167. | Hãy tránh xa tham, mạn,
Chặt đứt kiết sử xong, | Vô minh và trạo cử,
Ngươi sẽ dứt đau khổ. |
| 168. | Quăng bỏ vòng sanh tử,
Hiện tại không ước vọng, | Liễu tri sự tái sanh,
Ngươi sẽ sống an tịnh. |

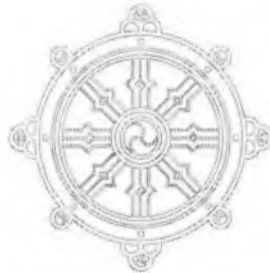
⁸ Xem *Thīg.* v. 22.

⁹ Tham chiếu: *Dh.* v. 153; *Pháp cú kinh* “Lão mao phẩm” 法句經老耄品 (T.04. 0210.19. 0565b25); *Pháp cú thí dụ kinh* “Quảng diễn phẩm” 法句譬喻經廣衍品 (T.04. 0211.29. 0598a24); *Xuất diệu kinh* “Tâm ý phẩm” 出曜經心意品 (T.04. 0212.32. 0758c12); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Hộ tâm phẩm” 法集要頌經護心品 (T.04. 0213.31. 0795b06).

§57. KỆ NGÔN CỦA TRƯỜNG LÃO NI VIJAYĀ (*Vijayātherīgāthā*) (*Thīg.* 139; *ThīgA.* 159)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô sanh ở Rājagaha (Vương Xá), trong một gia đình thường dân, lớn lên cô trở thành bạn của Khemā, và Khemā đưa cô đi xuất gia, trở thành Trường lão Ni. Khi ấy còn là nữ cư sĩ, nghe Khemā xuất gia, cô nói: “Khemā là Hoàng hậu còn xuất gia được, huống nữa là ta.” Cô đi đến Khemā, và Khemā biết tâm nguyện, căn cơ của cô nên thuyết pháp, khiến cô suy tư đến sanh-lão-bệnh-tử và tìm được sự an ổn trong đạo pháp. Rồi Khemā cho cô xuất gia, theo học hỏi, làm tròn bổn phận của mình, tu tập thiền quán và khi trí tuệ thuần thực, cô chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Rồi suy tư trên quả chứng của mình, cô nói lên sự sung sướng, phấn khởi:

- | | | |
|------|---|---|
| 169. | Bốn lần và năm lần,
Tâm không được an tịnh, | Ta ra khỏi tình xá,
Không chế ngự được tâm. ¹⁰ |
| 170. | Ta đến Tỷ-kheo-ni,
Cô thuyết pháp cho ta, | Ta hỏi, đàm luận pháp,
Về giới và về xứ. |
| 171. | Bốn sự thật bậc Thánh,
Giác chi, tám đường chánh, | Về các căn, các lực,
Đạt đạo tối thượng nghĩa. |
| 172. | Nghe lời vị ấy dạy,
Trong đêm canh thứ nhất, | Ta làm theo giáo huấn,
Ta nhớ đến đời trước. ¹¹ |
| 173. | Trong đêm canh chạng giửa,
Trong đêm canh cuối cùng, | Thiên nhân được thanh tịnh,
Khỏi si ám tan lành. |
| 174. | Từ đây ta được sống,
Đêm thứ bảy, duỗi chân, | Biến mãn thân hỷ lạc,
Khỏi si ám tan lành. |



¹⁰ Xem *Thīg.* v. 37, 42.

¹¹ Xem *Thīg.* v. 120, 179-80.

CHƯƠNG VII

BẢY KỆ

(*SATTAKANIPĀTA*)

§58. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI UTTARĀ (*Uttarātherīgāthā*) (*Thīg.* 140; *ThīgA.* 161)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô sanh ở Sāvattthi, trong một gia đình thường dân, tên là Uttarā. Khi đến tuổi trưởng thành, cô nghe Paṭācārā thuyết pháp, trở thành một tín nữ, sau đó xuất gia và trở thành vị A-la-hán. Rồi suy tư trên quả chứng của mình, cô phấn khởi nói lên bài kệ:

- | | | |
|------|---|---|
| 175. | Loài người trong tuổi trẻ,
Tuổi trẻ được tài sản, | Cầm chày giã lúa gạo,
Nuôi dưỡng vợ và con. ¹ |
| 176. | Hãy hành lời Phật dạy,
Rửa chân thật mau lẹ, | Không làm gì nhiệt nảo,
Hãy ngồi xuống một bên. ² |
| 177. | Sau khi an trú tâm,
Hãy quán sát các hành, | Nhất tâm khéo định tĩnh,
Thuộc ngoại, không thuộc ngã. |
| 178. | Ta nghe lời giáo huấn,
Sau khi ta rửa chân, | Lời Paṭācārā,
Bước vào ngồi một bên. |
| 179. | Trong đêm canh thứ nhất,
Trong đêm canh chặng giữa, | Ta nhớ đời quá khứ,
Thiên nhãn được thanh tịnh. ³ |
| 180. | Trong đêm canh cuối cùng,
Từ Ba minh đứng dậy, | Khỏi si ám tan tành,
Giáo huấn Ngài làm xong. |
| 181. | Như Thiên chủ Sakka,
Không bao giờ bại trận,
Ta sống tôn xưng Ngài,
Ta chứng được Ba minh, | Ở cõi trời Bām Ba,
Ở tại các chiến trường,
Là bậc Thầy lãnh đạo,
Ta không còn lậu hoặc. ⁴ |

Một hôm, cô tu tập thiền quán dưới sự hướng dẫn của Paṭācārā, ngồi trong phòng của mình, cô suy nghĩ: “Ta sẽ không đứng dậy nếu tâm ta không giải thoát khỏi các lậu hoặc.” Quyết tâm như vậy, cô triển khai trí tuệ thiền quán,

¹ Xem *Thīg.* v. 117.

² Xem *Thīg.* v. 13.

³ Xem *Thīg.* v. 120, 172-73.

⁴ Xem *Thīg.* v. 121.

chúng được quả A-la-hán với sức mạnh trực giác và thấu triệt Chánh pháp. Sau khi tiếp tục quán mười chín đề mục với ý thức “Không biết ta có làm đủ những điều cần phải làm chăng?”, cô nói lên sự sung sướng của cô với những bài kệ ghi ở trên và cô duỗi chân ra. Khi trời rạng đông và đêm đã sáng, cô tìm gặp vị Tỷ-kheo-ni và lặp lại những bài kệ của cô.

§59. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI CĀLĀ

(*Cālātherīgāthā*)⁵ (*Thīg.* 141; *ThīgA.* 162)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô sanh ở Magadha, tại làng Nālaka, con của một nữ Bà-la-môn tên là Surūpasārī. Khi đến tuổi đặt tên, cô được gọi là Cālā. Em gái cô tên là Upacālā, em nhỏ nhất tên là Sīsūpacālā và cả ba là em gái của Tôn giả Sāriputta. Khi ba đưa em nghe người anh xuất gia trở thành vị Tỷ-kheo, họ suy nghĩ: “Đây không phải là một giáo pháp thường tình, một sự xuất gia thường tình, vì một người như anh chúng ta đã quyết tâm tu hành theo”; ba cô cũng xuất gia đầu cho gia đình than khóc. Với sự tinh tấn, tinh cần, cả ba tu hành chứng quả A-la-hán và sống an lạc, giải thoát.

Rồi Tỷ-kheo-ni Cālā, sau khi đi khát thực, đi vào rừng Andha để nghỉ trưa và tại đây, Ác ma hiện ra để cám dỗ cô. Trong kinh có đề cập đến vấn đề này.

Tỷ-kheo-ni Cālā, sau khi đi khát thực ở Sāvattthi, đi vào trong rừng để nghỉ trưa. Đi vào rừng Andha, cô ngồi xuống một gốc cây, Ác ma đến để lung lạc cô và hỏi cô những câu trong các bài kệ của cô. Sau khi cô nói lên những đức hạnh của vị Đạo sư và sức mạnh của Chánh pháp, cô làm cho Ác ma thấy rõ sự vô ích của mình khi muốn cám dỗ cô và Ác ma thất vọng biến mất. Rồi cô nói lên sự sung sướng, phấn khởi của cô và câu chuyện với Ác ma như sau:

- | | | |
|------|---|--|
| 182. | Sau khi an trú niệm,
Thể nhập đạo an tịnh, | Tỷ-kheo-ni luyện căn,
An lạc tịnh các hành. |
|------|---|--|

[Ác ma:]

- | | | |
|------|---|--|
| 183. | Vì ai, người đầu trục,
Không theo hệ phái nào, | Hiện tướng Sa-môn Ni?
Sao sống si mê vậy? |
|------|---|--|

[Cālā:]

- | | | |
|------|---|--|
| 184. | Các hệ phái ngoại đạo,
Họ không hiểu Chánh pháp, | Nương tựa trên tà kiến,
Họ không thuần thực pháp. |
| 185. | Sanh gia tộc Thích-ca,
Ngài thuyết pháp cho ta, | Đức Phật, bậc Vô Tỷ,
Vượt qua các tà kiến. ⁶ |

⁵ Tham chiếu: *Thag.* v. 1209; *Thīg.* v. 189, 291, 312; *S. II.* 185, *Puggalasutta* (Kinh Người); *Dh.* v. 191; *It.* 17, *Atthipūñjasutta* (Kinh Đông xương); *Pháp cú kinh* “Thuật Phật phẩm” 法句經述佛品 (T.04. 0210.22. 0567a01); *Pháp cú thí dụ kinh* “Ai dục phẩm” 法句譬喻經愛欲品 (T.04. 0211.32. 0600c22); *Xuất diệu kinh* “Quán phẩm” 出曜經觀品 (T.04. 0212.28. 0736b06); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Quán sát phẩm” 法集要頌經觀察品 (T.04. 0213.27. 0791b03).

⁶ Xem *Thīg.* v. 192.

- | | |
|---|--|
| 186. Ngài thuyết tám Thánh đạo,
Về vượt qua đau khổ, | Về khổ, nguyên nhân khổ,
Và con đường khổ diệt. ⁷ |
| 187. Ta nghe lời Phật dạy,
Ba minh đã đạt được, | Sống vui thích giáo pháp,
Lời Phật dạy làm xong. ⁸ |
| 188. Mọi nơi, hỷ duyệt đoạn,
Hãy biết vậy, Ác ma! | Khỏi si ám tan lành.
Người bị hại, Ma vương. ⁹ |

§60. KỆ NGÔN CỦA TRƯỜNG LÃO NI UPACĀLĀ

(*Upacālātherīgāthā*)¹⁰ (*Thīg.* 141; *ThīgA.* 165)

Câu chuyện của Trường lão Ni Upacālā giống như câu chuyện trên. Như Trường lão Ni Cālā, cô chứng quả A-la-hán và bị Ác ma cám dỗ, nhưng Ác ma đã thất bại:

- | | |
|--|---|
| 189. Trú niệm, có pháp nhãn,
Thể nhập đạo an tịnh, | Tỷ-kheo-ni luyện căn,
Bậc Thượng nhân hành trì. |
| [Ác ma:] | |
| 190. Sao người không thích sanh?
Hãy hưởng thọ dục lạc, | Có sanh mới hưởng dục,
Chớ hối tiếc về sau. |
| [Upacālā:] | |
| 191. Đã sanh thời bị chết,
Bị giết, trói, phiền não, | Tay chân bị đứt đoạn,
Sau đưa đến khổ đau. |
| 192. Sanh gia tộc Thích-ca,
Ngài thuyết pháp cho ta, | Đức Phật không chiến bại,
Vượt qua khỏi sự sanh. ¹¹ |
| 193. Ngài thuyết tám Thánh đạo,
Về vượt qua đau khổ, | Về khổ, nguyên nhân khổ,
Và con đường khổ diệt. |
| 194. Ta nghe lời Ngài dạy,
Ba minh đã đạt được, | Sống vui thích giáo pháp,
Lời Phật dạy làm xong. ¹² |
| 195. Mọi nơi, hỷ duyệt đoạn,
Hãy biết vậy, Ác ma! | Khỏi si ám tan lành,
Người bị hại, Ma vương. ¹³ |

⁷ Xem *Thīg.* v. 193, 311, 322.

⁸ Xem *Thīg.* v. 194, 202.

⁹ Xem *Thīg.* v. 59, 61-2, 142, 195, 203, 235.

¹⁰ Tham chiếu: *Thag.* v. 1209; *Thīg.* v. 189, 291, 312; *S. I.* 132, *Cālāsutta* (Kinh Cālā); *S. II.* 185, *Puggalasutta* (Kinh Người); *Dh.* v. 191; *It.* 17, *Aṭṭhipuñjasutta* (Kinh Đồng xương); *Pháp cú kinh* “Thuật Phật phẩm” 法句經述佛品 (T.04. 0210.22. 0567a01); *Pháp cú thi dụ kinh* “Ái dục phẩm” 法句譬喻經愛欲品 (T.04. 0211.32. 0600c22); *Xuất diệu kinh* “Quán phẩm” 出曜經觀品 (T.04. 0212.28. 0736b06); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Quán sát phẩm” 法集要頌經觀察品 (T.04. 0213.27. 0791b03).

¹¹ Kệ 192-94, xem *Thīg.* v. 185-87.

¹² Xem *Thīg.* v. 187, 202.

¹³ Xem *Thīg.* v. 59, 61-2, 142, 188, 203, 235.

CHƯƠNG VIII

TÁM KỆ

(*ATTHAKANIPĀTA*)

§61. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI SĪSUPACĀLĀ (*Sīsūpacālātherīgāthā*)¹ (*Thīg.* 142; *ThīgA.* 168)

Câu chuyện giống như hai câu chuyện trước. Cô theo gương người anh, xuất gia và chứng quả A-la-hán. Hưởng thọ sự an lạc, cô suy tư đến quả chứng, đã làm những điều cần làm và nói lên sự sung sướng của cô:

196. Tỷ-kheo-ni giữ giới, Khéo hộ trì các căn,
Đạt được đạo an tịnh, Nước cam lồ thuần tịnh.

[Ác ma:]

197. Chư thiên cõi Ba Ba, Dạ-ma và Đâu-suất,
Chư thiên trời Hóa Lạc, Chư thiên cõi Tự Tại,
Hãy hướng tâm chỗ ấy, Chỗ xưa kia cô sống.

Khi Trưởng lão Ni nghe vậy, liền nói: “Hãy dừng lại, Ác ma! Dục giới mà người nói đến, cho đến cả thế giới vũ trụ đều bị lửa tham, lửa sân, lửa si đốt cháy. Tại chỗ ấy, người có trí không ưa thích.” Nêu rõ cho Ác ma thấy tâm của mình đã xa lìa ma giới, cô trách mắng Ác ma như sau:

198. Chư thiên cõi Ba Ba, Dạ-ma và Đâu-suất,
Chư thiên trời Hóa Lạc, Chư thiên cõi Tự Tại.
199. Đời này đến đời khác, Hữu này đến hữu khác,
Chúng đều bị thân kiến, Lãnh đạo và chi phối,
Chúng không vượt thân kiến, Luân chuyển vòng sanh tử.
200. Toàn thể giới bốc cháy, Toàn thể giới đồng cháy,
Toàn thể giới bùng cháy, Toàn thể giới rung động.
201. Phật thuyết pháp cho ta, Pháp bất động vô tỷ,
Pháp ấy không thể hành, Bởi các người phạm phu,
Pháp ấy tâm ý ta, Hân hoan và ưa thích.

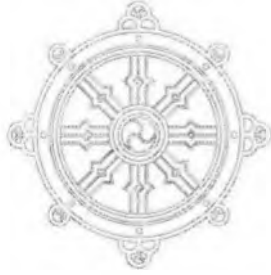
¹ Xem S. I. 133, *Upacālāsutta* (Kinh *Upacālā*).

202. Ta nghe lời vị ấy,
Ba mình đã đạt được,

203. Mọi chỗ hỷ duyệt đoạn,
Hãy biết vậy, Ác ma!

Sống vui trong giáo pháp,
Lời Phật dạy làm xong.²

Khỏi si ám tan lành,
Người bị hại, Ma vương.³



² Xem *Thīg.* v. 187, 194.

³ Xem *Thīg.* v. 59, 61-2, 142, 188, 195, 235.

CHƯƠNG IX

CHÍN KỆ

(*NAVAKANIPĀṬA*)

§62. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI MẸ CỦA VADDHA (*Vaddhamātuttherīgāthā*) (*Thīg.* 142; *ThīgA.* 171)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh ra ở thành phố Bharukaccha, trong một gia đình thường dân. Sau khi lập gia đình, cô sanh được một người con, đặt tên là Vaddha và cô được biết là mẹ Vaddha. Khi nghe một Tỷ-kheo thuyết pháp, cô trở thành một tín nữ, và giao lại con cho bà con, cô đi đến các Tỷ-kheo-ni và xuất gia.¹ Vaddha đi thăm mẹ, đi một mình vào tỉnh xá Tỷ-kheo-ni và bị mẹ khiển trách như sau:

- | | | |
|------|---|---|
| 204. | Vaddha, chớ bao giờ,
Này con, chớ chia phần, | Rơi vào cõi tham dục,
Trong đau khổ liên tục. |
| 205. | Hạnh phúc là ân sĩ,
Sống mát lạnh, chế ngự, | Không tham, nghi đoạn tận,
Không còn các lậu hoặc. |
| 206. | Ân sĩ ấy hành trì,
Chấm dứt sự khổ đau, | Con đường đạt chánh kiến,
Vaddha, hãy tiến tu! |

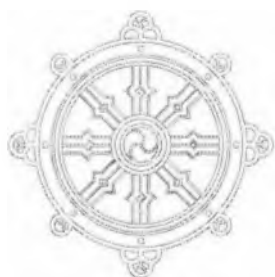
Rồi Vaddha suy nghĩ: “Mẹ ta chắc đã chứng quả A-la-hán”, nên nói như sau:

- | | | |
|------|---|--|
| 207. | Với tự tín mẹ nói,
Mẹ thân! Con nghĩ rằng, | Mục đích này cho con,
Mẹ không còn tham dục. |
| 208. | Vaddha! Phàm hành gì,
Một tí nhỏ tham dục, | Thấp, cao hay bậc trung,
Không có ở nơi ta. |
| 209. | Ta đoạn mọi lậu hoặc,
Ba minh đã đạt được, | Không phóng dật, thiên tu,
Làm xong lời Phật dạy. |

Người con dùng lời khuyên của mẹ để tự sách tấn, đi vào tỉnh xá, ngồi trên chỗ mình thường ngồi, triển khai thiền quán và chứng quả A-la-hán. Suy tư trên hạnh phúc về quả chứng của mình, Vaddha đi đến mẹ và nói lên chánh trí của mình:

¹ Chỗ này có thêm câu chuyện về Trưởng lão Vaddha được đề cập trong *ThagA.* II. 141, *Vaddhattheragāthāvaṇṇanā* (Chủ giải Kệ ngôn của Trưởng lão Vaddha).

- | | |
|---|---|
| 210. Vi diệu thay, mẹ ta!
Những kẻ thuộc chơn đế, | Khích lệ, thúc đẩy ta,
Với lòng từ thương tưởng. |
| 211. Ta nghe lời mẹ dạy,
Ta hành pháp cảm kích, | Lời giáo giới mẹ hiền,
Đạt an ổn khổ ách. |
| 212. Ta tinh tấn tinh cần,
Được mẹ khéo khích lệ, | Ngày đêm không biếng nhác,
Ta chứng tịnh tối thượng. |



CHƯƠNG X

MƯỜI MỘT KỆ

(*EKĀDASANIPĀTA*)

§63. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI KISĀ GOTAMĪ (*Kisāgotamītherīgāthā*)¹ (*Thīg.* 143; *ThīgA.* 174)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh ở Sāvattthi, trong một gia đình nghèo khổ, tên là Gotamī, và vì cô yếu đuối nên được gọi là Kisā Gotamī (Gotamī ốm yếu). Khi lập gia đình, cô bị khinh thường và được gọi là con gái của một người không có gì, nhưng khi có con, cô được kính trọng. Đứa con lớn lên khi có thể chạy được thì bị chết, cô cảm thấy đau khổ và nhớ đến sự đối xử với mình được thay đổi khi sinh đứa con. Cô nghĩ: “Họ sẽ mang đứa con của ta ra nghĩa địa.” Rồi cô ôm đứa con đã chết vào lòng và đi vào từng nhà xin: “Hãy cho con tôi thuốc!” Và được trả lời: “Nay thuốc còn dùng được gì nữa?” Nhưng cô không hiểu. Có người thương xót khuyên cô đến đức Phật để xin thuốc, cô đi đến tinh xá và xin đức Phật: “Hãy cho con tôi thuốc!” Bậc Đạo sư thấy được sự hy vọng tu chứng nơi cô bèn nói: “Hãy đi đến nhà nào không có người chết và đem lại một hột cải!” Cô vâng lời, đi đến nhà đầu tiên và yêu cầu như vậy, nhưng bị từ chối vì trong nhà có người chết. Cô đi đến nhiều nhà khác cũng được trả lời như vậy và cô nghĩ: “Đây có thể là bậc Đạo sư dạy khéo cho ta”, nên cô mang đặt con cô ở nghĩa địa và nói:

Pháp này không riêng làng,	Không riêng thành, gia tộc,
Không riêng cho một ai,	Cho đến toàn thế giới,
Kể cả các chư thiên,	Ở tại mọi tầng trời,
Pháp nhĩ là như vậy,	Tất cả là vô thường.

Rồi cô đi đến bậc Đạo sư và khi Ngài hỏi có tìm được hột cải không, cô trả lời: “Việc làm về hột cải đã xong. Hãy xác chứng cho con!”

Thế Tôn nói:

Tâm còn bị đắm say,	Con cái và súc vật,
Tử thần bắt người ấy,	Như lựu trôi làng ngủ. ²

¹ Xem *Ap.* II. 564, *Kisāgotamītherīapadāna* (Ký sự về Trưởng lão Ni Kisā Gotamī).

² Xem *Dh.* v. 287.

Khi đức Phật nói xong, cô chứng được Sơ quả (quả Dự lưu) và xin được xuất gia. Đức Phật chấp nhận và cô được các Tỷ-kheo-ni cho thọ giới. Sau đó không bao lâu, cô quán chiếu về nguyên nhân của sự vật khiến thiên quán tăng trưởng. Rồi bậc Đạo sư nói lên bài kệ:

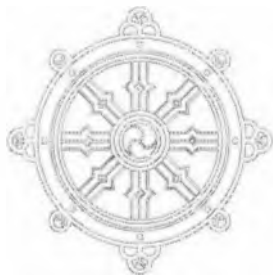
Người sống một trăm năm,	Không thấy pháp sanh diệt,
Tốt hơn, sống một ngày,	Thấy được pháp sanh diệt. ³

Khi đức Phật nói xong, cô chứng quả A-la-hán. Vì cô đặc biệt tu hạnh khắc khổ nên cô mặc thô y, và đức Phật ngồi tại tinh xá Kỳ Viên ấn chứng cho cô là vị Ni có hạnh Mặc thô y đệ nhất. Suy tư trên quả chứng của mình, cô nói lên những bài kệ này trước mặt Thế Tôn, những bài kệ tán thán sự thân cận với các bậc Hiền Thánh:

- | | | |
|------|---|--|
| 213. | Bạn lành được ẩn sĩ,
Thân cận với bạn lành, | Khắp thế giới ngợi khen,
Kẻ ngu thành người trí. |
| 214. | Hãy thân bậc chân nhân,
Thân cận bậc chân nhân, | Thân vậy trí tăng trưởng,
Mọi khổ đau được thoát. |
| 215. | Hãy biết bốn Thánh đế,
Biết về đau khổ diệt, | Khổ và khổ tập khởi,
Và đường Thánh tám ngành. |
| 216. | Khổ thay phận nữ nhân,
Bậc Đánh Xe Điều Ngự,
Khổ thay phận chồng chung, | Chính Ngài đã nói lên,
Những ai đáng điều ngự,
Nhiều người một lần sanh. |
| 217. | Trong đau khổ, đắm hóng,
Trường hợp gặp bào thai,
Cả hai mẹ và con, | Mẹ yếu uống thuốc độc,
Bị chết khi đang sanh,
Đều cùng gặp tai nạn. |
| 218. | Khi mang thai đi về,
Và khi ta sanh đẻ, | Ta thấy chồng chết đường,
Ta không về đến nhà. |
| 219. | Hai con đều bị chết,
Lại bị chết giữa đường,
Đều cùng bị thiêu đốt, | Chồng nữ nhân khôn khổ,
Mẹ, cha và cả anh,
Dồn chung trên đồng lửa. |
| 220. | Ôi, nữ nhân khôn khổ,
Người phải chịu khổ đau,
Nước mắt người đã khóc, | Sanh gia cảnh khôn cùng,
Vô lượng không kể xiết.
Trải nhiều ngàn lần sanh. |
| 221. | Ta thấy giữa nghĩa trang,
Gia đình bị tàn hại,
Tuy vậy, người chết chồng, | Thịt con ta bị ăn,
Bị mọi người khinh bỉ,
Đạt được sự bất tử. |
| 222. | Ta tu tập Thánh đạo,
Ta chứng được Niết-bàn, | Đường tám ngành bất tử,
Thấy được gương Chánh pháp. |

³ Xem *Dh.* v. 113.

- 223.** Trên ta, mũi tên đâm,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Ta là Trường lão Ni,
Với tâm khéo giải thoát,
- Đã được rút ra khỏi,
Việc nên làm đã làm,
Kisā Gotamī,
Ta nói lên lời này.



CHƯƠNG XI

MƯỜI HAI KỆ

(DVĀDASAKANIPĀTA)

§64. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI UPPALAVANNA (Uppalavannātherīgāthā)¹ (Thīg. 144; ThīgA. 182)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh ở Sāvatti, con gái của vị trưởng kho bạc. Vì da cô màu tím của sen xanh, nên cô được gọi là Uppalavannā. Khi cô đến tuổi trưởng thành, vua và thường dân giành nhau đến cưới cô. Vị trưởng kho bạc không thể làm cho mọi người bằng lòng, bèn nghĩ đến một kế để giải quyết. Ông cho gọi Uppalavannā và yêu cầu cô xuất gia. Vì căn cơ đã thuần thực, cô nhận lời ngay, và cô được đưa đến tinh xá Tỷ-kheo-ni để xuất gia.

Sau một thời gian, khi cô phụ trách công việc dọn dẹp phòng làm lễ Bố-tát, cô thắp ngọn đèn để quét phòng, rồi lấy ngọn đèn làm tướng để thiền quán, không bao lâu cô chứng được quả A-la-hán. Cô trở thành vị Ni Thần thông đệ nhất.

Và bậc Đạo sư ngồi giữa đại chúng ở Jetavana ấn chứng cho cô là Thần thông đệ nhất. Cô sống an lạc với thiền, Thánh quả và Niết-bàn. Một ngày nọ, khi đang quán sát sự nguy hiểm, hạ liệt và uế nhiễm của các dục, cô thốt lên những lời kệ với trưởng lão bên bờ sông Hằng về nỗi đau buồn khi mẹ và con gái phải sống chung chồng:

I

- | | | |
|------|--|--|
| 224. | Hai, mẹ và con gái,
Lời cô đã nói lên,
Cảnh ngộ thật hy hữu, | Chúng tôi sống một chồng,
Làm ta xúc động mạnh,
Làm tóc lông dựng ngược. |
| 225. | Đáng ngán thay các dục,
Ở đây, mẹ, con gái, | Bất tịnh, hôi, nhiều gai,
Chúng tôi lấy một chồng. |
| 226. | Thấy nguy hiểm trong dục,
Cô xuất gia Vương Xá, | Viễn ly, an ổn vững,
Bỏ nhà, sống không nhà. |

¹ Xem S. I. 131, *Uppalavannāsutta* (Kinh Uppalavannā); Ap. II. 551, *Uppalavannātherīpadāna* (Ký sự về Trưởng lão Ni Uppalavannā).

II

Sung sướng cô nói lên quả chứng của mình:

227. Ta biết các đời trước, Thiên nhân được thanh tịnh,
Trí biết được tâm người, Nhĩ giới được trong sạch.
228. Ta chứng được thần thông, Lậu tận ta đạt được,
Ta chứng Sáu thắng trí, Lời Phật dạy làm xong.²

III

Cô hiện lên một thần thông với sự chấp thuận của bậc Đạo sư và nói như sau:

229. Do hóa hiện thần thông, Ta đến xe bốn ngựa,
Ta đánh lễ chân Phật, Thế Giới Chủ Quang Vinh.

IV

Cô bị Ác ma đến quấy phá tại rừng cây Sāla và trách móc Ác ma.

[Ác ma:]

230. Cô đi đến gốc cây, Đang nở hoa tuyệt đẹp,
Cô đến, đứng một mình, Dưới gốc cây có hoa.
Cô đến chỉ một mình, Nay kẻ đại khờ kia,
Sao cô lại không sợ, Có kẻ căm dỗ cô!

[Cô:]

231. Trăm ngàn người căm dỗ, Có đến đây như người,
Mảy lông ta không động, Ta không gì hoảng hốt,
Ác ma làm gì ta, Khi người đến một mình?
232. Ta có thể biến mất, Hay vào bụng nhà người,
Ta đứng giữa hàng mi, Người không thấy ta đứng.
233. Với tâm khéo nhiếp phục, Thần túc khéo tu trì,
Sáu thắng trí ta chứng, Lời Phật dạy làm xong.
234. Các dục giống gươm giáo, Chém nát các uẩn ta,
Những dục mà người gọi, Là lạc thú cuộc đời,
Ngày nay dục lạc ấy, Với ta không hấp dẫn.³
235. Ở tất cả mọi nơi, Hỷ lạc được đoạn tận,
Khỏi tôi tắm mù ám, Đã bị làm tan nát.
Hỡi này kẻ Ác ma! Người hãy biết như vậy,
Người chính là Ác ma, Người đã bị bại trận.⁴

² Xem *Thīg.* v. 70-1.

³ Xem *Thīg.* v. 58, 141.

⁴ Xem *Thīg.* v. 59, 61-2, 142, 188, 195, 203.

CHƯƠNG XII

MƯỜI SÁU KỆ

(*SOLASANIPĀTA*)

§65. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI PUNNA (*Punṇātherīgāthā*)¹ (*Thīg.* 146; *ThīgA.* 199)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh ở Sāvatti trong gia đình ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc), con gái của một người nô lệ. Cô chứng được quả Dự lưu khi nghe *Kinh Sư tử hống*.² Về sau, khi cô hóa độ được một Bà-la-môn tin tưởng nhờ nước làm cho thanh tịnh, được cảm tình của ông chủ, cô được thoát khỏi giới nô lệ, và với sự bằng lòng của ông chủ, cô được xuất gia. Và nhờ triển khai thiền quán, cô chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ. Suy tư trên quả chứng của mình, cô nói lên những bài kệ như sau:

- | | | |
|------|--|---|
| 236. | – Mùa đông ta mang nước,
Ta sợ các hình phạt, | Luôn luôn xuống dòng nước,
Lời trách móc các bà. |
| 237. | – Hỡi này Bà-la-môn,
Luôn luôn xuống dòng nước,
Người phải chịu cảm thọ, | Người sợ hãi vì ai,
Tay chân run cầm cập.
Rét lạnh quá độ vậy? |
| 238. | – Và cô có biết chăng,
Sao cô lại đến hỏi,
Vị đã chặn đứng lại, | Hỡi này Punṇikā,
Vị làm các nghiệp lành,
Các nghiệp ác bất thiện. |
| 239. | Vị ấy già hay trẻ,
Người ấy nhờ rảy nước, | Làm các nghiệp ác độc,
Được giải thoát ác nghiệp. |
| 240. | – Ai nói với người vậy,
Người tin nhờ rảy nước, | Kẻ ngu với kẻ ngu,
Được giải thoát ác nghiệp. |
| 241. | Tất cả những ếch, rùa,
Cùng các rắn, cá sấu, | Sẽ được lên cõi trời,
Và các thủy vật khác. |

¹ Còn được gọi là Punṇikā. Xem *Ap.* II, 611, *Punṇikātherīpadāna* (Ký sự về Trưởng lão Ni Punṇikā); *J. V.* 264, *Samkicajātaka* (Chuyện Hiền giả Samkicca), số §530.

² Xem *M. I.* 63, *Cūḷasīhanādasutta* (Tiểu kinh Sư tử hống), số 11; *M. I.* 67, *Mahāsīhanādasutta* (Đại kinh Sư tử hống), số 12.

- | | |
|---|--|
| <p>242. Kẻ giết bò, giết heo,
Các kẻ cướp giết người,
Họ nhờ có rẫy nước,</p> <p>243. Nếu những con sông này,
Ác nghiệp xưa người làm,
Các thiện nghiệp người làm,</p> <p>244. Phạm chí vì cái gì,
Cái ấy chớ có làm,</p> <p>245. – Ta đi theo tà đạo,
Thừa cô, ta cho cô,</p> <p>246. – Người giữ cái áo lại,
Nếu người sợ đau khổ,</p> <p>247. Chớ làm các điều ác,
Nếu người làm, sẽ làm,</p> <p>248. Người không thoát đau khổ,
Nếu người sợ đau khổ,</p> <p>249. Hãy đến quy y Phật,
Hãy chấp nhận giới luật,</p> <p>250. – Ta đến quy y Phật,
Ta chấp nhận giới luật,</p> <p>251. Trước ta là bà con,
Nay ta là Phạm chí,
Ta chứng ngộ Ba minh,
An ổn đến với ta,</p> | <p>Kẻ đánh cá, săn thú,
Các người làm ác khác,
Có thể thoát ác nghiệp.
Có thể làm trôi mát,
Chúng cũng làm trôi luôn,
Khiến người thành rỗng không.
Người sợ phải xuống nước,
Chớ để lạnh hại da?
Cô hướng ta Thánh đạo,
Cái áo thấm nước này.
Ta không muốn cái áo!
Nếu người không thích khổ.
Công khai hay kín đáo,
Làm các điều ác nghiệp.
Dầu thấy đến, người chạy,
Không ưa thích đau khổ.
Quy y Pháp và Tăng,
Người sẽ được lợi ích.
Quy y Pháp và Tăng,
Ta sẽ được lợi ích.
Với tộc họ Phạm thiên,
Chơn thật là như vậy,
Đầy đủ trí Vệ-đà,
Tâm tư được gột sạch.³</p> |
|---|--|

Vị Bà-la-môn quy y và thọ năm giới. Về sau được nghe bậc Đạo sư thuyết pháp, trở thành một thiện nam và xuất gia. Nhờ tinh cần tu tập, không bao lâu chứng được Ba minh, và nghĩ đến quả chứng của mình, nói lên bài kệ này. Và vị Tỷ-kheo-ni lập lại bài kệ ấy, trở thành bài kệ của mình.

³ Kệ 248-51, xem *Thīg.* v. 288-91.

CHƯƠNG XIII

HAI MƯƠI KỆ

(*VĪSATINIPĀTA*)

§66. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI AMBAPĀLĪ

(*Ambapālītherīgāthā*)¹ (*Thīg.* 147; *ThīgA.* 206)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh dưới một gốc cây xoài trong vườn của vua xứ Vesālī và được gọi là Ambapālī. Cô rất đẹp nên đến khi lớn lên, nhiều vương tôn công tử cạnh tranh để chiếm đoạt cô. Về sau, để tránh những cạnh tranh ấy và cũng do nghiệp lực của cô, cô trở thành một kỹ nữ. Vì lòng tin đối với bậc Đạo sư, cô xây dựng một tinh xá trong ngôi vườn của cô và cúng cho đức Phật và chúng Tăng. Khi cô nghe con cô, tức là Trưởng lão Vimala Kondaṇṇa thuyết pháp, cô triển khai thiền quán về lý vô thường như thân cô, cô chứng tam minh và nói lên những bài kệ sau đây:

- | | | |
|------|---|--|
| 252. | Đen như sắc con ong,
Nay biến đổi vì già,
Đúng như lời giảng dạy, | Tóc dài ta khéo uốn,
Như vải gai, vỏ cây,
Của bậc Nói Sự Thật. |
| 253. | Thơm như hộp ướp hương,
Nay biến đổi vì già,
Đúng như lời giảng dạy, | Đầu ta đầy những hoa,
Hôi như lông con thỏ,
Của bậc Nói Sự Thật. |
| 254. | Như rừng khéo vun trồng,
Nay biến đổi vì già,
Đúng như lời giảng dạy, | Lược trâm cài chói sáng,
Tóc lơ thơ rơi rụng,
Của bậc Nói Sự Thật. |
| 255. | Trang điểm với bện tóc,
Tóc mềm mại êm dịu,
Nay biến đổi vì già,
Đúng như lời giảng dạy, | Sáng chói nữ trang vàng,
Thơm ngát với mùi hương,
Rơi rụng đầu sói trọc,
Của bậc Nói Sự Thật. |
| 256. | Trước lông mày của ta,
Nay biến đổi vì già,
Đúng như lời giảng dạy, | Chói sáng khéo tô vẽ,
Nhăn nếp rơi suy sụp,
Của bậc Nói Sự Thật. |

¹ Xem *Ap.* II. 613, *Ambapālītherīapadāna* (Ký sự về Trưởng lão Ni Ambapālī).

257. Mắt ta xanh và dài,
Nay biến đổi vì già,
Đúng như lời giảng dạy,
Sáng đẹp như châu báu,
Hư hại không chói sáng,
Của bậc Nói Sự Thật.
258. Lỗ mũi mềm và thon,
Nay biến đổi vì già,
Đúng như lời giảng dạy,
Sáng chói và trẻ măng,
Héo khô và tàn tạ,
Của bậc Nói Sự Thật.
259. Trước tai ta sáng chói,
Nay biến đổi vì già,
Đúng như lời giảng dạy,
Như vàng vòng khéo làm,
Nhăn nheo chảy xệ xuống,
Của bậc Nói Sự Thật.
260. Trước răng ta sáng chói,
Nay biến đổi vì già,
Đúng như lời giảng dạy,
Như búp nụ chuỗi hoa,
Bê gãy, vàng như lúa,
Của bậc Nói Sự Thật.
261. Ngọt là giọng nói ta,
Nay biến đổi vì già,
Đúng như lời giảng dạy,
Như chim cu rừng hót,
Tiếng bẽ bị đứt đoạn,
Của bậc Nói Sự Thật.
262. Trước cổ ta chói sáng,
Nay biến đổi vì già,
Đúng như lời giảng dạy,
Mềm, đầy đặn, nhu nhuyến,
Nhiều ngán và khô cằn,
Của bậc Nói Sự Thật.
263. Trước cánh tay của ta,
Nay biến đổi vì già,
Đúng như lời giảng dạy,
Sáng như hai cột tròn,
Như hoa kèn yết ớt,
Của bậc Nói Sự Thật.
264. Trước bàn tay của ta,
Sáng như nữ trang vàng,
Như rễ cây khô cằn,
Mềm mại như cành hoa,
Nay biến đổi vì già,
Nhăn nheo và thô nhám,
Của bậc Nói Sự Thật.
265. Trước vú ta sáng chói,
Nay biến đổi vì già,
Như túi da hết nước,
Căng, thẳng và tròn đầy,
Trống rỗng treo lủng lẳng,
Trống không, không căng tròn,
Của bậc Nói Sự Thật.
266. Trước thân ta chói sáng,
Nay biến đổi vì già,
Đúng như lời giảng dạy,
Như giáp vàng đánh bóng,
Đầy vết nhăn nhỏ xiu,
Của bậc Nói Sự Thật.
267. Trước bắp vế của ta,
Nay biến đổi vì già,
Đúng như lời giảng dạy,
Sáng chói như vòi voi,
Giống như những ống tre,
Của bậc Nói Sự Thật.
268. Trước ống chân của ta,
Nay biến đổi vì già,
Đúng như lời giảng dạy,
Mềm mại điểm vòng vàng,
Chẳng khác gậy cây mè,
Của bậc Nói Sự Thật.

- | | |
|---|---|
| <p>269. Trước chân ta chói sáng,
Nay biến đổi vì già,
Đúng như lời giảng dạy,</p> <p>270. Thân này là như vậy,
Ngôi nhà đã cũ kỹ,
Đúng như lời giảng dạy,</p> | <p>Với lông mềm như bông,
Nứt nẻ đầy đường nhăn,
Của bậc Nói Sự Thật.</p> <p>Nay già chứa nhiều khổ,
Vôi trét tường rơi xuống,
Của bậc Nói Sự Thật.</p> |
|---|---|

Và vị Trường lão Ni thấy được những hình tướng vô thường trên thân của mình, nhận thức được tánh vô thường của ba giới: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, tâm tư quán triệt tánh vô thường, khổ, vô ngã và phát triển tuệ quán trên con đường tu tập, chứng được quả A-la-hán.

§67. KỆ NGÔN CỦA TRƯỜNG LÃO NI ROHINĪ (*Rohiṇītherīgāthā*) (*Thīg.* 150; *ThīgA.* 214)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô sanh ở Vesālī, trong nhà một phú gia Bà-la-môn và được đặt tên là Rohinī (con bò nâu đỏ). Đến tuổi trưởng thành, khi đức Phật còn ở Vesālī, cô đến nghe pháp, chứng được quả Dự lưu. Rồi cô giảng pháp cho cha mẹ, cha mẹ chấp nhận pháp và cho phép cô xuất gia. Cô khai triển thiền quán và không bao lâu chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ.

Suy tư đến một cuộc đàm thoại về pháp với phụ thân khi cô mới chứng quả Dự lưu, cô nói lên sự phấn khởi của cô với những bài kệ sau đây về nội dung cuộc đàm thoại:

- | | |
|--|--|
| <p>271. – Cô chỉ cho ta thấy,
Cô thức ta tỉnh dậy,
Cô khen tặng Sa-môn,</p> <p>272. Cô tìm cho Sa-môn,
Này hỡi Rohinī,</p> <p>273. Họ nhác, không thích làm,
Họ ham lợi, thích ngọt,</p> <p>274. – Cha thân, đã lâu rồi,
Con sẽ tán thán họ,</p> <p>275. Họ thích làm, không nhác,
Họ trừ bỏ tham, sân,</p> <p>276. Ba cội gốc điều ác,
Mọi điều ác đoạn tận,</p> <p>277. Thân nghiệp họ trong sạch,
Ý nghiệp họ trong sạch,</p> | <p>Đây là một Sa-môn,
Đây là một Sa-môn,
Muốn thành nữ Sa-môn.</p> <p>Rất nhiều đồ ăn uống,
Sao cô quý Sa-môn?</p> <p>Sống với đồ người cho,
Sao cô quý Sa-môn?</p> <p>Cha hỏi về Sa-môn,
Tuệ, giới hạnh tinh cần.</p> <p>Họ làm việc tối thắng,
Vì vậy con quý họ.</p> <p>Họ quét sạch, thanh tịnh,
Vì vậy con quý họ.</p> <p>Khẩu nghiệp họ cũng vậy,
Do vậy con quý họ.</p> |
|--|--|

278. Không cầu uế, giải thoát,
Trong sạch cả bên trong,
Công đức họ trắng tinh,
Như vỏ ốc trong sạch,
Trong sạch cả bên ngoài,
Do vậy con quý họ.
279. Nghe nhiều, thọ trì pháp,
Họ thuyết nghĩa, thuyết pháp,
Mạng sống đúng Chánh pháp,
Do vậy con quý họ.
- 280-81. Nghe nhiều, thọ trì pháp,
Nhất tâm giữ chánh niệm,
Họ chấm dứt đau khổ,
Mạng sống đúng Chánh pháp,
Lời sáng suốt khiêm nhường,
Do vậy con quý họ.
282. Từ làng họ ra đi,
Họ đi không mong chờ,
Không nhìn ngó vật gì,
Do vậy con quý họ.
283. Không tầm cầu kho tàng,
Họ tầm cầu cứu cánh,
Không kho chứa, kho cất,
Do vậy con quý họ.
284. Họ không nắm giữ tiền,
Họ sống với hiện tại,
Không nắm vàng, nắm bạc,
Do vậy con quý họ.
285. Từ gia đình, quốc độ,
Nhưng họ thương kính nhau,
Họ xuất gia khác nhau,
Do vậy con quý họ.
286. – Hỡi này Rohinī,
Cô đem lại hạnh phúc,
Cô tin Phật, Pháp, Tăng,
Cô sanh trong gia đình,
Cho gia đình chúng tôi,
Lòng tín kính sắc bén.
287. Cô biết rõ cái này,
Chúng tôi cùng tín kính,
Là ruộng phước vô thượng,
Các vị Sa-môn này,
Đối với tôi rất lớn.
288. Tể đàn thiết lập đây,
– Nếu cha sợ đau khổ,
Nếu cha không thích khổ,
Quy y Pháp và Tăng,
Cha sẽ được hạnh phúc.
289. Hãy quy y Phật-đà,
Hãy chấp nhận giới đức,
Quy y Pháp và Tăng,
Tôi sẽ được hạnh phúc.
290. – Tôi quy y Phật-đà,
Tôi chấp nhận giới luật,
Bà con của Phạm thiên,
Một vị Bà-la-môn,
Được an toàn yên ổn,
Ta tắm rửa thật sạch.²
291. Lúc trước ta chỉ là,
Nay ta thật chính là,
Ta chứng đạt Ba minh,
Ta chứng ngộ,
Ta chứng ngộ.

Và vị Bà-la-môn sau khi quy y và thọ các giới, xin xuất gia và chứng quả A-la-hán. Nghĩ đến sự chứng quả vị này nói lên những câu kệ cuối cùng để tỏ lộ sung sướng của mình.

² Kệ 288-91, xem *Thīg.* v. 248-51.

§68. KỆ NGÔN CỦA TRƯỜNG LÃO NI CĀPĀ (*Cāpātherīgāthā*)³ (*Thīg.* 151; *ThīgA.* 220)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh ở xứ Vaṅkahāra, trong làng những người thợ săn đặt bẫy mồi, con người chủ thợ săn và được đặt tên là Cāpā. Trong lúc ấy, Upaka một ẩn sĩ khổ hạnh gặp bậc Đạo sư khi Ngài đi từ Bô-đề đạo tràng đến Ba-la-nại để chuyển pháp luân và hỏi Ngài: “Này Ngài, hình như Ngài được dồi dào sức khỏe. Da của Ngài thật trong sáng. Này Ngài, Ngài từ ai xuất gia? Vị đạo sư của Ngài là ai? Hay Ngài tin tưởng giáo lý gì?” Và bậc Đạo sư trả lời như sau:

Ta chinh phục tất cả,	Mọi sự việc, Ta biết,
Sống giữa vật không nhiễm,	Ta từ bỏ tất cả,
Mạng chung, ác đoạn tận,	Kiến thâm sâu, Ta chứng,
Ta chỉ ai cho ông,	Ta không có Bỏ sư,
Trên đời đứng một mình,	Không ai sánh bằng Ta.
Nay Ta đang đi đến,	Thành phố Ba-la-nại,
Đề vận chuyển pháp luân,	Quay bánh xe Chánh pháp,
Thức tỉnh và hướng dẫn,	Quần chúng đang mê muội,
Đánh tiếng trống bát tử,	Rưới cam lồ giải thoát.

Vị ẩn sĩ, biết được sự giác ngộ và sứ mạng của Ngài nên nói: “Này Ngài, mong rằng sự việc sẽ như Ngài nói, Ngài xứng đáng là bậc Chiến Thắng Bất Diệt.” Rồi Upaka đi con đường tắt đến Vaṅkahāra, và sống gần chỗ các người thợ săn. Người chủ thợ săn lo cung phụng cho Upaka. Một hôm, người chủ đoàn thợ săn đi săn bắn xa với các con trai và anh em, bảo Cāpā lo cúng dường cho Upaka. Nhưng Cāpā rất đẹp và khi Upaka đến tại nhà để khát thực, Upaka mê say sắc đẹp của cô đến nỗi ăn không được, phải đem thức ăn về nhà và nguyện thề chịu chết nếu không lấy được Cāpā. Sau bảy ngày, người chủ thợ săn trở về hỏi vị A-la-hán của mình ở đâu, và được biết Upaka chỉ đến nhà mình một lần rồi thôi không đến nữa. Người thợ săn tìm đến Upaka và Upaka than khóc thú nhận sự đắm say của mình. Người thợ săn hỏi Upaka có biết nghề gì không, Upaka trả lời là không và chịu đi lượm các loài chim thú bị bắt được đem bán. Người thợ săn bằng lòng, cho Upaka một cái áo khoác ngoài, đưa về nhà và gả Cāpā cho. Sau một thời gian, Cāpā sanh được một người con trai và đặt tên là Subhadda. Khi đưa con khóc, Cāpā liền hát lên như sau để chế nhạo chồng mình: “Con của Upaka! Con của vị ẩn sĩ! Con kẻ bán đồ săn! Chớ khóc, chớ khóc này con.” Cuối cùng, Upaka tức quá trả lời: “Này Cāpā, đừng nghĩ rằng không có ai che chở cho ta! Ta có một người bạn, một vị Chiến Thắng Bất

³ Tham chiếu: *Thag.* v. 1209; *Thīg.* v. 189, 291, 312; *S.* II. 185, *Puggalasutta* (*Kinh Người*); *Dh.* v. 191; *It.* 17, *Aṭṭhipuññasutta* (*Kinh Đông xương*); *Pháp cú kinh* “Thuật Phật phẩm” 法句經述佛品 (*T.04. 0210.22. 0567a01*); *Pháp cú thí dụ kinh* “Ai dục phẩm” 法句譬喻經愛欲品 (*T.04. 0211.32. 0600c22*); *Xuất diệu kinh* “Quán phẩm” 出曜經觀品 (*T.04. 0212.28. 0736b06*); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Quán sát phẩm” 法集要頌經觀察品 (*T.04. 0213.27. 0791b03*).

Diệt, ta sẽ đến với người bạn ấy.” Cāpā biết chồng mình tức giận, nhưng vẫn trêu chọc chồng. Cho đến một hôm, Upaka cương quyết ra đi, cô cố cản ngăn nhưng không được và cuối cùng Upaka ra đi để gặp Thế Tôn ở Sāvattthi. Thế Tôn dặn các Tỷ-kheo khi nào có ai đến hỏi: “Vị Chiến Thắng Bất Diệt ấy ở đâu?”, thời đưa người ấy vào gặp đức Phật. Khi Upaka đến tỉnh xá và hỏi: “Vị Chiến Thắng Bất Diệt ấy ở đâu?”, các Tỷ-kheo đưa Upaka đến gặp đức Phật. Đức Phật cho Upaka xuất gia và cuối cùng Upaka chứng được quả Bất lai. Sau khi mạng chung, Upaka được sanh lên cõi trời Avihā; và sau khi tái sanh, Upaka chứng được quả A-la-hán.

Còn Cāpā đau buồn vì chồng bỏ đi, giao con lại cho ông ngoại rồi đi theo Upaka, xin được xuất gia và chứng được quả A-la-hán. Và lấy bài kệ của Upaka hợp chung với bài kệ của cô, cô nói lên sự phấn khởi của mình:

Upaka nói:

292. Ta trước tay cầm gậy,
Sa đầm lầy khôn cùng,

Nay ta thành thợ săn,
Ta không đến bờ kia.

293. Cāpā chọc đùa con,
Chặt trói buộc Cāpā,

Mĩa mai ta say đắm,
Ta nay đã xuất gia.

Cāpā nói:

294. Chớ có tức giận em,
Chớ có tức giận em,
Kẻ bị giận chi phối,

Hỡi bậc Đại chiến thắng,
Hỡi bậc Đại ẩn sĩ,
Khổ hạnh khó thanh tịnh.

295. – Ta sẽ rời Nālā!
Khi nếp sống đúng pháp,
Bị sắc đẹp nữ nhân,

Ai ở lại Nālā,
Tại đây vị Sa-môn,
Trói buộc vào quyền rũ.

296. – Hãy trở lại thưa chàng,
Hãy hưởng thọ dục lạc,
Thiếp xin phục tùng chàng,

Chàng mắt đen của thiếp,
Như trước chàng đã hưởng,
Lại còn bà con thiếp.

297. – Nay Cāpā, phần tư,
Đổi kẻ say mê cô,

Điều cô đã nói lên,
Có thể thành lớn mạnh.

298. – Chàng mắt đen của thiếp,
Như cây lựu nảy mầm,
Như dây leo giăng hoa,
Trong nội địa hoang đảo,

Thiếp chẳng đẹp hay sao,
Nở hoa trên đầu núi,
Hay như bông thối kèn,
Hãy nhìn sắc đẹp thiếp.

299. Ướp thơm với mùi hương,
Thiếp mặc lụa Kāsi,
Thiếp đẹp như thế này,

Hương chiên-đàn đỏ thắm,
Lụa Kāsi tối thượng,
Sao chàng bỏ rơi thiếp.

300. – Như thợ săn bắt chim,
Dầu bùa giăng sắc đẹp,

Muôn dùng mồi bắt chim,
Cô không ngăn ta được!

301. – Còn đưa con trai này,
Chàng mắt đen của thiếp,
Đưa con trai của thiếp,
Do chàng, thiếp sanh ra,
Sao chàng lại từ bỏ,
Đưa con trai của chàng.
302. – Bạc trí bỏ con trai,
Bạc Đại hùng xuất gia,
Như voi biết trói buộc.
303. – Con trai này của chàng,
Đánh ngã nó trên đất,
Vì sâu muộn đưa con,
Nay thiếp dùng gậy dao,
Hãy tự cứu con chàng,
Chàng không thể bỏ đi.
304. – Nếu cô quăng con trai,
Kẻ sanh con trai ta,
Cô sẽ không làm được,
Cho chó sói, loài chó,
Không động lòng trắc ẩn,
Khiến ta quay trở lại.
305. – Nay mong chàng tốt lành,
Chàng sẽ đi đến đâu?
Chàng đi thành phố nào?
Chàng mắt đen của thiếp,
Làng nào, thị trấn nào?
Chàng đi kinh đô nào?
306. – Xưa đời sống chúng tôi,
Không phải là Sa-môn,
Chúng tôi sống bộ hành,
Tổ chức thành đồ chúng,
Chúng tôi tưởng Sa-môn.
Làng này qua làng khác,
Sống trong những thành phố,
Cũng như tại thủ đô.
307. Nay Phật, Thế Tôn này,
Ngài thuyết giảng Chánh pháp,
Đoạn tận mọi khổ đau,
Dọc bờ sông Ni-liên,
Cho các loài hữu tình,
Ta nay đi đến Ngài,
Ngài sẽ là Đạo sư,
Đạo sư của chúng ta.
308. – Nay chàng đi đánh lễ,
Đi hữu nhiều quanh Ngài,
Bạc Thế Tôn Vô Thượng,
Dâng Ngài lòng cung kính!
309. – Cāpā, như cô nói,
Nay ta thay mặt cô,
Đi hữu nhiều quanh Ngài,
Lợi ích cả hai ta,
Lễ Thế Tôn Vô Thượng,
Ta dâng lòng cung kính!
310. Rời Nālā ra đi,
Thấy bậc Chánh Đẳng Giác,
Dọc sông Ni-liên-thiền,
Thuyết pháp đạo bất tử.
311. Thuyết khổ, khổ tập khởi,
Thuyết đường Thánh tám ngành,
Vượt qua sự đau khổ,
Đưa đến khổ tịnh chỉ.⁴
312. Đánh lễ chân Ngài xong,
Trình lên lời ước nguyện,
Rồi chàng xin xuất gia,
Hữu nhiều quanh Ngài xong,
Của Cāpā vợ chàng.
Sống đời không gia đình,
Làm xong lời Phật dạy.

⁴ Xem *Thīg.* v. 186, 193, 322.

§69. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI SUNDARĪ

(*Sundarītherīgāthā*)⁵ (*Thīg.* 153; *ThīgA.* 228)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô sanh ở Benares (Ba-la-nại), con của Sujāta, một Bà-la-môn. Vì thân cô đẹp đẽ, cô được gọi là Sundarī. Khi cô lớn, em trai cô chết, cha cô quá đau khổ đi lang thang và gặp Trưởng lão Ni Vasiṭṭhī. Khi Trưởng lão Ni hỏi cha cô bị đau khổ gì, cha cô trả lời bằng hai câu kệ đầu. Để làm nhẹ bớt đau khổ, Trưởng lão Ni nói hai câu kệ tiếp và nói lên tâm trạng giải thoát khỏi đau khổ của chính cô. Vị Bà-la-môn hỏi làm sao Trưởng lão Ni lại được giải thoát khỏi đau khổ như vậy, vị Trưởng lão Ni trả lời về Ba ngôi báu và sự quy y. Khi được biết bậc Đạo sư nay ở Mithilā, vị Bà-la-môn đánh xe đến Mithilā yết kiến đức Phật. Đức Phật thuyết pháp, vị Bà-la-môn khởi lòng tin, xin xuất gia, vào ngày thứ ba chứng quả A-la-hán sau khi tinh tấn, tinh cần phát triển thiền quán.

Người đánh xe, đánh xe về nhà vị Bà-la-môn và nói cho nữ Bà-la-môn sự việc đã xảy ra. Sundarī nghe vậy, cô xin mẹ xuất gia. Bà mẹ nói nay toàn thể tài sản đều thuộc của cô, hãy thọ hưởng tài sản ấy. Sundarī nói rằng tài sản không có nghĩa gì đối với cô, cô chỉ muốn xuất gia. Sau khi được bà mẹ bằng lòng, cô bỏ cả tài sản như những vật vô giá trị. Nhờ tinh cần tinh tấn, nhờ chủng tử tốt lành, nhờ trí tuệ chín muồi, không bao lâu cô chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ.

Sống trong sự an lạc giải thoát, cô nghĩ: “Ta sẽ rống lên tiếng rống con sư tử trước mặt bậc Đạo sư!” Sau khi xin phép vị Thầy của mình, cô rời khỏi Benares với một số đông Tỳ-kheo-ni, và cuối cùng đến Sāvatthi yết kiến đức Phật, đánh lễ Ngài rồi đứng một bên. Đứng một bên, cô nói lên chánh trí của cô, xem mình như là con gái được sanh ra từ miệng đức Bổn Sư. Và tất cả bà con cô, bắt đầu từ mẹ cô và các người hầu cận đều xuất gia. Suy nghĩ đến quả chứng của mình và dùng lời tuyên bố của người cha, cô nói lên sự phấn khởi của cô như sau:

[Sujāta:]

- | | |
|--|---|
| <p>313. Hỡi nữ Bà-la-môn,
Trong thời gian quá khứ,
Cả ngày và cả đêm,</p> | <p>Những con cô đã chết,
Thần chết ăn nghiêng chúng,
Khổ đau nung nấu cô.</p> |
| <p>314. Nay có đến bảy con,
Nhưng này Vāsiṭṭhī,
Cô không bị đau khổ,</p> | <p>Bị thần chết vô lý,
Chính vì lý do gì,
Nào hại và nung nấu?</p> |

⁵ Tham chiếu: *Thag.* v. 1209; *Thīg.* v. 189, 291, 312; *S.* II. 185, *Puggalasutta* (Kinh Người); *Dh.* v. 191; *It.* 17, *Aṭṭhipuññasutta* (Kinh Đông xương); *Pháp cú kinh* “Thuật Phật phẩm” 法句經述佛品 (T.04. 0210.22. 0567a01); *Pháp cú thí dụ kinh* “Ai dục phẩm” 法句譬喻經愛欲品 (T.04. 0211.32. 0600c22); *Xuất diệu kinh* “Quán phẩm” 出曜經觀品 (T.04. 0212.28. 0736b06); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Quán sát phẩm” 法集要頌經觀察品 (T.04. 0213.27. 0791b03).

[Vāsītthī:]

315. Nhiều trăm con trai ta,
Đã bị thần chết ăn,
316. Ta biết đường giải thoát,
Ta không sầu, không khóc,

[Sujāta:]

317. Hỡi cô Vāsītthī,
Cô biết pháp của ai,

[Vāsītthī:]

318. Hỡi này, Bà-la-môn,
Ở thành Mithilā,
Chánh pháp thật vi diệu,
319. Hỡi này Bà-la-môn,
Thuyết pháp không sanh y,
Ta biết pháp vi diệu,

[Sujāta:]

320. Con sẽ đi ngay đến,
Mong bậc Thế Tôn ấy,
Bà-la-môn thấy Phật,
321. Bà-la-môn thấy Phật,
Bậc Mâu-ni Vượt Khổ,
322. Thuyết khổ, khổ tập khởi,
Thuyết Thánh đạo tám ngành,
323. Ở đây hiểu Diệu pháp,
Sujāta ba đêm,
324. Hãy đi, người đánh xe,
Chúc nữ Bà-la-môn,
Và nói vị Phạm chí,
Sujāta ba đêm,
325. Người đánh xe lấy xe,
Chúc nữ Bà-la-môn,
Và nói vị Phạm chí,
Sujāta ba đêm,

[Mẹ của Sundarī:]

326. Hỡi này người đánh xe,
Khi nghe vị Phạm chí,
Ta cho người đầy bát,

Hàng trăm chúng bà con,
Của ta và của người!
Khỏi sanh và khỏi chết,
Ta không bị nung nấu.

Vi diệu thay, lời người!
Cô nói được như vậy?

Bậc Chánh Đẳng Giác này,
Ngài thuyết cho hữu tình,
Đoạn tận mọi khổ đau.
Ta nghe La-hán ấy,
Ở đây, nhờ hiểu rõ,
Sầu vì con quét sạch.

Thành phố Mithilā!
Giúp con thoát mọi khổ,
Bậc Giải Thoát Mọi Khổ.
Bậc Giải Thoát Vô Sanh,
Thuyết pháp cho vị ấy.
Vượt qua sự đau khổ,
Con đường lắng dịu khổ.⁶
Hoan hỷ chọn xuất gia,
Chúng đạt được Ba minh.
Đánh xe này về nhà,
Được sức khỏe, không bệnh,
Nay đã xuất gia rồi,
Chúng đạt được Ba minh.
Cùng với ngàn đồng tiền,
Được sức khỏe, không bệnh,
Nay đã xuất gia rồi,
Chúng đạt được Ba minh.

Xe ngựa, ngàn tiền này,
Đã đạt được Ba minh,
Cả xe và ngàn tiền.

⁶ Xem *Thīg.* v. 186, 193, 311.

327. – Hỡi nữ Bà-la-môn!
Xe ngựa và ngàn tiền,
Sống thân cận gần gũi,
Hãy giữ lại cho người,
Tôi sẽ đi xuất gia,
Bậc Trí Tuệ Tối Thắng.
328. – Voi, trâu bò và ngựa,
Những gì làm gia tài,
Cha con đã xuất gia,
Châu báu và vòng vàng,
Trở nên giàu có này,
Đã bỏ lại tất cả...
Con thừa tự gia đình,
Của đại gia đình này.
329. – Voi, trâu bò và ngựa,
Những gì làm gia tài,
Sầu khổ vì đứa con,
Châu báu và vòng vàng,
Trở nên cảm dỗ cô,
Cha con đã xuất gia,
Đã từ bỏ tất cả,
Gia sản sự nghiệp này,
Sầu khổ vì anh con.
330. – Hỡi này Sundarī,
Mong rằng tâm tư ấy,
Nuôi sống bằng đồ ăn,
Y áo được tác thành,
Những nếp sống như vậy,
Tích lũy nhờ khát thực,
Với miếng vải lượm lặt,
Được thành tựu viên mãn,
Khiến lậu hoặc đoạn tận,
Trong thế giới đời sau.
- [Sundarī:]
331. Kính thưa Trưởng lão Ni,
Thiên nhân được thanh tịnh,
Tại chỗ con được sống,
Con đã học, tu tập,
Con biết các đời trước,
Trước kia như thế nào.⁷
332. Nhờ Ni sư, con được,
Bậc Sáng chói tốt đẹp,
Ba minh đã chứng đạt,
Ôi, bạn lành của con!
Trong chúng Trưởng lão Ni,
Lời Phật dạy làm xong.
333. Ni sư hãy cho phép,
Con sẽ rống vang lên,
Trước mặt bậc Giác Ngộ,
Con đi đến Xá-vệ,
Tiếng rống con sư tử,
Phật-đà, bậc Tối Thượng.
334. – Hỡi này Sundarī,
Màu da sắc màu vàng,
Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác,
Cô thấy bậc Đạo sư,
Bậc Đã Điều Phục Được,
Như vàng ròng sáng chói!
Không điều gì sợ hãi,
Kẻ chưa được điều phục.
335. Đang đi đến trước Ngài,
Ly tham, không hệ lụy,
Đã làm việc phải làm,
Ngài thấy Sundarī!
Giải thoát, không sanh y,
Không còn các lậu hoặc.

⁷ Xem *Thīg*, v. 104.

336. Từ thành Ba-la-nại,
Con đến bậc Đại Hùng,
Con chính đệ tử Ngài,
Con đã bước ra đi,
Con là Sundarī,
Con đánh lễ chân Ngài.
337. Ngài là bậc Giác Ngộ,
Con là con gái Ngài,
Con sanh từ miệng Ngài,
Ồi, bậc Bà-la-môn!
Không còn có lậu hoặc,
Đã làm việc phải làm,
Con là Sundarī.
338. – Hiền nữ, Ta mừng con,
N như vậy bậc Tự điều,
Bậc Ly Tham, Ly Hê,
Đường còn lại không xa,
Đánh lễ chân Đạo sư,
Không hề lụy trôi buộc,
Không còn các lậu hoặc.

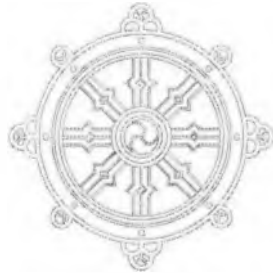
§70. KỆ NGÔN CỦA TRƯỜNG LÃO NI SUBHĀ, CON NGƯỜI THỢ VÀNG (*Subhākammāradhītuttherīgāthā*) (Thīg. 156; ThīgA. 236)

339. Ta trước mặc áo trắng,
Do ta không phóng dật,
Được nghe giảng Chánh pháp,
Chứng tri được chân lý.
340. Nhờ vậy đổi mọi dục,
Thấy sợ hãi thân kiến,
Không còn tham muốn lớn,
Ta mong muốn viễn ly.
341. Ta bỏ chúng bà con,
Làng ruộng đất phì nhiêu,
Bỏ lao công, nô tỳ,
Khiến người thích hân hoan.
342. Từ bỏ, ta xuất gia,
Nhờ Diệu pháp khéo thuyết,
Gia sản đâu có ít,
Ra đi với lòng tin.
343. Ta không thể hy cầu,
Vàng bạc ta đã bỏ,
Vật gì thuận gia sản,
Sao lại đi đến chúng?
344. Vàng bạc không giác ngộ,
Không hợp hạnh Sa-môn,
Không làm người an tịnh,
Không phải tài sản Thánh.
345. Chính vàng hay bạc này,
Làm con người ngu si,
Làm tăng trưởng bụi trần,
Làm tham ái, đắm say,
Đây không gì trường cửu.
346. Đây loài người tham đắm,
Phóng dật, tâm uế nhiễm,
Chống đối, thù địch nhau,
Rộng đường, đấu tranh nhau.
347. Giết hại, trói, tra tấn,
Hao tài, sâu, ưu tư,
Những ai chìm trong dục,
Gặp phải nhiều tai họa.
348. Vì sao bà con ta,
Giống như kẻ thù ta,
Lại trôi buộc ta vào,
Trong vòng các dục lạc,
Vì thấy dục đáng sợ.

349. Bạc, vàng không có thể,
Các dục là thù địch,
Chúng là kẻ oán thù,
Đoạn được các lậu hoặc,
Sát nhân, chuyên giết hại,
Là mũi tên, dây trói.
350. Vì sao bà con ta,
Lại trói buộc ta vào,
Hãy biết ta xuất gia,
Giống như kẻ thù ta,
Trong vòng các dục lạc,
Cạo tóc đắp đại y.
351. Nuôi sống bằng đồ ăn,
Y áo được tác thành,
Sống vậy thích hợp ta,
Tích lũy nhờ khát thực,
Với miếng vải lượm lặt,
Cơ bản, sống không nhà.
352. Dục, Đại sĩ từ bỏ,
Trú an ổn, giải thoát,
Không dao động, an lạc.
Dục loài trời, loài người,
Không dao động, an lạc.
353. Chớ để ta đến dục,
Dục, thù địch sát nhân,
Trong dục không an toàn,
Gây khổ dụ đồng lửa.
354. Đường hiểm đầy sợ hãi,
Tham ái đường gập ghềnh,
Đầy khổ hoạn, gai góc,
Cội căn lớn của si.
355. Tai họa đầy hải hùng,
Kẻ ngu thích thú dục,
Các dục dụ đầu rắn,
Kẻ mù lòa, phạm phu.
356. Chúng sanh chìm bùn dục,
Họ không có rõ biết,
Những kẻ không thấy đời,
Sự chấm dứt sanh tử.
357. Loài người vì nhân dục,
Phản nhiều đi đường ấy,
Con đường đến ác thú,
Khiến tự ngã bệnh hoạn.
358. Như vậy dục sanh thù,
Dục thuộc về thể vật,
Nung nấu, làm uế nhiễm,
Trói người vào tử vong.
359. Dục làm cho điên cuồng,
Làm uế nhiễm chúng sanh,
Loạn ngôn, tâm thác loạn,
Sắp rơi bẫy Ác ma.
360. Dục nguy hiểm khôn cùng,
Ngọt ít, tạo đấu tranh,
Nhiều khổ, thuốc độc lớn,
Héo tàn ngày tươi sáng.
361. Ta quyết định như vậy,
Tác thành điều bất hạnh,
Không trở lui dục nhân,
Luôn vui hưởng Niết-bàn.
362. Quyết đấu tranh với dục,
Sẽ sống không phóng dật,
Chờ đợi mát, lắng dịu,
Đoạn diệt kiết sử dục.
363. Ta đi theo đường ấy,
Không sầu, không cầu ướ,
Đường Đại sĩ đi qua,
An ổn thẳng tám ngàn nh.
364. – Hãy xem Subhā này,
Con gái một thợ vàng,
An trú trên Chánh pháp,
Đạt được không tham dục,
Ngồi hành trì thiền định,
Ở dưới một gốc cây.

- | | |
|---|--|
| <p>365. Hôm nay, ngày mừng tám,
Với lòng đầy tin tưởng,
Uppalavannā,
Cô chứng được Ba minh,</p> <p>366. Cô tự mình giải thoát,
Là vị Tỷ-kheo-ni,
Ly hệ mọi khổ ách,
Đối với các lậu hoặc,</p> <p>367. Sakka đến với cô,
Với thần thông diệu dụng,
Cô chỉ là con gái,
Nhưng nay là Hội chủ,</p> | <p>Từ khi cô xuất gia,
Sáng chói Chơn diệu pháp,
Huân luyện, giảng dạy cô,
Vượt qua được thần chết.</p> <p>Không còn có nợ nần,
Các căn được tu tập,
Việc cần làm làm xong,
Cô đoạn diệt hoàn toàn.</p> <p>Cùng với chúng chư thiên,
Chúng đánh lễ Subhā,
Con một người thợ vàng,
Của mọi loài chúng sanh.</p> |
|---|--|

Vào ngày thứ tám sau khi cô đã thọ giới, cô chứng quả A-la-hán. Thế Tôn ngồi dưới một cành cây, nói lên bài kệ (364-66) để tán dương cô và chỉ cô cho các Tỷ-kheo biết. Câu kệ cuối cùng do các Tỷ-kheo thêm vào để tán dương Sakka đã đến đánh lễ cô.



CHƯƠNG XIV

BA MƯƠI KỆ

(TIMSANIPĀṬA)

§71. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI SUBHĀ Ở VƯỜN XOÀI CỦA JĪVAKA (*Subhājīvakambavanikātherīgāthā*) (Thīg. 159; ThīgA. 245)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh ở Rājagaha (Vương Xá), trong gia đình một Bà-la-môn nổi tiếng và được đặt tên là Subhā. Chính vì thân thể của cô tuyệt đẹp, nhất là tay chân, nên được gọi là Subhā (Người Đẹp). Khi bậc Đạo sư ở Rājagaha (Vương Xá), cô khởi lòng tin và trở thành một nữ cư sĩ. Về sau, cô nghĩ đến kiếp người, thấy sự nguy hiểm của các dục lạc và thấy được sự an tịnh trong nếp sống viễn ly, cô xuất gia với sự hướng dẫn của bà Mahāpajāpatī. Cô đã phát triển thiền quán và chứng được quả Bất lai.

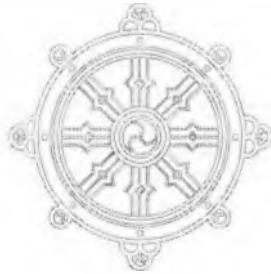
Một hôm, một thanh niên trẻ tuổi ăn chơi ở Rājagaha đứng nơi vườn xoài của Jīvaka và thấy cô đi vào vườn để nghỉ trưa. Người thanh niên chặn đường cô lại và xin thỏa mãn dục lạc. Cô nói pháp, dạy cho người thanh niên biết với nhiều bài kệ về sự nguy hiểm của dục lạc và sự lựa chọn của cô đối với đời sống viễn ly, nhưng người thanh niên không nghe cô nói, vẫn đòi thỏa mãn dục lạc. Vị Trưởng lão Ni, lúc này không dùng những lời khuyên nhủ nữa, thấy người thanh niên mê say con mắt của mình, liền móc một con mắt đưa cho người thanh niên và nói đây là con mắt có tội của cô. Người thanh niên hoảng sợ, khùng khiếp và xin lỗi cô. Cô đi đến trước vị Đạo sư và khi thấy Ngài, con mắt của cô được chữa lành như cũ. Do vậy, trước đức Thế Tôn, cô chân động, hoan hỷ tột cùng. Bậc Đạo sư biết được tâm trạng của cô nên khích lệ và giúp cô đạt được quả vị cao nhất. Điều phục tâm hoan hỷ của mình, cô phát triển thiền quán, chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ. Sau đó, an trú trong an lạc Niết-bàn, cô nghĩ đến những gì đã chứng được và nói lên câu chuyện của mình với người thanh niên ăn chơi bằng những bài kệ như sau:

- | | | |
|------|---|---|
| 368. | Trong rừng xoài tươi đẹp,
Tỷ-kheo-ni Subhā,
Có chàng trẻ ăn chơi,
Cô nói với người ấy, | Của ông Jīvaka,
Đang bộ hành đi tới.
Ngăn chặn Subhā lại,
Những lời nói như sau: |
| 369. | – Ta đã xúc phạm gì,
Thật là không xứng đáng,
Xúc phạm nữ xuất gia, | Để ông đứng chặn ta?
Để một người đàn ông,
Hỡi Hiền giả, hiểu cho. |

370. Bạc Tôn sư ta dạy,
Được bậc Thiện Thệ thuyết,
Không có cầu uế nào,
Chính học pháp như vậy,
Là con đường thanh tịnh,
Sao ông đứng chặn ta?
371. Tâm ta thật thanh tịnh,
Tâm người đầy tham ái,
Mọi nơi ý giải thoát,
Tâm người không thanh tịnh,
Ta không tham, không uế,
Sao ông đứng chặn ta?
372. – Cô trẻ, không ác pháp,
Hãy bỏ áo cà-sa!
Cô xuất gia làm gì?
Đến lạc hưởng rừng hoa.
373. Toàn hoa tỏa hương ngát,
Xem tuổi xuân, tuổi trẻ,
Hãy đến thọ hưởng lạc,
Cây rười bụi muôn hoa,
Là thời tiết hạnh phúc,
Trong rừng nở trăm hoa.
374. Con đường dưới vòm hoa,
Cô được lạc thú gì,
Xào xạc gió lay động,
Khi một mình vào rừng?
375. Trú xứ chúng thú dữ,
Rừng lớn trống không người,
Cô lại muốn đi vào,
Vang tiếng voi rống đục,
Nhiều hiện tượng hãi hùng,
Không một ai bạn đường.
376. Như búp bê vàng chói,
Cô đắp vải Kāsi,
Giống tiên nữ vườn trời,
Đẹp mịn, sáng chói cô.
377. Ta sống nô lệ cô,
Không một sanh loại nào,
Hỡi cô mắt dịu hiền,
Nếu cô sống ở rừng,
Mà ta yêu hơn cô,
Như mắt Kinnarī.
378. Nếu cô theo lời ta,
Hạnh phúc sống gia đình,
Sống có các nữ nhân,
Cô sẽ được hạnh phúc,
Sống lâu dài che gió,
Hầu hạ phục vụ cô.
379. Mang lụa mịn Kāsi,
Ta làm nhiều trang sức,
Dùng vòng hoa, sáp đỏ,
Vàng, châu báu, ngọc ngà.
380. Cô leo lên giường quý,
Che màn đẹp tinh sạch,
Gỗ chiên-đàn lõi thơm,
Trái nệm mới lông dài.
381. Như sen vươn từ nước,
Như vậy cô Phạm hạnh,
Phục vụ cho phi nhân,
Sống toàn hảo đến già.
382. – Ở đây là cái gì,
Trong nghĩa địa ứ đây,
Ông được thấy cái gì,
Ông xem là tuyệt diệu,
Trần đầy những thân xác,
Trong thân xác hủy hoại,
Khi ông thốt ra lời,
Si mê, vô ý thức?
383. – Chính mắt như sơn dương,
Ta thấy con mắt cô,
Như Kinnarī giữa rừng,
Dục lạc liền tăng trưởng.

384. Trong gương mặt không ướ,
Chẳng khác gì hoa sen,
Thấy con mắt của cô,
Sáng chói như vàng ròng,
Đặt chính giữa đài sen,
Lòng dục liền tăng trưởng.
385. Tuy xa ta vẫn nhớ,
Không gì ta yêu hơn,
Lông mi dài tuyệt đẹp,
Mắt Kinnarī của cô.
386. – Ông muốn dùng phi đạo,
Muốn nhảy qua Meru,
Tìm mặt trăng mà chơi,
Muốn tìm đến con Phật.
387. Trên đời này, cõi trời,
Ta không biết người ấy,
Ta nay không tham ái,
Người ấy như thế nào,
Đường đạo đã giết sạch,
Giết hại tận gốc rễ.
388. Quãng đi như hổ than,
Đánh giá như thuốc độc,
Than hừng đang cháy đỏ,
Ta không biết người ấy,
Đang xâm nhập đến thân,
Người ấy như thế nào,
Đường đạo đã giết sạch,
Giết hại tận gốc rễ.
389. Hãy cảm dỗ nữ nhân,
Hay Đạo sư người ấy,
Không có biết quán sát,
Ông mê hoặc người ấy,
Đang còn phải học tập,
Làm hại được người ấy.
390. Còn ta đã chánh niệm,
Biết hữu vi bất tịnh,
Đổi khen chê, lạc khổ,
Bám chặt tư tưởng ấy.
391. Ta là đệ tử Ni,
Ta đã dần thân bước,
Của bậc Đại Thiện Thệ,
Mũi tên đã nhỏ lên,
Trên đường đạo tám ngành,
Không còn các lậu hoặc,
Ta đi đến nhà trống,
Tâm tư ta hoan hỷ.
392. Ta đã được thấy nó,
Vội trục quay gỗ mới,
Một búp bê khéo vẽ,
Ta đi đến nhà trống,
Khéo cột với dây que,
Nhiều điệu múa khác nhau.
393. Dây que ấy được rút,
Búp bê ấy nhảy múa,
Mở lòng rời phân tán,
Thành trống không, miếng nhỏ,
Chỗ nào ý say đắm?
394. Thân ta ví dụ vậy,
Không bộ phận, không động,
Không bộ phận, không động,
Chỗ nào ý say đắm?
395. Như thấy một bức vẽ,
Cái thấy ông đảo lộn,
Tô màu đỏ trên tường,
Vì trí người thiếu sót.
396. Ảo thuật xem tối thượng,
Mù lòa người chạy theo,
Như cây vàng trong mộng,
Cái trống không, không thật,
Được xem giữa quần chúng.
397. Mắt tựa như hòn bi,
Được đặt trong cái hốc,
Chính giữa là con người,
Có nước mắt ươn ướt,
Nơi đó sanh mù ghen,
Và mắt xoay nhiều dạng.

- | | |
|--|--|
| <p>398. Thiếu nữ đẹp tuyệt ấy,
Bóc một con mắt cô,
Và nói hãy cầm lấy,</p> | <p>Với tâm không chấp trước,
Trao liền cho người ấy,
Con mắt này của người.</p> |
| <p>399. Khi ấy tham liên diệt,
Mong rằng Phạm hạnh Ni,
Tôi sẽ không còn dám,</p> | <p>Ông khẩn cầu xin lỗi,
Được an ổn trở lại,
Xâm phạm thế này nữa.</p> |
| <p>400. Hại hạng người thế này,
Tôi như nắm rắn độc,</p> | <p>Chẳng khác ôm lửa hừng,
Mong an ổn tha thứ.</p> |
| <p>401. Thoát khỏi bị xúc phạm,
Từ đây đi đến gần,
Thấy được tướng công đức,
Mắt của cô hồi phục,</p> | <p>Vị Tỷ-kheo-ni ấy,
Bạc Giác Ngộ Thù Thắng,
Tốt đẹp và thù thắng,
Được trở lại như xưa.</p> |



CHƯƠNG XV

BỐN MƯƠI KỆ

(*CATTĀLĪSANIPĀṬA*)

§72. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI ISIDĀSĪ (*Isidāsītherīgāthā*) (*Thīg.* 163; *ThīgA.* 260)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh ở Ujjenī, con gái của một thương gia có giới đức, được kính trọng và giàu có, và cô được đặt tên là Isidāsī. Khi đến tuổi trưởng thành, người cha gả cô cho con trai của một người thương gia xứng đôi vừa lứa. Trong một tháng, cô sống với chồng đúng với bốn phận của một người vợ trung thành. Nhưng vì nghiệp đời trước của cô, người chồng trở nên lạnh nhạt và đuổi cô ra khỏi nhà. (Sự việc này được ghi rõ trong nguyên bản Pāli). Cô buồn chán bởi vì không muốn hết lấy người chồng này đến người chồng khác và khi được cha cho phép, cô đã xuất gia tu tập dưới sự hướng dẫn của Trưởng lão Ni Jinadattā. Sau khi tu tập thiền quán, không bao lâu cô chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ.

Trú trong sự an lạc Niết-bàn, một hôm, sau khi đi khát thực trong thành Patna và ăn xong, cô ngồi bên bờ cát sông Hằng và đáp lời hỏi của Trưởng lão Ni Bodhī, cô nói lên kinh nghiệm tu tập của mình ngang qua những bài kệ này. Và để cho có sự liên hệ giữa các câu trả lời trước và sau, có bài kệ được các vị kết tập về sau thêm vào:

- | | | |
|------|--|--|
| 402. | Trong thành được đặt tên,
“Pāṭaliputta,
Sống hai Tỷ-kheo-ni,
Thuộc gia đình Thích-ca, | Tên chi một đóa hoa,
Con của đóa bông kèn”,
Có giới hạnh tốt đẹp,
Gia đình cao quyền quý. |
| 403. | Một Isidāsī,
Cả hai có giới hạnh,
Được nghe kinh điển nhiều, | Thứ hai tên Bodhī,
Ưu thích tu thiền định,
Kiết sử được trừ bỏ. |
| 404. | Họ đi khát thực xong,
Ngồi hưởng lạc viễn ly, | Ăn xong, bát rửa sạch,
Nói lên những lời này: |
| 405. | – Hỡi Isidāsī,
Tuổi thọ chưa tổn giảm,
Khiến tâm chú trọng nhiều, | Căn cô thật thoải mái,
Cô thấy khuyết điểm gì,
Đến hạnh nguyện xuất ly. |

406. Như vậy sống viễn ly,
Isidāsī thuyết,
– Hãy nghe, này Bodhī,
407. Tại thành phố thù thắng,
Cha ta là triệu phú,
Ta là con gái một,
408. Từ thành Sāketa,
Một gia đình quyền quý,
Triệu phú bèn gả ta,
409. Sáng và chiều ta đến,
Cúi đầu đánh lễ chân,
410. Với chị, với em anh,
Thấy một người bước vào,
411. Về đồ ăn, uống, nhai,
Ta thết đãi cho ăn,
412. Ta thức dậy đúng thời,
Rồi chà rửa chân tay,
413. Cầm theo lược, trang liệu,
Ta trang điểm chồng ta,
414. Ta tự nấu dọn cơm,
Như mẹ đối với con,
415. Như vậy phục vụ chồng,
Dậy sớm không biếng nhác,
Với giới hạnh tốt đẹp,
416. Chồng ta nói mẹ cha:
Với Isidāsī,
Cùng dưới một mái nhà,
417. “Chớ nói vậy, này con!
Thông minh, biết dậy sớm,
418. “Cô không hại gì con,
Có thể sống chung được,
Con ghét cay, chán ngấy,
419. Được nghe lời chồng nói,
“Làm gì xúc phạm chồng?
420. “Con không xúc phạm gì!
Với lời nói khó chịu,
Tuy vậy chồng của con,
Thiện xảo về thuyết pháp,
Lời nói như thế này:
Ta xuất gia thế nào.
Đặt tên Ujjenī,
Có đức độ giới hạnh,
Được cha thương yêu quý.
Một người dạm hỏi đến,
Hỏi ta cho con trai,
Làm dâu người giàu ấy.
Đánh lễ cha mẹ chồng,
Như ta được dạy bảo.
Với bà con chồng ta,
Ta e sợ mời ngồi.
Được cất giữ có chỗ,
Thích hợp từng người một.
Đi vòng quanh khắp nhà,
Ta đến lễ chồng ta.
Thuốc xoa mắt, gương nhỏ,
Như thị tỷ hầu hạ.
Ta tự rửa chén bát,
Ta hầu chồng như vậy.
Với phục vụ tối thượng,
Với tâm tư khiêm tốn,
Nhưng chồng ác cảm ta.
“Xin phép con sẽ đi!
Con không thể sống chung,
Con không thể cùng ở.”
Vợ con, người có trí,
Sao con không hoan hỷ?”
Nhưng con không bao giờ,
Với Isidāsī,
Xin phép con sẽ đi!”
Cha mẹ chồng hỏi ta:
Hãy thẳng thắn nói thật.”
Không hại, không mưu tính.
Có thể làm gì được?
Lại ác cảm chống con.”

421. Họ đưa ta về nhà,
Với tâm tư khổ não,
Không muốn mất con trai,
Ôi, chúng ta bại trận,
422. Cha ta lại gả ta,
Một gia đình giàu có,
Là tiên gả bán ta.
423. Ta chỉ sống một tháng,
Vị ấy trả lui ta,
Chẳng khác người nô lệ,
424. Cha ta nói khát sĩ,
“Ngươi hãy làm rể ta,
425. Vị ấy sống nửa tháng,
“Hãy trả lại áo rách,
Con nay muốn sống lại,
426. Cha mẹ, toàn bà con,
“Ở đây có cái gì,
Hãy nói gấp cái gì,
427. Được nói vậy, vị ấy,
“Nếu đối với tự ngã,
Nhưng con không chung sống,
428. Từ già, vị ấy đi,
Ta đến để xin phép,
429. Rồi Jinadattā,
Trong khi đi khát thực,
Vị thọ trì giới luật,
430. Thấy Ni sư, chúng tôi,
Và ta liền sửa soạn,
Ngồi xuống ta đánh lễ,
Lễ xong ta cúng dường,
431. Các món ăn, uống, nhai,
Làm Ni sư thỏa mãn,
Nay ta muốn xuất gia,
Cha ta nói với ta:
432. Hành trì đúng Chánh pháp,
Hãy làm cho thỏa mãn,
433. Vừa nói, ta khóc lóc,
“Với điều ác con làm,
- Nhà thân phụ của ta,
Sùng sốt và bối rối,
Họ muốn bảo vệ nó,
Bởi nữ thân may rủi!
- Cho gia đình thứ hai,
Bằng lòng nửa số tiền,
- Trong gia đình vị ấy,
Dầu ta tận tụy làm,
Không lỗi lầm, có đức.
- Sống điều phục chế ngự,
Bỏ áo rách, ghè bình!”
- Rồi nói với cha ta,
Ghè bình và bình bát,
Nghề khát sĩ của con.”
- Liền nói với vị ấy:
Làm con không bằng lòng?
Làm con không vừa ý?”
- Liền trả lời như sau:
Con có thể bằng lòng,
Với Isidāsī!”
- Một mình ta suy nghĩ:
Hoặc chết hay xuất gia.
- Vị Ni sư ấy đến,
Đến gia đình cha ta,
Nghe nhiều, có giới hạnh.
- Đều đứng lên kính cẩn,
Chỗ ngồi cho Ni sư,
Dưới chân bậc Ni sư,
Các đồ ăn, đồ uống.
- Tại đây được dự trữ,
Ta thừa với Ni sư,
Sống đời không gia đình,
“Này con, hãy ở đây!
- Với đồ ăn đồ uống,
Sa-môn, hai lần sanh.”
- Chấp tay vái cha ta:
Con sẽ tiêu nghiệp ấy.”

434. Cha ta nói với ta:
Và Chánh pháp tối thượng!
Đã được Lương Túc Tôn,
435. Ta đánh lễ mẹ cha,
Sau bảy ngày xuất gia,
436. Ta biết bảy đời trước,
Ta sẽ nói cho bạn,
437. Tại thành phố đặt tên,
Ta sống là thợ vàng,
438. Say đắm với tuổi trẻ,
Do vậy sau khi chết,
Ta bị đốt nung nấu,
Thoát khỏi sự nung đốt,
439. Bảy ngày từ khi sanh,
Đây là quả của nghiệp,
440. Từ đây ta chết đi,
Sanh trong bụng con dê,
441. Mười hai năm bị thiến,
Sán trùng ăn vô bụng,
442. Từ đây ta chết đi,
Của một lái buôn bò,
Khi được mười hai tháng,
443. Rồi ta lại kéo cày,
Mù, lo lắng, vô dụng,
444. Từ đây chết được sanh,
Không là nữ không nam,
445. Đến tuổi ba mươi lăm,
Sanh làm người con gái,
Nghèo khổ, ít tài sản,
446. Do tiền nợ tăng trưởng,
Kéo ta, dầu ta khóc,
447. Khi ta mười sáu tuổi,
Con trai thương gia ấy,
448. Nhưng nó có vợ khác,
Lại biết thương mến chồng,
449. Do quả của nghiệp này,
Dầu ta như nô tỳ,
Nhưng nay ta chấm dứt,
- “Hãy chứng ngộ Bồ-đề,
Hãy chứng đắc Niết-bàn,
Thành tựu và chứng đạt!”
Cùng tất cả bà con,
Ta chứng được Ba minh.
Quả gì nay thành thực,
Hãy một lòng lắng nghe.
Erakacca,
Tài sản thật phong phú.
Ta xâm phạm vợ người,
Trong cảnh giới địa ngục,
Trong một thời gian dài,
Ta sanh trong bụng khi.
Ta bị khi chúa thiến,
Do đi đến vợ người.
Mạng chung rừng Sindha,
Một mắt và què quặt.
Mang nặng những đứa con,
Do đi đến vợ người.
Sanh làm con bò cái,
Con ghé màu đỏ sẫm,
Lại bị người ta thiến.
Kéo xe cho chúng nó,
Do đi lại vợ người.
Nhà nữ tỳ gần đường,
Do đi lại vợ người.
Bị chết, ta được sanh,
Gia đình người đánh xe,
Rơi vào tay vay lãi.
Chủ lũ đoàn bắt ta,
Lôi ta ra khỏi nhà.
Lớn lên thành thiếu nữ,
Bắt ta lấy làm vợ.
Có giới đức, danh xưng,
Chính ta tạo thù hằn.
Họ khinh ghét chồng ta,
Hầu hạ phục vụ họ,
Mọi sự việc như trên.

CHƯƠNG XVI

ĐẠI TẬP (MAHĀNIPĀTA)

§73. KỆ NGÔN CỦA TRƯỞNG LÃO NI SUMEDHĀ (*Sumedhātherīgāthā*)¹ (*Thīg.* 167; *ThīgA.* 272)

Trong thời đức Phật hiện tại, cô được sanh ở thành Mantāvātī, con gái của Vua Koṇca và được đặt tên là Sumedhā. Khi đến tuổi trưởng thành, cha mẹ cô bằng lòng để Anikadatta, vua xứ Vāraṇavatī xem mắt cô. Nhưng từ lúc nhỏ, trong một thời gian dài, cô thường đi cùng với các công chúa trang lứa và những người hầu đến tinh xá nghe các Tỷ-kheo-ni thuyết pháp, vì chí nguyện từ lúc còn nhỏ nên cô sợ hãi sự sanh tử luân hồi, tâm tư thiên về đời sống xuất gia, không ưa thích các dục lạc. Khi nghe quyết định của cha mẹ và bà con, cô nói: “Bốn phận của con không phải ở trong đời sống gia đình, con sẽ xin xuất gia” và cha mẹ, bà con không thể khuyên cô từ bỏ quyết định của cô. Cô suy nghĩ: “Như vậy, ta sẽ được phép xuất gia” và cương quyết theo chí nguyện của mình, cô cắt tóc và dùng tóc làm đũa mục quán chiếu như phương pháp thiền quán của các Tỷ-kheo-ni thường thực tập. Cô chú tâm vào tánh bất tịnh của sắc đẹp thân xác và chứng được Sơ thiền. Khi cô ở trong định Sơ thiền, cha mẹ và bà con đến phòng để nói chuyện gả chồng, nhưng cô khiến cho mọi người, kể cả người hầu cận của vua đến để rước cô về cũng tin vào đạo pháp. Rồi cô từ bỏ gia đình, đi đến tinh xá Tỷ-kheo-ni để xuất gia. Sau khi tu tập thiền quán chín muồi, cô chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ và nghĩa tín thọ. Quán chiếu đến thành quả của mình, cô nói lên sự phấn khởi, hoan hỷ:

- | | | |
|------|---|--|
| 450. | Con gái Vua Koṇca,
Tại Mantāvātī,
Hân hoan gắng thực hành, | Với hoàng hậu chánh ngôi,
Được sanh Sumedhā,
Lời dạy bậc Đạo sư. |
| 451. | Giới hạnh thuyết giảng khéo,
Theo lời đức Phật dạy,
Nói rằng: “Thưa mẹ cha, | Nghe nhiều, khéo huấn luyện,
Cô đến cha mẹ cô,
Cả hai, hãy nghe con! |
| 452. | Con hân hoan Niết-bàn,
Sanh hữu ấy vô thường,
Trống không, vị ngọt ít, | Dầu sanh hữu chur thiên,
Giá trị gì các dục,
Còn tàn hại thời nhiều. |

¹ Xem *Ap.* II. 512, *Sumedhātherīpadāna* (Ký sự về Trưởng lão Ni Sumedhā).

453. Các dục thật cay đắng,
Kẻ ngu mới tham đắm,
Những ai thọ hưởng dục,
Bị khổ đau địa ngục,
Ví như nọc rắn độc,
Trong các loại dục ấy.
Trong một thời gian dài,
Hành hạ và tàn hại.
454. Những kẻ làm nghiệp ác,
Bị đau đớn sâu khổ,
Kẻ ngu thường không nhiếp,
Kẻ ngu có liệt tuệ,
Không ngăn chặn khổ tập,
Không biết lo học hỏi,
Không tư duy quyết định,
Khi có thời thuyết pháp,
Không giác tri Thánh đế.
455. Những sự thật, thừa mẹ,
Phần lớn chúng quần sanh,
Họ hoan hỷ tái sanh,
Phật thù thắng thuyết giảng,
Không hiểu sự thật ấy,
Ước muốn sanh thiên giới.
456. Sanh thiên không thường trú,
Kẻ ngu không sợ hãi,
Sanh hữu là vô thường,
Luôn luôn phải tái sanh.
457. Bị sanh bốn đạo xứ,
Được chúng khó khăn thay,
Trong cảnh giới địa ngục,
Được sanh thiên, nhân giới,
Những ai rơi đạo xứ,
Không có sự xuất gia.
458. Mong cả hai cha mẹ,
Trong giáo pháp thuyết giảng,
Sống thông dong nhân hạ,
Cho con được xuất gia,
Của bậc chứng Mười lực,
Nỗ lực đoạn sanh tử.
459. Sao con ưa tái sanh,
Thân trống rỗng, không lỗi,
Tham ái được tái sanh,
Với thân tội lỗi này,
Vì mục đích đoạn diệt,
Xin cho con xuất gia.
460. Nay thời Phật ra đời,
Thời cơ nay đã đến,
Con không làm tổn thương,
Phi thời đã từ bỏ,
Cho đến trọn đời con,
Giới luật và Phạm hạnh.”
461. Sumedhā nói vậy,
“Con nguyện không ăn uống,
Ở đây con sẵn sàng,
Cô lại thừa mẹ cha:
Khi còn là cư sĩ,
Chờ chết đến với con.”
462. Mẹ sầu khổ khóc than,
Họ gắng thuyết phục ta,
Cha hoàn toàn sững sốt,
Nằm dưới đất lâu dài.
463. “Này, con hãy đứng dậy!
Khi con được cả nước,
Anikadatta,
Có gì là sâu khổ,
Vāraṇavatī,
Đẹp trai, xứng đôi con.
464. Con sẽ là hoàng hậu,
Này con, thật khó thay!
Giữ gìn các giới luật,
Vợ chính Anika!
Đời sống vị xuất gia,
Sống đời sống Phạm hạnh.

466. Uy lực của vị vua,
Sản nghiệp và hạnh phúc,
Hãy thọ hưởng dục lạc,
467. Sumedhā thừa rằng:
Họ đi đến tái sanh,
Hoặc xuất gia hoặc chết,
468. Sá gì thân hôi nhớp,
Bao da đưng xác chết,
469. Sá gì thân ta biết,
Chỗ chứa đưng loài giòi,
Thân xác này là vậy,
470. Thân thể bỏ nghĩa địa,
Như khúc gỗ quăng bỏ,
471. Thân ấy quăng nghĩa địa,
Trước chúng tắm rửa sạch,
Cha mẹ còn như vậy,
472. Họ mê thân không lỗi,
Đầy nước miếng, nước mắt,
473. Nếu thân được mổ xẻ,
Chính mẹ phải ghê tởm,
474. Chính do uẩn, xứ, giới,
Gốc tái sanh, đau khổ,
Hoàn toàn không vui thích.
475. Từng ngày trăm ngọn giáo,
Dầu bị hại trăm năm,
Vì khổ ấy cuối cùng,
476. Người trí quyết bằng lòng,
Bậc Đạo sư dạy rằng:
Với tâm tư giết hại,
477. Trong cảnh giới trời, người,
Ngạ quỷ và địa ngục,
478. Trong địa ngục rất nhiều,
Chỗ trú ẩn thiên giới,
479. Những ai đạt Niết-bàn,
Với những lời thuyết dạy,
Thong dong, không rộn ràng,
480. Thừa cha ngày hôm nay,
Những tài sản rỗng không,
- Tiền của và quyền thế,
Với tuổi trẻ thanh xuân,
Hãy nhận lời lấy chồng!”
- “Thôi đừng sự việc ấy,
Họ trống không, không lỗi,
Con chỉ cưới như vậy.
- Phát mùi gây sợ hãi,
Rỉ chảy đồ bất tịnh.
- Ghê tởm, lấm máu thịt,
Mồi ăn cho chim chóc,
Nay đem đến cho ai?
- Không lâu mất thức tri,
Bà con đều ghê tởm.
- Làm mồi ăn kẻ khác,
Nay chúng sanh ghê tởm,
Nói gì đến quần chúng.
- Ràng buộc bởi gân xương,
Đầy phân tiểu hôi hám.
- Lột nội phần ra ngoài,
Không chịu nổi mùi hôi.
- Tác thành các thân này,
Chúng như lý nói lên,
Vậy ai, con muốn cưới?
- Luôn luôn đâm vào thân,
Như vậy còn tốt hơn,
Rồi cũng được tiêu diệt.
- Sự giết hại như trên,
‘Họ luân hồi dài dài,
Liên tục nối tiếp nhau.
- Bàng sanh, a-tu-la,
Chịu giết hại vô lượng.
- Kẻ tâm uế đọa lạc,
Không có lạc Niết-bàn.’
- Họ liên hệ mật thiết,
Của bậc Đủ Mười Lực,
Nỗ lực đoạn sanh tử.
- Con quyết tâm ra đi,
Không có giá trị gì,

- Con ghê tởm các dục,
Chúng đã được tác thành,
481. Cô trả lời phụ thân,
Anikaratta,
Đi đến gần xin cưới,
482. Mái tóc đen, dày mịn,
Cửa lầu được đóng lại,
483. Cô sống trong cảnh thiền,
Sumedhā trong cung,
484. Trong khi cô tác ý,
Trang sức vàng châu báu,
485. Hãy trị vì quốc độ,
Vớ tài sản, hạnh phúc,
Hãy thọ hưởng các dục,
486. Ta giao nàng vương quốc,
Nàng chớ có buồn nản,
487. Sumedhā trả lời,
Đối với cô, các dục,
Chớ hoan hỷ các dục,
488. Mandhātā là vua,
Dục lạc ấy tối thượng,
Cũng chưa được thỏa mãn,
489. Dầu có mười bảy báu,
Không có dục thỏa mãn,
490. Các dục ví gươm giáo,
Ví như bó đuốc cháy,
491. Các dục không thường còn,
Khổ nhiều, thuốc độc lớn,
Nguồn gốc của bất hạnh,
492. Dục như trái của cây,
Giống như mộng như huyễn,
493. Dục như gươm, như cọc,
Bất hạnh và dao động,
Nguồn gốc của bất hạnh,
494. Như vậy dục nhiều khổ,
Hãy đi, từ bỏ tôi,
Thời đối với tự ngã,
- Con chán ngấy các dục,
Như thân cây tala.”
- Vớ lời nói như vậy.
Được hứa gả công chúa,
Theo như giờ hẹn định.
- Vớ gươm, cô cắt ngang,
Cô chứng được sơ thiền.
- Anika đến thành,
Tu tập tướng vô thường.
- Vua bước lên tam cấp,
Chấp tay cầu xin cô.
- Vớ tiền của, uy quyền,
Vớ tuổi trẻ thanh xuân,
Thật khó kiếm ở đời.
- Hưởng tài sản, bổ thí,
Khiến mẹ cha khổ đau.
- Vớ vua từng vấn đề,
Không cầu, không si mê,
Hãy thấy dục nguy hiểm.
- Chúa bốn châu hưởng dục,
Tuy vậy, khi vua chết,
Ước vọng chưa đầy đủ.
- Khắp mười phương đầy tràn,
Người chết chưa thỏa mãn.
- Các dục ví đầu rắn,
Giống xương gặm tron tru.
- Cũng không có thường hằng,
Như hòn đạn cháy đỏ,
Kết quả là đau khổ.
- Như miếng thịt, khổ lụy,
Dục như cửa vay mượn.
- Bệnh tật và cục bướu,
Ví như hổ than hừng,
Sợ hãi và tàn sát.
- Được gọi chương ngại pháp,
Khi tôi còn tái sanh,
Tôi không có lòng tin.

495. Ai giúp gì tôi được,
Khi già, chết bầm sát,
Đối với tàn hại ấy!
496. Không đi đến gần cửa,
Và Vua Anika,
Thấy vậy cô tỏ lời,
497. “Kẻ ngu đã lâu rồi,
Từ vô thi đến nay,
Khóc anh em bị giết,
498. Hãy nhớ từ vô thi,
Tuôn chảy theo luân hồi,
Hãy nhớ các chúng sanh,
499. Hãy nhớ trần bốn biển,
Hãy nhớ xương một kiếp,
500. Hãy nhớ từ vô thi,
Không đủ để làm thành,
Của người mẹ luân hồi.
501. Hãy nhớ từ vô thi,
Không đủ để làm thành,
Chứa người cha luân hồi.
502. Hãy nhớ tới hình ảnh,
Cho đầu nó lọt vào,
Để nói lên ví dụ,
503. Hãy nhớ thân sắc người,
Đây cả những bất hạnh,
Hãy thấy uẩn vô thường!
504. Hãy nhớ nghĩa địa lớn,
Nhớ sợ hãi thường luồng,
505. Nước bắt từ có đây,
Tất cả các đục lặc,
506. Nước bắt từ có đây,
Mọi đục lặc đốt cháy,
507. Đây không có kẻ thù,
Vua, lửa, trộm, nước, oán,
508. Ở đây có giải thoát,
Trong đục có giết trời,
- Khi đầu tôi đang cháy,
Tôi cần phải nỗ lực,
- Cô thấy mẹ và cha,
Ngồi dưới đất khóc than,
Thưa mọi người như sau:
Khóc luân hồi nối tiếp,
Khóc phải bị mạng chung,
Khóc tự mình bị giết.
- Nước mắt, sữa và máu,
Không bao giờ dừng nghỉ,
Luân hồi xương chất đồng.
- Đây nước mắt, sữa, máu,
Cao bằng Vipula.
- Cả đất nước Diêm-phù,
Những nắm mồ hôi tảo,
- Những cỏ cây cành lá,
Những ghè bốn ngón tay,
- Con rùa mù biển Đông,
Lỗ hồng khúc cây trôi,
Được làm người khó vậy.
- Được ví bong bóng nước,
Trống không, không có lõi,
Nhớ địa ngục nhiều họa.
- Do tái sanh tiếp tục,
Hãy nhớ bốn sự thật.
- Sao người uống trăm đắng,
Thật trăm cay ngàn đắng.
- Sao người ưa đục nảo,
Sôi sùng sục nung nấu.
- Sao thích đục thù địch!
Thù chung thật là nhiều.
- Sao để đục giết trời!
Mê đục nhiều khổ đau.

509. Đuốc cỏ đang cháy rực,
Dục ví như bó đuốc,
510. Chớ nhận dục lạc nhỏ,
Chớ như cá nuốt câu,
511. Hãy nhiếp phục trong dục,
Chớ để dục ăn người,
512. Khổ thật là vô lượng,
Người hệ lụy với dục,
513. Ở đây, không có già,
Mọi sanh ở khắp nơi,
514. Đây không già, không chết,
Không chết, không sầu não,
Không vấp ngã sợ hãi,
515. Đích này nhiều người đạt,
Nay cần phải chứng được,
Nếu không có nỗ lực,
516. Sumedhā nói vậy,
Cô thuyết phục được vua,
517. Đứng dậy Anika,
Hãy cho Sumedhā,
Để cho cô thấy được,
518. Mẹ cha cho xuất gia,
Sáu thắng trí chứng đạt,
Dầu còn là Học nữ.
519. Thật vi diệu, hy hữu!
Lại đạt được Niết-bàn!
“Thời trước đời cuối cùng.
520. Trong thời đức Thế Tôn,
Trong trú xứ mới làm,
Với bạn là ba người,
521. Mười lần, một trăm lần,
Chúng tôi sanh chư thiên,
522. Giữa chư thiên, chúng tôi,
Còn nói gì chúng tôi,
Ta hoàng hậu, bảy báu!
- Nắm không thả, bị đốt,
Đốt cháy ai không thoát.
Bỏ lạc lớn rộng rãi,
Sau phải chịu hoạn nạn.
Như chó bị dây cột,
Như dân đói ăn chó.
Khiến tâm nhiều ưu tư,
Hãy bỏ dục vô thường!
Sao theo dục bị già!
Bị bệnh chết chi phối.
Đây con đường không già,
Không thù địch trôi buộc,
Không nung nấu đọa đày.
Đích này là bất tử,
Ai như lý chú tâm,
Không sao chứng đạt được.”
Không thích đi đến thành,
Với tóc quăng trên đất.
Chấp tay xin cha cô,
Được xuất gia tu học,
Giải thoát và chân lý.
Thoát sầu, sợ, khiếp đảm,
Chúng luôn quả tột thượng,
Một công chúa con vua,
Cô nói lên như sau:
Koṇāgamana!
Tại cảnh Tăng già-lam,
Chúng tôi cúng tinh xá.
Mười trăm, trăm trăm lần,
Còn nói gì làm người.
Có được thần lực lớn,
Khi được làm thân người,
Ta chính là nữ báu.

523. Đây là nhân, là nguồn,
Kham nhẫn lời Đạo sư,
Đây chính là Niết-bàn,

524. Như vậy với lòng tin,
Lời nói đầy trí tuệ,
Họ chán ghét tái sanh,

Đây chính là căn gốc,
Đây đây chuyện thứ nhất,
Nếu chúng ta mến pháp.”²

Họ thuyết rõ nên lời,
Thù thắng và tối thượng,
Do chán ghét, tham diệt.



² Kệ 520-3, xem *Ap.* II. 512, *Sumedhātherīapadānaṃ* (Ký sự về *Sumedhā*).

